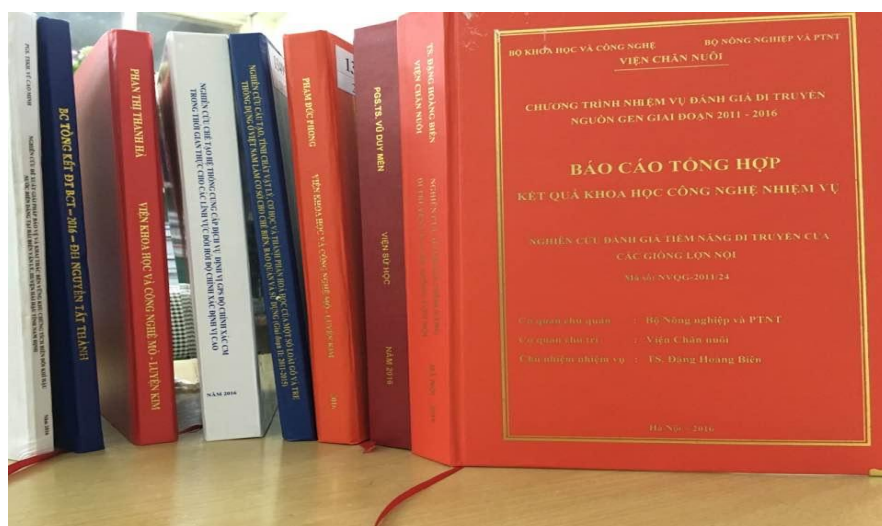


# THÔNG BÁO

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



**SỐ 04**  
**2022**



**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**(Định kỳ 1 số/tháng)**

**BAN BIÊN TẬP**

*Trưởng ban:* THS. VŨ ANH TUẤN

*Phó Trưởng ban:* ThS. Võ Thị Thu Hà  
ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh

*Ủy viên thư ký:* ThS. Nguyễn Thị Thưa  
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu  
CN. Nguyễn Thu Hà

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	ii
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	9
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	122

## LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

***Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội***

**ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: [quanly@vista.gov.vn](mailto:quanly@vista.gov.vn)**

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

**GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

① 74479.1-2020. ② Nghiên cứu đề xuất một số khu vực có thể phục hồi và tái tạo hệ sinh thái rạn san hô phục vụ du lịch sinh thái biển Khánh Hòa/ Võ Sĩ Tuấn, TS. Nguyễn Văn Long; CN. Phan Kim Hoàng; ThS. Thái Minh Quang; ThS. Phan Thị Kim Hồng; ThS. Mai Xuân Đạt; ThS. Phạm Sĩ Hoàn; ThS. Phạm Bá Trung; CN. Hứa Thái Tuyên; TS. Hoàng Xuân Bền - Khánh Hòa - Viện Hải dương học Nha Trang, 2018 - 01/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

③

⑥

⑦

⑧

⑨

⑩—Tổng quan về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, đa dạng sinh học ở vùng biển Khánh Hoà. Đánh giá hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô ở các khu vực có tiềm năng sử dụng cho mục tiêu du lịch sinh thái biển. Điều tra hiện trạng sử dụng và quản lý tài nguyên tại các khu vực tiềm năng. Phân tích các yếu tố tích cực và hạn chế liên quan đến phục hồi rạn san hô và phát triển du lịch sinh thái và đề xuất các khu vực có thể phục hồi và tái tạo rạn san hô nhằm sử dụng cho du lịch sinh thái. Xây dựng mô hình phục hồi, tái tạo rạn san hô với sự tham gia quản lý của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: KHA-2019-002

①	Mã tra cứu
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP  
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

<b>1. Khoa học tự nhiên .....</b>	<b>9</b>
10101. Toán học cơ bản .....	9
10102. Toán học ứng dụng.....	9
10201. Khoa học máy tính .....	10
10302. Vật lý các chất cô đặc.....	10
10303. Vật lý hạt và trường.....	11
10305. Vật lý plasma và chất lỏng .....	11
10402. Hoá vô cơ và hạt nhân.....	11
10403. Hoá lý .....	12
10404. Hoá học cao phân tử (polyme) .....	13
10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân) .....	13
10501. Địa chất học.....	14
10502. Khoáng vật học.....	14
10509. Các khoa học môi trường .....	15
10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển .....	16
10511. Khí hậu học .....	17
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước .....	18
10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh.....	20
10611. Thực vật học .....	20
<b>2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....</b>	<b>21</b>
20102. Kỹ thuật xây dựng.....	21
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải .....	21
20105. Kỹ thuật thủy lợi .....	22

20201. Kỹ thuật điện và điện tử .....	23
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC), .....	24
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông .....	26
20205. Viễn thông .....	27
20302. Chế tạo máy nói chung.....	29
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....	30
20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông.....	31
20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ .....	33
20310. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy xây dựng.....	33
20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thủy .....	33
20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng.....	34
20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng .....	35
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân .....	35
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm).....	36
20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung .....	36
20403. Kỹ thuật hoá dược .....	37
20506. Luyện các chất bán dẫn .....	37
20507. Vật liệu xây dựng .....	38
20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...) .....	39
20601. Kỹ thuật và thiết bị y học .....	40
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....	41
20704. Viễn thám .....	45
20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất.....	46
20707. Kỹ thuật đại dương.....	46

209. Công nghệ sinh học công nghiệp .....	46
20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.....	47
21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất).....	48
21101. Kỹ thuật thực phẩm.....	48
21102. Kỹ thuật đồ uống.....	49
<b>3. Khoa học y, dược.....</b>	<b>50</b>
30201. Nam học .....	50
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư .....	50
30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..) .....	51
30304. Dinh dưỡng; Khoa học về ăn kiêng .....	51
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc .....	52
30404. Hoá dược học .....	53
30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế .....	54
<b>4. Khoa học nông nghiệp .....</b>	<b>55</b>
40101. Nông hoá .....	55
40102. Thổ nhưỡng học .....	56
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	56
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả.....	57
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc .....	59
40106. Bảo vệ thực vật.....	59
40107. Bảo quản và chế biến nông sản.....	60
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi .....	61
40303. Dịch tễ học thú y .....	62

40304. Miễn dịch học thú y.....	62
40310. Vi rút học thú y.....	63
40405. Giống cây rừng.....	63
40502. Di truyền học và nhân giống thuỷ sản.....	64
40503. Bệnh học thuỷ sản .....	64
40504. Nuôi trồng thuỷ sản.....	64
40506. Quản lý và khai thác thuỷ sản .....	66
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;.....	67
40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp.....	69
<b>5. Khoa học xã hội .....</b>	<b>70</b>
50102. Tâm lý học chuyên ngành .....	70
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh .....	71
50202. Kinh doanh và quản lý .....	95
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. ..	100
50401. Xã hội học nói chung .....	102
50402. Nhân khẩu học.....	103
50404. Dân tộc học.....	103
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	104
50501. Luật học.....	106
50601. Khoa học chính trị.....	109
50602. Hành chính công và quản lý hành chính.....	112
50699. Khoa học chính trị khác .....	113
50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội.....	114
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá.....	114



50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị.....	115
50802. Thông tin học .....	115
<b>6. Khoa học nhân văn.....</b>	<b>116</b>
60101. Lịch sử Việt Nam .....	117
60206. Nghiên cứu văn học từng dân tộc, từng nước, khu vực khác .....	117
60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung .....	117
60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam..	118
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ .....	118
60303. Đạo đức học .....	120
60405. Nghệ thuật dân gian .....	120
699. Khoa học nhân văn khác .....	121

## THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

### 1. Khoa học tự nhiên

#### 10101. Toán học cơ bản

81732. 04-2022 **Nghiên cứu dáng điệu của dãy các hàm thông qua biến đổi tích phân dạng Fourier/** PGS.TS. Vũ Nhật Huy, GS.TSKH. Hà Huy Bàng - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu dáng điệu của dãy chuẩn của các đạo hàm trực tiếp thông qua phổ của hàm số cho không gian  $L_p$ . Nghiên cứu dáng điệu của dãy chuẩn của các nguyên hàm thông qua phổ của hàm số. Xác định điều kiện cần và đủ lên các đạo hàm cấp cao của hàm số để phổ của hàm số đó chứa trong một tập compact cho trước. Nghiên cứu chuẩn của các toán tử tích phân dao động Fourier.

Số hồ sơ lưu: 19511

81744. 04-2022 **Các bài toán ổn định và điều khiển trong hệ động lực và ứng dụng/** GS.TS. Nguyễn Hữu Dư, TS. Lê Công Lợi; ThS. Nguyễn Thu Hà; TS. Nguyễn Trọng Hiếu; TS. Lê Anh Tuấn; TS. Lê Vĩ; ThS. Vũ Hải Sâm - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - 08/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tính ổn định vững đối với các phương trình động học trên thang thời gian. Dựa vào tính chất của toán tử input-output đưa ra công thức tính bán kính ổn định của hệ biến thiên theo thời gian cho hệ

động lực ản trên thang thời gian. Xây dựng điều kiện cần và gần như đủ để biết được khi nào thì lớp cá thể bị nhiễm bệnh của một hệ dịch tế được mô tả bởi phương trình vi phân chịu nhiễu ngẫu nhiên sẽ phát triển bền vững và khi nào thì bệnh dịch sẽ bị dập tắt. Chứng minh phỏng đoán Gaussian product mới trong một số trường hợp khác và nghiên cứu tính ổn định nghiệm của phương trình trong trường mean fields.

Số hồ sơ lưu: 19521

#### 10102. Toán học ứng dụng

79280. 04-2022 **Mô hình hóa truyền chất trong môi trường rỗng kếp không bão hòa bằng phương pháp đa tỷ lệ/** TS. Trần Ngọc Tiến Dũng, PGS.TS. Nguyễn Thống; TS. Trần Văn Tiếng; ThS. Phạm Minh Quang; ThS. Trần Nguyễn Thiện Tâm; ThS. Lê Nguyễn Hải Nam; KS. Lý Minh Hoàng - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2021 - 05/2016 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mô hình hóa truyền chất trong môi trường rất không đồng nhất để góp phần hiểu rõ hơn bản chất phức tạp của truyền chất trong môi trường thực tế thường hay không đồng nhất, nhiều pha và nhiều thành phần. Trong nghiên cứu này những mô hình vĩ mô rỗng kếp và mối quan hệ giữa tính phân tán với cả tính không đồng nhất và độ bão hòa nước của môi trường là những mục đích cuối cùng muốn thiết lập bằng phương pháp đa tỷ lệ (multi-scale).

Bài toán truyền chất trong môi trường rỗng là lĩnh vực mới có rất ít nghiên cứu ở ĐHQG. TP. HCM nói riêng và cả nước nói chung. Trình độ của sinh viên và nghiên cứu viên tham gia dự án này sẽ cải thiện. Điều này một mặt sẽ dẫn đến hình thành một nhóm nghiên cứu mới có thể đảm trách giảng dạy và nghiên cứu ở những khoa khác nhau (kỹ thuật môi trường, địa chất hay xây dựng). Mặt khác, nó cũng cho phép phát triển những hợp tác với các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước trong những đề tài liên ngành.

Số hồ sơ lưu: 18501

### **10201. Khoa học máy tính**

79332. 04-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác lập, nộp lưu hồ sơ điện tử tại Bộ Công Thương/** CN. Nguyễn Thị Thanh Hương, CN. Võ Thị Thanh Vân; CN. Nguyễn Thị Anh; CN. Lương Thị Thùy Nga; CN. Võ Lan Hương; CN. Đặng Văn Phương; CN. Đinh Văn Vinh; CN. Đỗ Thanh Trình; CN. Đặng Văn Tú; CN. Nguyễn Thị Loan - Hà Nội - Văn phòng Bộ, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và pháp lý về lập hồ sơ điện tử và quản lý hồ sơ điện tử. Khảo sát, đánh giá thực trạng lập và quản lý hồ sơ điện tử tại Bộ Công Thương. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy trình lập, nộp lưu hồ sơ điện tử và xây dựng phần mềm lưu trữ hồ sơ điện tử tại Bộ Công Thương.

Số hồ sơ lưu: 18494

81350. 04-2022 **Một số hệ mã hóa với quyền giải mã linh động cho các thiết bị có năng lực yếu/** PGS.TS. Trịnh Viết Cường, TS. Nguyễn Trọng Bắc; TS. Dương Hoàng Dũng; TS. Lê Đình Nghiệp; ThS. Lê Văn Hào - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2021 - 04/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng hệ BE, hệ Multi-channel BE mới có độ hiệu quả cao để từ đó xây dựng hệ ABE có thể có đồng thời các tính chất độ dài bản mã ngắn, độ dài khóa bí mật ngắn, tốc độ giải mã nhanh. Nghiên cứu mở rộng các hệ ABE để có thể hỗ trợ được các tính chất như traitor tracing, ẩn danh, revocation hay phân phối khóa nhằm cải thiện mức độ an toàn của các hệ ABE hiệu quả hiện có. Xây dựng một phương pháp biến đổi tổng quát giữa Multi-channel BE và ABE hiện có tạo thành các hệ mã mới hiệu quả đạt an toàn trước tấn công chọn trước bản mã (CCA).

Số hồ sơ lưu: 19373

### **10302. Vật lý các chất cô đặc**

80934. 04-2022 **Chế tạo và nghiên cứu vật liệu biến hóa đa dải tần dựa trên các mô hình tương tác/** TS. Nguyễn Thị Hiền, TS. Nguyễn Xuân Ca; TS. Nguyễn Thanh Tùng; TS. Bùi Xuân Khuyến; TS. Nguyễn Văn Khiển; ThS. Bùi Sơn Tùng - Thái Nguyên - Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cải tiến công nghệ chế tạo, tìm ra vật liệu mới để giảm tổn hao khi mở rộng vùng tần số hoạt động sử dụng các mô hình tương tác. Tạo ra thêm nhiều dải tần mới ở các vùng tần số khác nhau. Tìm hiểu ảnh hưởng của các tác động ngoại vi (như nhiệt, điện, quang) đến các siêu vật liệu hoạt động đa dải tần hay vùng tần số hoạt động rộng. Nghiên cứu các yếu tố làm ảnh hưởng đến tổn hao của vật liệu từ đó tìm ra vật liệu mới cho độ tổn hao thấp và tìm ra quy trình công nghệ để chế tạo vật liệu mới này.

Số hồ sơ lưu: 19236

### 10303. Vật lý hạt và trường

80931. 04-2022 **Nghiên cứu ảnh hưởng của một số tạp chất và lớp đệm tới tính chất vật lý của màng sắt điện không chứa chì Bi<sub>0</sub>,5M<sub>0</sub>,5TiO<sub>3</sub> [M = Na, K và (Na, K)]/ TS. Ngô Đức Quân, ThS.Lê Thị Hải Thanh; PGS.TS.Nguyễn Hữu Lâm; ThS.Dương Văn Thiết; ThS.Nguyễn Hoàng Tuấn; ThS.Luyện Thị San - Hà Nội - Viện Vật lý Kỹ thuật, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu công nghệ chế tạo và tính chất sắt điện, áp điện của màng sắt điện không chứa chì nền Bi<sub>0</sub>, 5M<sub>0</sub>, 5TiO<sub>3</sub> hướng tới ứng dụng cho các linh kiện MEMS. Khảo sát ảnh hưởng của các điều kiện công nghệ lên tính chất vật lý của màng Bi<sub>0</sub>, 5M<sub>0</sub>, 5TiO<sub>3</sub>, từ đó rút ra được công nghệ tối ưu cho việc chế tạo màng sắt điện Bi<sub>0</sub>, 5M<sub>0</sub>, 5TiO<sub>3</sub>. Khảo sát ảnh hưởng của các lớp đệm ô-xit lên tính chất vật lý của màng

Bi<sub>0</sub>, 5M<sub>0</sub>, 5TiO<sub>3</sub> nhằm định hướng mạng tinh thể của màng, loại bỏ các bẫy điện tử dẫn tới tăng cường tính chất sắt điện và áp điện của màng.

Số hồ sơ lưu: 19222

### 10305. Vật lý plasma và chất lỏng

80078. 04-2022 **Điều kiện biên trượt bậc hai mới trong tính toán mô phỏng dòng khí loãng/ TS. Lê Tuấn Phương Nam, TS. Trần Thanh Toàn; ThS.Trần Ngọc Thoại; KS. Trần Hà Nam - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2020 - 12/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Đề xuất các điều kiện biên mới trong tính toán vận tốc trượt của dòng loãng trên bề mặt cố thể. Từ sự phân tích các ứng suất và truyền nhiệt phi tuyến từ mô hình BGK-Burmet, và sự hấp thụ hạt khí đẳng nhiệt Langmuir trên bề mặt cố thể để tích hợp chúng vào điều kiện vận tốc trượt và nhiệt độ cho dòng khí loãng ở tốc độ cao cho phương tiện bay và trong các thiết bị MEMS ở tốc độ thấp. Đánh giá toàn diện đầu tiên của các điều kiện trượt mới được đề xuất trong đề tài nghiên cứu này cho dòng khí loãng mà ứng dụng trong các ngành công nghiệp có liên quan như kỹ thuật hàng không và cơ khí chế tạo các thiết bị MEMS.

Số hồ sơ lưu: 18942

### 10402. Hoá vô cơ và hạt nhân

80932. 04-2022 **Nghiên cứu các cách tinh thể và tính chất động học trong vật liệu khối và hạt nano vô định hình bằng phương pháp mô phỏng/ PGS. TS. Phạm Hữu**

Kiên, TS. Phạm Mai An; TS. Nguyễn Thị Minh Thủy; ThS. Giáp Thị Thùy Trang - Thái Nguyên - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, 2021 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mẫu khối vật liệu khối và hạt nano bằng phương pháp động lực học phân tử. Mẫu vật liệu khối hạt và hạt nano được ủ nhiệt để quan sát quá trình biến đổi cấu trúc và động học không đồng nhất. Khi theo dõi quá trình biến đổi cấu trúc, chúng tôi cố gắng phát hiện sự hình thành các pha cấu trúc trung gian. Khảo sát các đặc trưng cấu trúc của pha trung gian hy vọng làm sáng tỏ động học không đồng nhất trong vật liệu khối và hạt nano.

Số hồ sơ lưu: 19226

### 10403. Hoá lý

78714. 04-2022 **Nghiên cứu chế tạo và ứng dụng của vật liệu xúc tác trên cơ sở nanocluster vàng/** TS. Lương Xuân Điền, PGS. TS. Nguyễn Kim Nga; TS. Nguyễn Xuân Trường; TS. Nguyễn Thị Thuý Nga; TS. Nguyễn Thị Lan - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hoá học, 2020 - 12/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các tài liệu trong và ngoài nước về tình hình nghiên cứu, định hướng ứng dụng và các nhiệm vụ khoa học cần giải quyết để từ đó đề xuất kế hoạch nghiên cứu cụ thể cho đề tài. Lựa chọn các phức vàng rẻ, dễ tổng hợp và có khả năng tạo ra được nanocluster vàng (<2nm) trên các chất mang khác nhau. Khảo sát tính hấp thụ vật lý và hóa học của

phức vàng trên các chất mang thông qua tạo ra các liên kết vật lý và liên kết hóa học thông qua nhóm OH của chất mang.

Số hồ sơ lưu: 18126

79174. 04-2022 **Phát triển quy trình phân tích hàm lượng 10-HDA và một số amino axit tự do để kiểm soát chất lượng thực phẩm chức năng chứa sữa ong chúa/** PGS. TS. Dương Hồng Anh, ThS. Nguyễn Thanh Đàm; CN. Vũ Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Mạnh Huy; TS. Mai Thanh Đức; ThS. Phùng Thị Vỹ; CN. Nguyễn Thị Quỳnh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 01/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phát triển được các quy trình phân tích hàm lượng 10-HDA và một số amino axit tự do trong các mặt hàng thực phẩm chức năng có chứa sữa ong chúa bằng phương pháp điện di mao quản với độ chính xác, tin cậy phù hợp để kiểm tra chất lượng các mặt hàng này

Số hồ sơ lưu: 18353

81798. 04-2022 **Nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm hệ thống thiết bị lạnh sử dụng môi chất lạnh thế hệ thứ 4/** PGS.TS. Lại Ngọc Anh, GS.TS. Nguyễn Đức Lợi; PGS.TS. Nguyễn Nguyên An; ThS. Lê Xuân Tuấn; ThS. Tạ Văn Chương; ThS. Phan Thị Thu Hương - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2021 - 04/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xác định môi chất lạnh thế hệ thứ 4 mới. Xác định số liệu nhiệt động và độ nhớt của môi



chất lạnh thứ hệ thứ 4 tiềm năng. Nghiên cứu thực nghiệm các quá trình và chu trình lạnh sử dụng môi chất lạnh thế hệ thứ 4. Đánh giá khả năng ứng dụng của môi chất lạnh thế hệ thứ 4 trong hệ thống thiết bị lạnh đang sử dụng môi chất không thân thiện môi trường.

Số hồ sơ lưu: 19533

#### **10404. Hoá học cao phân tử (polyme)**

78700. 04-2022 **Nghiên cứu tính chất và hình thái học của vật liệu cao su thiên nhiên biến tính có cấu trúc ma trận nano của chất độn gia cường tổng hợp bằng phản ứng ghép với monome silan hữu cơ/ TS. Nghiên Thị Thương, PGS. TS. Phan Trung Nghĩa; TS. Nguyễn Phạm Duy Linh; TS. Nguyễn Ngọc Thắng; TS. Nguyễn Ngọc Tuệ - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu tối ưu hóa các điều kiện của phản ứng đồng trùng hợp ghép của monome VTES với CSTN để thu được vật liệu có cấu trúc ma trận nano của chất độn silica. Nghiên cứu về tính chất và hình thái của cao su thiên nhiên biến tính có cấu trúc ma trận nano của chất độn sử dụng kết hợp các phương pháp khác nhau như TEM, FIB - SEM và DMA. Lựa chọn hình thái học tối ưu để sản phẩm có được những tính chất tối ưu. Nghiên cứu về quá trình lưu hóa vật liệu cao su ghép hướng tới ứng dụng cho sản xuất lốp xe như lực cản lăn thấp, khả năng chống trơn trượt.. nhằm phát triển ngành công nghiệp xanh và thân thiện môi trường.

Số hồ sơ lưu: 18120

#### **10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)**

78699. 04-2022 **Kết hợp tính toán hóa lượng tử và nghiên cứu thực nghiệm để thiết kế, tổng hợp và ứng dụng các sensor huỳnh quang phát hiện ion kim loại nặng và các phân tử thiol sinh học/ TS. Nguyễn Khoa Hiền, GS. TSKH. Đặng Ứng Vận; PGS. TS. Nguyễn Đình Luyện; TS. Đoàn Thành Nhân; ThS. Mai Văn Bảy; ThS. Phan Thị Diễm Trân; ThS. Trần Hoàng Thảo Linh - Thừa Thiên - Huế - Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung, 2020 - 04/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thu được các sensor huỳnh quang có thể phát hiện các ion kim loại nặng, các phân tử thiol sinh học. Kết hợp linh hoạt giữa tính toán lý thuyết và thực nghiệm trong thiết kế, tổng hợp, đặc trưng và ứng dụng các sensor. Góp phần xây dựng cơ sở khoa học trong phát triển các sensor huỳnh quang mới, tiến đến sử dụng các tính toán lý thuyết để nâng cao hiệu quả ứng dụng của các sensor như tăng độ nhạy, độ chọn lọc, tính tan của các sensor. Góp phần phát triển đội ngũ nghiên cứu khoa học trong nước về các hướng tiếp cận mới: kết hợp tính toán hóa lượng tử và nghiên cứu thực nghiệm; phát triển các sensor huỳnh quang.

Số hồ sơ lưu: 18119

80935. 04-2022 **Nghiên cứu tính chất điện tử và quang học của các hợp chất chalcogenides dạng**

**Cu<sub>2</sub>-II-IV-VI<sub>4</sub> (II = Hg; IV = Ge, Sn; VI = S, Se, Te): khả năng ứng dụng trong pin năng lượng mặt trời giá thành rẻ/ TS. Vũ Văn Tuấn, TS. Phạm Đình Khang; ThS. Võ Duy Đạt; ThS. Đặng Phúc Toàn - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2021 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu các đặc trưng trong cấu trúc vùng năng lượng của các hợp chất được nghiên cứu trong sự phụ thuộc vào thành phần hóa học và cấu trúc tinh thể của chúng, làm sáng tỏ các yếu tố ảnh hưởng đến độ rộng vùng cấm. Nghiên cứu lý thuyết các mô hình tính toán lượng tử phù hợp dựa trên các phép hàm tương quan trao đổi năng lượng đối với nhóm chất chalcogenides thông qua việc so sánh các kết quả thu được từ thực nghiệm và mô phỏng lý thuyết. Đánh giá khả năng ứng dụng của các loại vật liệu thuộc nhóm chất chalcogenides trong tế bào quang điện trên cơ sở xác định được các tính chất điện tử và quang học của chúng.

Số hồ sơ lưu: 19220

### **10501. Địa chất học**

80911. 04-2022 **Nghiên cứu di sản địa chất làm cơ sở khoa học để thành lập công viên địa chất toàn cầu ở khu vực Tam Giang - Bạch Mã/ TS. Vũ Quang Lân, ThS. Trần Quang Phương; ThS. Lê Nguyễn Thới Trung; KS. Trương Quang Quý; TS. Nguyễn Đại Trung; TS. Trịnh Hải Sơn; TS. Vũ Xuân Lược; TS. Trịnh Xuân Hòa; TS. Nguyễn Mai Lương; ThS. Hoàng Bá Quyết - Hà Nội - Liên đoàn Bản đồ Địa chất**

miền Bắc, 2020 - 01/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nhận biết được các di sản địa chất và tổng hợp tài liệu về các giá trị di sản khác (văn hóa, đa dạng sinh học); xác lập cơ sở khoa học cho việc thành lập công viên địa chất toàn cầu ở khu vực Tam Giang - Bạch Mã; góp phần bảo vệ, bảo tồn, quản lý và khai thác phát huy các giá trị di sản khu vực Tam Giang - Bạch Mã một cách hợp lý, phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội. Xác lập được các di sản địa chất phân bố trong khu vực Tam Giang - Bạch Mã. Đánh giá các giá trị nổi bật của các kiểu di sản địa chất trong khu vực Tam Giang - Bạch Mã. Xây dựng cơ sở khoa học cho việc thành lập công viên địa chất toàn cầu ở khu vực Tam Giang - Bạch Mã.

Số hồ sơ lưu: 19235

### **10502. Khoáng vật học**

80073. 04-2022 **Thạch luận nguồn gốc các đá magma tiền Cambri khu vực Phan Si Pan Tây Bắc Việt Nam/ PGS. TS. Phạm Trung Hiếu, TS. Nguyễn Thị Bích Thủy; TS. Phạm Thị Dung; ThS. Phạm Minh; ThS. Nông Thị Quỳnh Anh; ThS. Bùi Kim Ngọc; ThS. La Mai Sơn - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 04/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Làm sáng tỏ các giai đoạn hoạt động magma tiền Cambri khu vực Phan Si Pan Tây bắc Việt Nam. Đối sánh với các đá magma tiền Cambri khu vực mảng Dương Tử Nam Trung hoa và các khu vực phụ cận từ

đó xây dựng mô hình tiến hóa vỏ lục địa khu vực Phan Si Pan Tây bắc Việt Nam giai đoạn tiền Cambri.

Số hồ sơ lưu: 18940

### **10509. Các khoa học môi trường**

78740. 04-2022 Nghiên cứu chế tạo màng phân lập tại hiện trường các dạng kim loại nặng có khả năng tác động sinh học trong môi trường nước và trầm tích/ PGS. TS. Nguyễn Hồng Liên, TS. Lã Bích Hương; TS. Chu Thị Hải Nam; PGS. TS. Trần Trung Kiên; GS. TS. Huỳnh Trung Hải; TS. Nguyễn Anh Vũ; PGS. TS. Hoàng Thị Thu Hương - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 03/2014 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo được các màng phân lập chọn lọc tại hiện trường các dạng có khả năng tác động sinh học của kim loại nặng trong môi trường nước và trầm tích. Đối tượng kim loại được phân lập là Cd, Co, Cr, Cu, Ni, Pb, Zn, Fe. Đầu dò có khả năng sử dụng trong cả môi trường nước mặn (biển) và nước ngọt (sông, hồ). Lựa chọn, tổng hợp, biến tính được các vật liệu phù hợp làm màng khuếch tán cho kỹ thuật DGT để phân lập chọn lọc tại hiện trường các dạng kim loại tác động sinh học. Lựa chọn tổng hợp tuyển tính được các loại vật liệu phù hợp làm màng liên kết kim loại cho kỹ thuật DGT để lưu giữ chọn lọc tại hiện trường các dạng kim loại tác động sinh học. Xác định được các điều kiện làm việc thích hợp của đầu dò với các màng đã chế tạo trong các môi trường nước tự nhiên khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 18124

79162. 04-2022 Nghiên cứu quan trắc và đánh giá rủi ro phơi nhiễm một số hợp chất gây rối loạn nội tiết (triclosan, triclocarban, nhóm alkylphenol và paraben) từ môi trường trong nhà trên địa bàn Hà Nội/ PGS. TS. Trần Mạnh Trí, PGS. TS. Từ Bình Minh; ThS. Đặng Minh Hương Giang; ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; CN. Nguyễn Hùng Thái - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện được một số phương pháp thu thập mẫu và phân tích chính xác một số hợp chất hữu cơ gây rối loạn nội tiết (EDCs) trong môi trường trong nhà. Các chất gây rối loạn nội tiết sẽ được nghiên cứu là triclosan, triclocarban, nhóm alkylphenol và paraben, trong đối tượng mẫu trong là nhà bụi và không khí, trên cơ sở sử dụng thiết bị phân tích hiện đại là sắc khí khối phổ (GC-MS) và sắc kí lỏng khối phổ (LC-MS). Phân tích và quan trắc được đặc điểm phân bố của các lớp chất nhóm EDCs trong môi trường trong nhà ở Việt Nam. Lập được bản đồ phân bố của các chất EDCs trong môi trường không khí và bụi thu tại Hà Nội và một số tỉnh thành lân cận để so sánh. Đánh giá được liều lượng phơi nhiễm và rủi ro đến sức khỏe của các nhóm cộng đồng theo sự phân bố dân cư và nguồn phát sinh, phân bố của hợp chất EDCs trên địa bàn Hà Nội. Đề xuất được công thức ước lượng và đánh giá rủi ro phơi nhiễm các hợp chất EDCs qua con



đường hít thở và ăn nuốt bụi theo các nhóm lứa tuổi.

Số hồ sơ lưu: 18345

79314. 04-2022 **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ cảnh quan, môi trường ở cấp xã trong xây dựng nông thôn mới vùng đồng bằng Bắc Bộ và Tây Nam Bộ/** PGS.TS. Lê Bắc Huỳnh, GS.TSKH. Đặng Huy Huỳnh; PGS.TS. Hà Lương Thuần; PGS.TS. Hoàng Thái Đại; TS. Nguyễn Ngọc Sinh; PGS.TS. Nguyễn Văn Viêt; TS. Trần Văn Miêu; CN. Nguyễn Danh Trường; TS. Nguyễn Văn Liêm; ThS. Trần Thị Thu Hương; TS. Lê Văn Minh; TS. Ngô Thị Dung; ThS. Phạm Thị Bích Thủy; KS. Nguyễn Thị Thanh Huyền - Hà Nội - Viện Hợp tác và Phát triển Tài nguyên nước, 2021 - 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng một số tài nguyên thiên nhiên thiết yếu và thực trạng bảo vệ cảnh quan, bảo vệ môi trường trong nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH), phát triển KT-XH, quá trình xây dựng nông thôn mới đến tài nguyên thiết yếu và cảnh quan, môi trường nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Vai trò của các tổ chức xã hội, cộng đồng làng, xã, các kiến trúc bản địa trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên thiết yếu; trong việc bảo vệ cảnh quan, môi trường ở cấp xã trong xây dựng nông thôn mới (NTM) ở vùng đồng bằng Bắc Bộ

(ĐBBS) và Tây Nam Bộ (TNB). Xác định cơ sở khoa học, tổng kết thực tiễn kinh nghiệm và kiến thức bản địa trong khai thác, sử dụng hiệu quả, hợp lý tài nguyên và bảo vệ cảnh quan, môi trường các cộng đồng làng xã. Đề xuất các giải pháp KH&CN khả thi để nâng cao hiệu quả sử dụng bền vững và bảo vệ các tài nguyên thiết yếu; xây dựng và bảo vệ các cảnh quan, môi trường phù hợp ở cộng đồng làng, xã trong bảo vệ cảnh quan, môi trường “xanh, sạch, đẹp, an toàn” gắn với tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng NTM vùng ĐBBS và TNB.

Số hồ sơ lưu: 18495

### **10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển**

80740. 04-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống nghiệp vụ dự báo định lượng mưa khu vực Nam Bộ và cảnh báo mưa lớn hạn cực ngắn cho Thành phố Hồ Chí Minh/** TS. Vũ Văn Thăng, ThS. Trương Bá Kiên; PGS.TS. Nguyễn Văn Thắng; TS. Mai Văn Khiêm; TS. Nguyễn Đăng Quang; TS. Công Thanh; TS. Phạm Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Minh Giám; ThS. Nguyễn Tuấn Tài; ThS. Lê Ánh Ngọc - Hà Nội - Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2021 - 10/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về dự báo mưa định lượng và cảnh báo mưa lớn hạn cực ngắn. Xây dựng hệ thống dự báo định lượng mưa cho khu vực Nam Bộ. Xây dựng hệ thống cảnh báo mưa lớn hạn cực ngắn cho thành phố Hồ Chí Minh. Hệ thống nghiệp vụ

dự báo mưa định lượng và hệ thống cảnh báo mưa lớn hạn cực ngắn.

Số hồ sơ lưu: 19128

### **10511. Khí hậu học**

79344. 04-2022 **Nghiên cứu đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, hoạt động nhân sinh nhằm đề xuất giải pháp, mô hình phát triển bền vững khu vực ven sông Hậu/ PGS.TS. Nguyễn Tuấn Anh, TS. Nguyễn Tài Tuệ; TS. Trần Đăng Quy; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Lưu Việt Dũng; TS. Nguyễn Thị Hoàng Hà; PGS.TS. Hoàng Thanh Xuân; PGS.TS. Phạm Xuân Hảo; TS. Nghiêm Thị Thủy; TS. Nguyễn Thị Hiên; TS. Đào Thế Anh; PGS.TS. Nguyễn An Thịnh; ThS. Lương Lê Huy - Hà Nội - Phòng thí nghiệm Trọng điểm Địa môi trường và Ứng phó Biến đổi khí hậu, 2020 - 11/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng luận cứ khoa học cho phát triển bền vững (PTBV) khu vực ven sông dưới tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH), thiên tai, hoạt động nhân sinh; bộ tiêu chí và quy trình đánh giá tác động của BĐKH, thiên tai, hoạt động nhân sinh đối với khu vực ven sông Hậu. Đánh giá thực trạng và dự báo các tác động của BĐKH, thiên tai, hoạt động nhân sinh đối với khu vực ven sông Hậu. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp và mô hình PTBV khu vực ven sông Hậu.

Số hồ sơ lưu: 18500

79350. 04-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống dự báo số lượng và vùng hoạt động của bão trên Biển**

**Đông hạn 3-6 tháng phục vụ hoạt động kinh tế biển và an ninh quốc phòng/ PGS.TS. Trần Quang Đức, TS. Nguyễn Hồng Quang; TS. Nguyễn Văn Hiệp; TS. Hoàng Phúc Lâm; TS. Võ Văn Hòa; PGS.TS. Vũ Thanh Hằng; GS.TS. Phan Văn Tân; TS. Vũ Văn Thăng; CN. Phạm Thanh Hà; TS. Chu Thị Thu Hương - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - 09/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng, ứng dụng và phát triển hệ thống dự báo số lượng và vùng hoạt động của bão trên Biển Đông hạn 3-6 tháng. Đánh giá kỹ năng dự báo của hệ thống và khả năng ứng dụng vào thực tế. Thử nghiệm dự báo nghiệp vụ hệ thống mô hình thống kê và mô hình động lực và đánh giá sai số dự báo. Đề xuất qui trình, giải pháp dự báo nghiệp vụ và xây dựng qui trình nghiệp vụ dự báo hạn mùa trong điều kiện thực tế của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18512

80520. 04-2022 **Nghiên cứu các giải pháp khoa học và công nghệ quản lý đa thiên tai, xây dựng công cụ hỗ trợ ra quyết định ứng phó với đa thiên tai, áp dụng thí điểm cho khu vực ven biển Trung Trung Bộ/ PGS. TS. Huỳnh Thị Lan Hương, TS. Nguyễn Xuân Hiên; ThS. Trần Thanh Thủy; TS. Trần Văn Trà; ThS. Nguyễn Thị Thanh; KS. Nguyễn Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Lan; ThS. Đặng Linh Chi; ThS. Lê Đức Quyền; CN. Dương Hồng Nhung; TS. Đặng Thanh Mai; ThS. Đinh Phùng Bảo; PGS. TS. Phạm Thị Hương Lan; TS. Vũ Văn Thăng; TS. Đặng Quang Thịnh; ThS.**

Khuong Văn Hải; PGS. TS. Nguyễn Tùng Phong - Hà Nội - Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2021 - 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được hiện trạng và xu thế biến đổi của một số loại hình thiên tai điển hình ở khu vực ven biển Trung Trung Bộ. Xây dựng được các phương pháp đánh giá rủi ro đa thiên tai và khung quản lý đa thiên tai. Xây dựng được bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định ứng phó với đa thiên tai, áp dụng thí điểm cho khu vực ven biển Trung Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 19050

80551. 04-2022 **Nghiên cứu, đề xuất cơ cấu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hợp lý, đảm bảo phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Bắc Trung Bộ/** ThS. Trần Thị Thanh Huyền, ThS. Mai Văn Thông; ThS. Vũ Văn Khoa; ThS. Nguyễn Văn Vinh; TS. Đỗ Văn Nhạ; TS. Tạ Tuyết Thái; ThS. Nguyễn Văn Thực; TS. Đinh Ngọc Hà; KS. Đặng Ngọc San; KS. Nguyễn Văn Hậu - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2021 - 04/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Dựa vào kịch bản biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng cho Việt Nam cập nhật năm 2016, để xây dựng bản đồ ngập 10 cm, bản đồ hạn hán, bản đồ ranh giới xâm nhập mặn vùng Bắc Trung bộ đến năm 2030. Thực trạng về sử dụng đất sản xuất nông nghiệp và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sử dụng đất sản xuất nông nghiệp vùng Bắc Trung bộ; Dự báo tác động của biến đổi khí hậu

đến cơ cấu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp vùng Bắc Trung bộ, giai đoạn 2016-2030. Sử dụng công nghệ GIS và phần mềm LSE đánh giá thích hợp đất sản xuất nông nghiệp; đề xuất cơ cấu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đến năm 2030 đảm bảo phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Bắc Trung bộ. Đề xuất các giải pháp thực hiện cơ cấu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hợp lý, đảm bảo phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Bắc Trung bộ.

Số hồ sơ lưu: 19068

### **10513. Thủy văn; Tài nguyên nước**

80075. 04-2022 **Nghiên cứu thiết kế mạng giám sát tuân thủ các quy định của giấy phép trong lĩnh vực tài nguyên nước và đề xuất cơ chế thực hiện/** ThS. Nguyễn Hồng Hiếu, ThS. Trần Thị Thu Hằng; ThS. Trương Mai Hoa; ThS. Trương Quảng Đại; ThS. Nguyễn Văn Nghĩa; ThS. Vũ Hải Ninh; ThS. Nguyễn Thị Việt Hồng; ThS. Đặng Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Thu Phương; ThS. Nguyễn Văn Tuyền - Hà Nội - Cục Quản lý Tài nguyên nước, 2020 - 06/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định các tiêu chí để phục vụ việc giám sát tuân thủ các quy định trong giấy phép tài nguyên nước; Đề xuất cơ sở để xây dựng hệ thống thông tin phục vụ giám sát tuân thủ của các chủ giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

Số hồ sơ lưu: 18944

80907. 04-2022 **Nghiên cứu xác định thực trạng và nguyên nhân suy giảm tài nguyên nước dưới đất trong các thành tạo bazan ở Tây Nguyên và đề xuất các giải pháp bảo vệ và phòng chống suy giảm/** PGS. TS. Đặng Xuân Phong, ThS. Trương Phương Dung; PGS.TS. Lại Vinh Cẩm; PGS.TS. Uông Đình Khanh; TS. Lê Thị Thanh Tâm; PGS.TS. Phan Thị Thanh Hằng; TS. Nguyễn Thanh Hoàn; TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; TS. Võ Thanh Sơn; TS. Vũ Văn Hà; TS. Phan Văn Trường; ThS. Trần Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Sơn; ThS. Trịnh Ngọc Tuyên; ThS. Trần Duy Phiên; ThS. Nguyễn Quang Minh; ThS. Đặng Trần Trung; TS. Ngô Tuấn Tú; ThS. Đặng Xuân Tùng - Hà Nội - Viện Địa lý, 2021 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên nước dưới đất trong các thành tạo bazan Tây Nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Xác định được thực trạng, nguyên nhân và dự báo suy giảm tài nguyên nước dưới đất trong các thành tạo bazan ở Tây Nguyên; Đề xuất được các giải pháp giảm thiểu suy giảm và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trong các thành tạo bazan ở Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 19232

80914. 04-2022 **Nghiên cứu đặc điểm phân bố, lịch sử tích lũy một số kim loại nặng, hợp chất hữu cơ khó phân hủy trong trầm tích và đánh giá rủi ro môi trường khu vực hạ lưu sông Đáy/** PGS. TS. Lê Thị Trinh, TS. Trịnh Thị Thủy; TS.

Trịnh Thị Thắm; TS. Vũ Văn Doanh; ThS. Nguyễn Khánh Linh; TS. Phạm Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thành Trung; ThS. Trần Văn Tình; ThS. Nguyễn Trung Thuận; ThS. Kiều Thị Thu Trang - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2020 - 07/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá một số nguồn thải chính có tác động đến chất lượng nước và sự tích lũy kim loại nặng, chất hữu cơ khó phân hủy đối với khu vực hạ lưu sông Đáy. Xác định được mối tương quan giữa các kim loại, POPs trong nghiên cứu theo đặc tính các khu vực lấy mẫu. Đã đánh giá được xu hướng phân bố một số kim loại, một số nhóm chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy gồm OCP, PCB theo độ sâu kết hợp với xác định tuổi hình thành các lớp trầm tích. Đánh giá rủi ro môi trường tại khu vực nghiên cứu và đề xuất được một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và kiểm soát phát thải các kim loại, hợp chất hữu cơ bền vững vào môi trường nước lưu vực sông.

Số hồ sơ lưu: 19214

81747. 04-2022 **Nghiên cứu đề xuất phương án phối hợp vận hành điều tiết nước hợp lý các hồ chứa thủy lợi, thủy điện trên lưu vực sông Cả phục vụ cấp nước và phòng chống lũ cho hạ du/** TS. Lương Ngọc Chung, ThS. Phạm Công Thành; PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn; PGS.TS. Bùi Nam Sách; TS. Lê Viết Sơn; KS. Nguyễn Xuân Sơn; ThS. Nguyễn Xuân Phùng; ThS. Hà Thanh Lâm; ThS. Phan Tuấn Phong; ThS. Nguyễn Nguyên Hoàn; ThS. Lê



Thanh Hà; ThS. Lê Thị Mai; ThS. Nguyễn Thị Hương Lan; ThS. Trần Thị Nhung; ThS. Nguyễn Hoàng Hạnh; ThS. Trần Thị Lê Thanh; ThS. Nguyễn Văn Anh; ThS. Ngô Bá Thịnh; KS. Phạm Ngọc Hùng; KS. Ngô Hữu Trung; TS. Bùi Tuấn Hải; ThS. Đỗ Ánh Quỳnh; ThS. Lê Thị Tươi; ThS. Văn Thị Kim Chung; ThS. Phạm Đoàn Hùng; TS. Nguyễn Thiện Dũng - Hà Nội - Viện quy hoạch thủy lợi, 2021 - 10/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng phối hợp vận hành điều tiết nước các hệ thống hồ chứa thủy lợi, thủy điện và các công trình thủy lợi lớn trên lưu vực sông Cả. Đề xuất phương án phối hợp vận hành điều tiết nước hợp lý các hồ chứa thủy lợi, thủy điện và các công trình thủy lợi lớn trên lưu vực sông Cả phục vụ cấp nước và phòng chống lũ cho hạ du, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tổng hợp nguồn nước trên lưu vực, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan và đảm bảo phục vụ đa mục tiêu các yêu cầu của hạ du. Xây dựng bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định điều hành hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 19520

### **10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh**

81346. 04-2022 Nghiên cứu *in vitro* và *in vivo* khả năng tiêu hóa và chỉ số đường huyết (GI) của các loại hạt ngũ cốc và phát triển các phương pháp giảm chỉ số đường huyết của các loại này nhằm phòng chống bệnh tiểu đường và béo phì/ PGS.TS. Phạm Văn Hùng, PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Phi; TS.

Lê Ngọc Liễu; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Yên; ThS. Nguyễn Thị Mai Hương; ThS. Nguyễn Ngọc Thanh Tiến; KS. Trịnh Thị Mỹ Duyên; KS. Nguyễn Đăng Tâm; KS. Nguyễn Tiến Khôi; KS. La Thanh Tùng - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2021 - 12/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá khả năng tiêu hóa *in vitro* và *in vivo* và chỉ số đường huyết của các loại hạt lương thực phổ biến của Việt Nam như gạo, ngô, đậu, mè, và mạch hoa. vv...Nghiên cứu sự thay đổi thành phần dinh dưỡng, khả năng tiêu hóa và chỉ số đường huyết của các loại hạt lương thực trong quá trình nảy mầm. Đồng thời nghiên cứu sự ảnh hưởng của quá trình xử lý enzyme đến thành phần dinh dưỡng, khả năng sinh đường và chỉ số đường huyết của các loại hạt lương thực. Tìm hiểu sự ảnh hưởng của quá trình xử lý vật lý đến thành phần dinh dưỡng, khả năng sinh đường và chỉ số đường huyết của tinh bột các loại hạt lương thực. Nghiên cứu thành phần, giá trị dinh dưỡng, khả năng tiêu hóa và chỉ số đường huyết của các sản phẩm sinh đường thấp chế biến từ các loại bột ngũ cốc thu được.

Số hồ sơ lưu: 19372

### **10611. Thực vật học**

78776. 04-2022 Nghiên cứu đa dạng các loài trong chi Xú hương (*Lasianthus Jack*) thuộc họ Cà phê (*Rubiaceae*) ở Việt Nam dựa trên cách tiếp cận hình thái và phân tử/ TS. Đặng Văn Sơn, TS. Nguyễn Văn Tú; ThS. Trương Bá Vương; CN.

Nguyễn Thị Mai Hương - Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới, 2020 - 12/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thành việc phân loại, thành lập khóa tra chi Xú hương ở Việt Nam một cách có hệ thống và đầy đủ, làm cơ sở cho việc biên soạn chi Xú hương trong bộ Thực vật chí Việt Nam, cũng như phục vụ tốt hơn công tác nghiên cứu, đào tạo các chuyên ngành có liên quan. Xây dựng cây phát sinh loài thể hiện mối quan hệ gần gũi giữa các taxon của chi Xú hương ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18153

## 2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

### 20102. Kỹ thuật xây dựng

79176. 04-2022 **Nghiên cứu, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia phục vụ phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam/** ThS. Nguyễn Văn Khôi, ThS. Phạm Lê Cường; CN. Trần Thị Thu Hà; CN. Phùng Thị Thu Hằng; CN. Phạm Quốc Bình; CN. Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Hải Anh; ThS. Trần Thị Thanh Ý; ThS. Lê Xuân Trường; CN. Trần Quốc Quân; PGS. TS. Lưu Đức Minh; ThS. Nguyễn Lâm Hoàng; ThS. Bùi Thị Vân Hà; KS. Khổng Duy Quý; CN. Trần Duy Tài; KS. Trần Thanh Long; ThS. Vũ Thị Thu Hằng - Hà Nội - Trung tâm Chứng nhận phù hợp, 2020 - 12/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Lập quy hoạch và chiến lược xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia TCVN về đô thị thông minh. Xây

dựng 05 dự thảo TCVN về đô thị thông minh. Xây dựng hệ thống phần mềm hỗ trợ xây dựng, quản lý, khai thác và tra cứu TCVN, Tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài và hệ thống phòng thử nghiệm, chứng nhận về Đô thị thông minh tại Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 18350

81738. 04-2022 **Nghiên cứu ứng xử của kết cấu tường bê tông đất dưới tác dụng của tải trọng trong mặt phẳng/** TS. Bùi Thị Loan, TS. Bùi Tấn Trung; TS. Lê Minh Cường; TS. Nguyễn Tiến Dũng; CN. Nguyễn Thành Tâm - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Xây dựng, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo bê tông đất từ các vật liệu địa phương ở Việt Nam. Nghiên cứu định tính, định lượng ứng xử cơ học (nén, uốn, ép chế) của bê tông đất và so sánh với đặc tính cơ học của các loại vật liệu truyền thống khác (gạch, bê tông truyền thống). Tiến hành đúc kết cấu tường bê tông đất bằng phương pháp thi công toàn khối trong ván khuôn, đồng thời thực hiện các thí nghiệm xác định ứng xử trong mặt phẳng của kết cấu tường bê tông đất. Đề xuất mô hình số phù hợp, tiến hành mô phỏng và phân tích ứng xử của kết cấu tường bê tông đất dưới tác dụng của các tải trọng trong mặt phẳng.

Số hồ sơ lưu: 19514

### 20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

80928. 04-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị phục vụ**

**công tác kiểm tra, kiểm định, sửa chữa, nâng cấp các hạng mục phía dưới các công trình cầu/** TS. Lê Quý Thủy, TS. Nguyễn Văn Thuyên; TS. Nguyễn Văn Thịnh; TS. Nguyễn Lâm Khánh; ThS. Phạm Đình Nam; ThS. Đinh Trọng Thân; ThS. Lê Đức Dũng; ThS. Dương Quang Trọng; KS. Đỗ Hữu Mừng; ThS. Bùi Xuân Học - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát phân tích các mẫu thiết bị có sẵn, trong và ngoài nước, tiến hành phân tích những ưu, nhược điểm của từng loại thiết bị đó; Tiến hành nghiên cứu, khảo sát điều kiện công nghệ, nguyên vật liệu trong nước để đưa ra phương án thiết kế thiết bị, xây dựng quy trình chế tạo phù hợp, sau đó tiến hành chế tạo thiết bị với những thông số kỹ thuật đã được lựa chọn. Làm chủ công nghệ thiết kế và chế tạo thành công 01 thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, kiểm định, sửa chữa, nâng cấp các hạng mục phía dưới các công trình cầu với giá thành rẻ, đáp ứng được đầy đủ các tính năng kỹ thuật đã đề ra.

Số hồ sơ lưu: 19227

### **20105. Kỹ thuật thủy lợi**

79186. 04-2022 **Nghiên cứu, đánh giá tác động của việc quản lý sử dụng đất các công trình thủy điện đến kinh tế, xã hội, môi trường và đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý, sử dụng đất đối với công trình thủy điện/** ThS. Lê Gia Chinh, ThS. Phạm Công Minh; ThS. Nguyễn Xuân Kiên; TS. Nguyễn Văn Trị; ThS.

Đào Thị Hà Thanh; ThS. Vũ Thị Hồng; ThS. Nguyễn Văn Tuyền; TS. Lê Huy Khôi; ThS. Phạm Tiến Tùng; ThS. Nguyễn Đăng Khoa - Hà Nội - Viện nghiên cứu quản lý đất đai, 2020 - 06/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng luận cứ khoa học về đánh giá tác động của việc quản lý, sử dụng đất phát triển công trình thủy điện đến kinh tế, xã hội và môi trường; Đánh giá tác động tích cực và tiêu cực của việc quản lý, sử dụng đất phát triển công trình thủy điện đến kinh tế, xã hội và môi trường; Đề xuất giải pháp khắc phục các tác động tiêu cực và hoàn thiện các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng đất phát triển các công trình thủy điện.

Số hồ sơ lưu: 18362

81255. 04-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học phục vụ công tác cảnh báo ngập lụt hạ lưu hồ chứa nước và đề xuất giải pháp ứng phó cho các hồ, đập và vùng hạ du trong các tình huống xã lũ, vỡ đập khu vực Bắc Trung Bộ (BTB)/** TS. Nguyễn Anh Đức, ThS. Đỗ Thị Ngọc Bích; PGS.TS. Nguyễn Cao Đơn; PGS.TS. Hoàng Minh Tuyền; PGS.TS. Dương Hồng Sơn; TS. Trần Anh Phương; TS. Lưu Đức Dũng; TS. Kiều Xuân Tuyền; TS. Đặng Đình Đoàn; ThS. Trương Văn Kiên; ThS. Lê Hữu Huân - Hà Nội - Viện Khoa học tài nguyên nước, 2020 - 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về công tác cảnh báo ngập lụt hạ lưu hồ chứa nước và kế hoạch hành động khẩn cấp ở một số

nước trên thế giới cũng như ở một số tỉnh, vùng của Việt Nam. Tiến hành xây dựng quy trình và khung pháp lý cho việc cảnh báo ngập lụt vùng hạ lưu trong các tình huống xả lũ, vỡ đập các hồ chứa khu vực Bắc Trung Bộ. Qua đó, đề xuất các giải pháp ứng phó trong các tình huống xả lũ vỡ đập tại khu vực này.

Số hồ sơ lưu: 19360

### **20201. Kỹ thuật điện và điện tử**

79219. 04-2022 **Tính chất điện tử và truyền dẫn của một số vật liệu monochalcogenide, dichalcogenide và dị cấu trúc giữa chúng/** PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hiếu, TS. Nguyễn Văn Chương; TS. Lê Công Nhân; TS. Võ Quang Nhã; ThS. Huỳnh Ngọc Toàn; ThS. Ngô Thị Anh - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2021 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu ảnh hưởng của biến dạng, điện trường ngoài và áp suất cao lên các tính chất về cấu trúc, tính chất điện tử và truyền dẫn của một số vật liệu bán dẫn hai chiều đơn lớp mới họ monochalcogenide và dichalcogenide bằng lý thuyết phiếm hàm mật độ. Khảo sát độ linh động của hạt tải và các đặc trưng truyền dẫn của các vật liệu monochalcogenide và dichalcogenide. Mô hình hóa cấu trúc hình học của các dị cấu trúc hai lớp được hình thành từ các monochalcogenide và dichalcogenide. Đồng thời, nghiên cứu tính chất điện tử và truyền dẫn của chúng bằng lý thuyết phiếm hàm mật độ. Khảo sát sự dịch chuyển vùng năng lượng của các chất trong

quá trình hình thành dị cấu trúc. Nghiên cứu ảnh hưởng của biến dạng và áp suất cao lên các tính chất điện tử và truyền dẫn của các dị cấu trúc. Khảo sát các tương tác van der Waals giữa các lớp trong các dị cấu trúc. Dựa trên kết quả nghiên cứu về tính chất điện tử và truyền dẫn của chúng, đề xuất các khả năng ứng dụng các dị cấu trúc đó trong các thiết bị quang điện tử và công nghệ bán dẫn.

Số hồ sơ lưu: 18377

80120. 04-2022 **Nghiên cứu, khảo sát thị trường và xu hướng phát triển của linh kiện, thiết bị điện tử được lựa chọn tại Việt Nam/** TS. Kùm Dongwha, ThS. Trần Thị Thanh Thủy; TS. Nguyễn Thành Huy; TS. Đào Đình Khả; ThS. Đỗ Thị Thúy Hương; Trần Tuấn Thanh; Nguyễn Thị Huyền; Vũ Thành Trung; Nguyễn Thụy Sỹ; Phạm Duy Học - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc, 2020 - 11/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thống kê thương mại về linh kiện, thiết bị tử đầu thu giải mã tín hiệu truyền hình số (Set-top-box) tại Việt Nam. Tìm hiểu nhu cầu của thị trường, mức độ tiếp nhận sản phẩm có chất lượng cao và sản xuất lắp ráp tại Việt Nam của người tiêu dùng. Đề xuất hướng phát triển sản xuất và thương mại hóa khả thi cho sản phẩm đầu thu giải mã tín hiệu truyền hình số (Set-top-box) có chất lượng cao, lắp ráp trong nước, dễ dàng tiếp cận với mọi đối tượng khách hàng.

Số hồ sơ lưu: 18949



81307. 04-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống tự động hòa đồng bộ và phân chia tải tác dụng cho trạm phát điện tàu thủy/PGS.TS. Hoàng Đức Tuấn, ThS. Nguyễn Hữu Quyền; ThS. Nguyễn Thanh Vân; ThS. Lê Văn Tâm; ThS. Đào Quang Khanh; ThS. Đặng Đình Phúc; KS. Phạm Minh Thảo; ThS. Đoàn Hữu Khánh; ThS. Lê Thị Thanh Tâm; ThS. Phan Đăng Đào - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng quan về hệ thống tự động hòa đồng bộ và phân chia tải tác dụng cho trạm phát điện tàu thủy. Phân tích, đánh giá các công nghệ đã được ứng dụng cho hệ thống tự động hòa đồng bộ và phân chia tải tác dụng cho trạm phát điện tàu thủy. Đồng thời, xây dựng sơ đồ cấu trúc, mô hình chức năng hệ thống tự động hòa đồng bộ và phân chia tải tác dụng cho trạm phát điện tàu thủy để làm cơ sở tiến hành thiết kế và chế tạo, thử nghiệm hệ thống tự động trên.

Số hồ sơ lưu: 19366

**20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..**

78736. 04-2022 **Nghiên cứu, áp dụng tiêu chuẩn Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001 vào doanh nghiệp Việt Nam/ CN. Lê Văn Đức, ThS. Nguyễn Duy; KS. Trần Khánh Vũ; KS. Hoàng Thị Thanh Tuyền; CN. Nguyễn Thị Thanh; KS. Nguyễn Khoa Hoàng Vũ; ThS. Đặng Thị**

**Nguyệt Sương; ThS. Đặng Thị Thùy Dung; CN. Lê Thị Thanh Minh; KS. Phạm Thị Thanh Xuân; ThS. Ngô Thị Như Loan; ThS. Đỗ Hoàng Mẫn; KS. Ông Thế Khương; KS. Nguyễn Thị Thanh; ThS. Dương Thị Bích Trang - Đà Nẵng - Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng được bộ tài liệu đào tạo và tài liệu hướng dẫn áp dụng cho các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam. Áp dụng điểm thành công ISO 45001 cho 05 doanh nghiệp năm 2018 và nhân rộng áp dụng cho 15 doanh nghiệp năm 2019. Trên cơ sở đạt được các mục tiêu cụ thể nêu trên, tạo sự quan tâm, nâng cao nhu cầu của các doanh nghiệp khác trên địa bàn và tạo cơ sở cho hoạt động nhân rộng áp dụng ISO 45001 cho các doanh nghiệp Việt Nam, góp phần phát triển phong trào nâng suất chất lượng

Số hồ sơ lưu: 18132

78759. 04-2022 **Nghiên cứu thiết kế, tích hợp và chế tạo hệ thống tự động hóa quản trị doanh nghiệp toàn diện DME cho các doanh nghiệp SXKD trong các ngành công nghiệp ở Việt Nam/ TS. Đinh Văn Hiến, KS. Hoàng Đức Toàn; KS. Nguyễn Hữu Tuyền; KS. Nguyễn Văn Công; ThS. Đào Ngọc Khánh; ThS. Đỗ Văn Tứ; KS. Lại Tân Khoa; KS. Đỗ Thế Huỳnh; KS. Nguyễn Xuân Sơn; KS. Thái Duy Chiến; KS. Mạch Quang Bảo; KS. Nguyễn Thị Huyền Trang; KS. Nguyễn Hữu Việt; KS. Lê Việt Quý; KS. Nguyễn Hoàng Anh - Hà Nội -**

Công ty TNHH Cơ điện đo lường tự động hóa DKNEC, 2020 - 10/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tiếp cận và làm chủ công nghệ thiết kế, tích hợp và chế tạo hệ thống tự động hóa quản trị doanh nghiệp toàn diện DME. Thiết lập được 01 "Hệ thống tự động hóa quản trị doanh nghiệp toàn diện DME" có các chỉ tiêu chất lượng và yêu cầu cần đạt được tương diện DME" có các chỉ tiêu chất lượng và yêu cầu cần đạt được tương đương với các sản phẩm của các hãng nước ngoài và triển khai ứng dụng được tại 01 doanh nghiệp SXKD trong ngành công nghiệp sản xuất thực phẩm và đồ uống ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 18140

79167. 04-2022 **Nghiên cứu, phát triển, chế tạo và đưa vào vận hành hệ thống điều khiển phân tán (DCS) đối với thiết bị bù nhằm nâng cao chất lượng điện áp tại các phụ tải ngành Công nghiệp/** ThS. Nguyễn Tiến Dũng, TS. Bùi Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Ngọc Văn; ThS. Trần Tùng; TS. Đinh Ngọc Quang; KS. Ngô Duy Đông - Hà Nội - Trường Đại học Điện lực, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu ảnh hưởng chất lượng điện năng đến hiệu suất làm việc của động cơ không đồng bộ. Trong đó đã nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của giá trị điện áp đến tổn thất trong động cơ và phụ tải phản kháng, ảnh hưởng của điện áp bất đối xứng, Ảnh hưởng của độ méo dạng sóng điện áp (sóng hài) đến hiệu quả sử dụng năng lượng của động cơ. Đánh giá ưu nhược điểm

của các phương pháp cải thiện chất lượng điện áp từ đó đề xuất thiết bị cải thiện chất lượng điện áp bù phân tán điều khiển tập trung để nâng cao chất lượng điện áp, tăng hiệu suất làm việc của thiết bị. Đề tài cũng đã xây dựng hàm mục tiêu về tổn thất điện năng và xác định lượng công suất bù tối ưu tại từng nhánh.

Số hồ sơ lưu: 18357

80069. 04-2022 **Các giải pháp thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác lưu trữ của ngành Tài chính/** ThS. Ngô Chí Tùng, ThS. Nguyễn Thị Lý; ThS. Phạm Thị Thúy; ThS. Lê Thị Bình; CN. Nguyễn Thị Hồng Thủy; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Hoàng Hiệp; CN. Phan Thị Thu Hoài; CN. Hoàng Minh Tuấn; ThS. Phạm Thị Nga - Hà Nội - Văn phòng - Bộ Tài chính, 2020 - 09/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những cơ sở pháp lý về công tác lưu trữ điện tử và học tập kinh nghiệm công tác lưu trữ điện tử của một số nước và Bộ ngành qua đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Bộ Tài chính. Phân tích thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác lưu trữ của toàn ngành nhằm thấy được những kết quả đạt được, chưa đạt được, nguyên nhân để đề xuất các giải pháp, mục tiêu, nguyên tắc, lộ trình thực hiện phù hợp, thống nhất và đáp ứng được yêu cầu công việc trước cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0.

Số hồ sơ lưu: 18947

81797. 04-2022 **Điều khiển chủ động cho cần cẩu container hoạt động trên biển/** PGS.TS. Ngô Quang Hiếu, PGS.TS. Nguyễn Chí Ngôn; TS. Trần Thanh Hùng; TS. Trương Quốc Bảo - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Một hệ phương trình vi phân thường mô tả trạng thái động lực học của cần cẩu container trên biển khi bị tác động bởi sóng biển được xác định bằng cách sử dụng phương trình cơ học Lagrange, đồng thời các phương trình động lực học trên sẽ được kiểm chứng bằng các kết quả thực nghiệm. Bộ điều khiển nhằm loại bỏ chuyển động lắc của tải container được phát triển cho việc điều khiển vị trí container nằm trong miền cho phép. Bộ điều khiển được xem xét là bộ điều khiển bậc cao kết hợp với chuyển động tàu được dự báo. Phương pháp ổn định Lyapunov được sử dụng để phân tích tính ổn định của hệ thống và là cơ sở cho quá trình thiết kế bộ điều khiển.

Số hồ sơ lưu: 19532

#### **20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông**

78755. 04-2022 **Nghiên cứu đề xuất áp dụng giao diện lập trình ứng dụng (API) trong phát triển Chính phủ điện tử ở Việt Nam/** ThS. Mai Thanh Hải, ThS. Nguyễn Huy Dũng; ThS. Nguyễn Phú Tiến; TS. Lê Quốc Hưng; CN. Nguyễn Thanh Dung; ThS. Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Trọng Khánh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy; CN. Đinh Hoàng Long; KS. Trần Thị

Duyên; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Đặng Thị Thu Hương - Hà Nội - Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020 - 02/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về API áp dụng cho triển khai Chính phủ điện tử trên thế giới, để từ đó đề xuất dự thảo văn bản hướng dẫn, quy định về xây dựng, sử dụng API trong phát triển Chính phủ điện tử tại Việt Nam. Hiện tại, việc kết nối, tích hợp để chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước đang trong giai đoạn phát triển. Rất nhiều bộ, ngành, địa phương đã và đang thực hiện việc kết nối các hệ thống thông tin với nhau nhằm mục đích chia sẻ thông tin, dữ liệu, phục vụ các quy trình nghiệp vụ và cung cấp các dịch vụ công thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp. Có thể kể đến việc kết nối mạng thông tin giữa hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước tại các bộ/địa phương và hệ thống thông tin của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam thông qua hệ thống NGSP phục vụ triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; kết nối hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước tại các tỉnh/thành phố với phân hệ Khai sinh điện tử thuộc Hệ thống Quản lý hộ tịch điện tử (của Bộ Tư pháp); kết nối thông tin giữa hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước tại các tỉnh/thành phố với hệ thống thông tin lý lịch tư pháp,

Số hồ sơ lưu: 18145

79216. 04-2022 **Nghiên cứu phát triển thử nghiệm nền tảng AI mở trong chính phủ điện tử/** ThS. Hoàng Mạnh Thắng, ThS. Dương

Hoàng Giang; TS. Nguyễn Kim Quang; TS. Nguyễn Trung Kiên; TS. Cao Minh Thắng; ThS. Bùi Thị Vân Anh; ThS. Hoàng Thị Thu - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2021 - 02/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

AI quan trọng nhất là dữ liệu, với chính phủ điện tử, dữ liệu là những thông tin của nhà nước, cần có sự quản lý của nhà nước, trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, việc xây dựng riêng kho dữ liệu cũng như xử lý trích xuất kho dữ liệu riêng của Việt Nam là cần thiết. Nền tảng AI cho Chính phủ Điện tử ở Việt Nam, được sử dụng cho các ứng dụng của Chính phủ; việc sử dụng chung một nền tảng AI vừa tiết kiệm được tài nguyên chung, vừa có tính chất dữ liệu liên thông được phạm vi rộng trong các lĩnh vực, ngành nghề. Để có những quyết định kịp thời, việc trích xuất thông tin có giá trị từ những dữ liệu đang có cần nhanh chóng và chính xác, như vậy việc sẵn sàng một môi trường, tài nguyên là cần thiết.

Số hồ sơ lưu: 18371

81303. 04-2022 **Nghiên cứu tình hình tiêu chuẩn hóa quốc tế về thông tin truyền thông và đề xuất áp dụng cho Việt Nam/** ThS. Trần Huy Long, Trần Thiện Chính; Thái Minh Quân; Nguyễn Thị Phương Nam; Ngô Thị Mỹ Hà; Nguyễn Quý Thành Trung; Nguyễn Trường Sơn; Từ Thị Thu Trang - Hà Nội - Viện khoa học kỹ thuật bưu điện, 2020 - 04/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, tổng hợp tình hình tiêu chuẩn hóa của các tổ chức tiêu chuẩn trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (TTTT) từ năm 2016-2020 về: Hạ tầng mạng viễn thông băng rộng, Chính phủ điện tử, An toàn – bảo mật thông tin, Đô thị thông minh, Phát thanh truyền hình. Tiến hành nghiên cứu hiện trạng và đề xuất định hướng triển khai xây dựng các tiêu chuẩn phục vụ quản lý nhà nước của Bộ TTTT trong lĩnh vực TTTT về các lĩnh vực này. Qua đó, đánh giá sự phù hợp về khoa học công nghệ khi triển khai của các tiêu chuẩn được đề xuất trong lĩnh vực TTTT.

Số hồ sơ lưu: 19364

### 20205. Viễn thông

78712. 04-2022 **Nghiên cứu mô hình hỗ trợ phát triển hạ tầng viễn thông công ích bằng mô hình hợp tác công tư (PPP)/** TS. Bùi Xuân Chung, TS. Trần Thị Anh Thư; CN. Lê Hải Quảng; ThS. Phạm Thị Hương Thảo; ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung; CN. Lê Sỹ Biên; CN. Nguyễn Thành Linh - Hà Nội - Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, 2020 - 02/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận cho việc áp dụng phương thức PPP để thực hiện đầu tư hạ tầng VTCT. Phân tích áp dụng phương thức PPP để thực hiện đầu tư hạ tầng VTCT. Tập trung nghiên cứu đề xuất mô hình hỗ trợ phát triển hạ tầng viễn thông công ích bằng mô hình hợp tác công tư (PPP) để có thể sử dụng đề xuất phương thức thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công



ích đến năm 2030 đối với nội dung hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông công ích. Đề xuất khung chính sách PPP trong viễn thông công ích và Kế hoạch triển khai sau nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 18122

78715. 04-2022 **Nghiên cứu, xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá cấp độ an toàn, cảnh báo nguy cơ mất an toàn thông tin cho các trang tin/ cổng thông tin điện tử/ PGS. TSKH. Hoàng Đăng Hải, ThS. Hoàng Mạnh Thắng; TS. Nguyễn Chung Tiến; TS. Nguyễn Ngọc Cương; TS. Phạm Thiều Nga; ThS. Nguyễn Ngọc Quân; PGS. TS. Trần Quý Tường; ThS. Hoàng Đăng Trị; ThS. Nguyễn Thế Đạt; ThS. Bùi Tuấn Anh; ThS. Thịnh Văn Tùng; ThS. Nguyễn Quốc Hoàn; ThS. Đỗ Đức Anh; ThS. Nguyễn Minh Vương; ThS. Trương Công Hải; KS. Trương Văn Chinh; ThS. Hoàng Xuân Sơn; TS. Lê Quốc Cường; TS. Phạm Hoàng Duy; TS. Hoàng Trọng Minh; ThS. Nguyễn Thành Đạt - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2020 - 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng giải pháp thu thập dữ liệu từ các máy chủ cài đặt trang/cổng thông tin điện tử tại các cơ quan cấp Tỉnh/cấp Bộ phục vụ theo dõi, phân tích, phát hiện và cảnh báo nguy cơ sự cố an toàn thông tin, tình hình suy giảm chất lượng hoạt động, hỗ trợ tìm kiếm chứng cứ, truy xuất nguồn gốc các sự cố đã được phát hiện của trang/cổng thông tin điện tử theo thời gian thực. Xây dựng giải pháp đánh giá

cấp độ bảo đảm an toàn cho các trang/ cổng thông tin điện tử theo tiêu chuẩn đánh giá an toàn thông tin đã được công bố.

Số hồ sơ lưu: 18127

78737. 04-2022 **Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ nguồn mở xây dựng hệ thống phần mềm lõi dịch vụ công trực tuyến OpenCPS phù hợp Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam/ CN. Trần Kiên Dũng, TS. Tạ Tuấn Anh; ThS. Lê Phú Cường; ThS. Phạm Thị Mai Hương; ThS. Trần Đức Trung; KS. Trần Thị Hoa; KS. Trần Văn Duẩn; KS. Nguyễn Thành Trung; KS. Vũ Hồng Sơn; KS. Tạ Hữu Bình - Hà Nội - Công ty Cổ phần Phát triển nguồn mở và dịch vụ FDS, 2020 - 12/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng và nâng cấp thành công phần mềm lõi DVC trực tuyến OpenCPS phiên bản v2 trên cơ sở nền tảng của kiến trúc công nghệ microservices. Cải tiến các quy trình công nghệ phục vụ xây dựng phần mềm lõi DVC trực tuyến OpenCPS để nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng khả năng triển khai với quy mô lớn theo yêu cầu của Nghị quyết 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử. Triển khai 02 hệ thống thử nghiệm và 02 hệ thống thực tế sử dụng phần mềm lõi DVC trực tuyến OpenCPS phiên bản v2 tại cơ quan cấp Bộ, Ngành hoặc tương đương.

Số hồ sơ lưu: 18130

78768. 04-2022 **Nghiên cứu xây dựng phần mềm hỗ trợ quảng bá và phát hành xuất bản phẩm trên**

**thiết bị di động và thử nghiệm tại Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông/** ThS. Ngô Thị Mỹ Hạnh, ThS. Trần Chí Đạt; ThS. Nguyễn Tiến Phát; ThS. Nguyễn Long Biên; CN. Lê Hà Vĩnh; CN. Đàm Quốc Cường; ThS. Nguyễn Tiến Sỹ - Hà Nội - Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2020 - 11/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xu hướng ứng dụng thương mại điện tử trên thiết bị di động trong việc quảng bá và phát hành xuất bản phẩm; Nghiên cứu thực trạng tình hình ứng dụng TMDT hỗ trợ quảng bá, phát hành qua thiết bị di động tại một số nhà xuất bản, cơ sở phát hành và công tác quảng bá và phát hành xuất bản phẩm tại Nhà xuất bản TT&TT; Đề xuất giải pháp xây dựng phần mềm hỗ trợ quảng bá và phát hành xuất bản phẩm trên thiết bị di động và thử nghiệm tại Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.

Số hồ sơ lưu: 18151

**81304. 04-2022 Nghiên cứu, xây dựng, thử nghiệm công cụ đo kiểm, đánh giá trải nghiệm khách hàng và benchmarking (so sánh) chất lượng dịch vụ cho các nhà mạng tại Việt Nam/** ThS. Trần Hoàng Diệu, PGS.TS. Vũ Văn San; ThS. Chu Tuấn Linh; ThS. Hà Quang Đức; ThS. Lê Đức Vượng; Đỗ Thị Nhàn - Hà Nội - Viện khoa học kỹ thuật bưu điện, 2020 - 04/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình phát triển của mạng di động tại Việt Nam qua đó tìm hiểu về công tác đánh giá trải nghiệm khách hàng của các nhà

mạng tại Việt Nam như Ookla, nPerfSAS, VNNIX... và trên thế giới theo QoS. Tiến hành nghiên cứu các quy trình và tham số đánh giá trải nghiệm khách hàng trên từng loại dịch vụ. Phân tích, thiết kế, xây dựng và cho thử nghiệm công cụ đo kiểm, đánh giá trải nghiệm khách hàng và so sánh chất lượng trải nghiệm dịch vụ viễn thông giữa các nhà mạng di động tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19365

### **20302. Chế tạo máy nói chung**

**79281. 04-2022 Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng các yêu cầu kỹ thuật về phun phủ nhiệt/** PGS.TS. Lê Thu Quý, ThS. Lục Vân Thương; TS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Phạm Thị Hà; ThS. Phạm Thị Lý; ThS. Ngô Xuân Cường; ThS. Nguyễn Anh Dũng; KS. Đỗ Quang Chiến; KS. Ngô Văn Dũng; CN. Vũ Thị Mỹ - Hà Nội - Viện nghiên cứu cơ khí, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn tình hình phát triển công nghệ phun phủ nhiệt làm cơ sở để xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia, tiếp cận trình độ tiên tiến của thế giới, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng các sản phẩm cơ khí Việt Nam. Xây dựng 05 dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về phun phủ nhiệt, bao gồm: Thuật ngữ chuyên môn và phân loại; Biểu diễn ký hiệu trên các bản vẽ; Điều kiện cung cấp kỹ thuật; Khuyến nghị đối với phun phủ nhiệt và hoạt động điều phối trong lĩnh vực phun phủ nhiệt.

Số hồ sơ lưu: 18514

79334. 04-2022 **Nghiên cứu, xây dựng quy trình công nghệ và chế tạo bánh răng côn xoắn trên máy CNC 5 trục/** TS. Nguyễn Văn Thiện, TS. Đỗ Đức Trung; TS. Hoàng Tiến Dũng; PGS.TS. Phạm Văn Đông; TS. Nguyễn Như Tùng; ThS. Nguyễn Văn Quê; TS. Trần Quốc Hùng; ThS. Nguyễn Trọng Mai; ThS. Nguyễn Mai Anh; ThS. Phạm Thị Thiệu Thoa; KS. Đỗ Đức Khiêm - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về công nghệ gia công bánh răng côn xoắn. Thiết kế, xây dựng quy trình công nghệ bánh răng côn xoắn và chế tạo cặp bánh răng côn xoắn trên trung tâm gia công phay CNC 5 trục. Triển khai thử nghiệm kết quả nghiên cứu của đề tài tại doanh nghiệp, hiệu chỉnh quy trình công nghệ sau khi gia công. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng và bài thực hành phục vụ công tác đào tạo.

Số hồ sơ lưu: 18510

79173. 04-2022 **Nghiên cứu chế tạo lớp phủ nanocomposite nền niken bền mài mòn, ăn mòn bằng công nghệ mạ xoa./** ThS. Đỗ Thanh Tùng, PGS. TS. Lê Thu Quý; ThS. Ngô Xuân Cường; ThS. Lục Văn Thương; ThS. Ngô Trọng Bình; ThS. Nguyễn Anh Dũng; ThS. Tạ Trung Dũng; KS. Ngô Văn Dũng; KS. Đinh Xuân Ngọc; KS. Bùi Văn Chiến - Hà Nội - Viện nghiên cứu cơ khí, 2021 - 12/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ Công nghệ mạ xoa nanocomposite nền niken bền ăn

mòn, mài mòn trong các môi trường hóa chất; Làm chủ quy trình chế tạo lớp phủ mạ xoa nanocomposite nền niken lên bề mặt làm việc của các chi tiết làm việc trong điều kiện môi trường hóa chất: các loại bơm, van, trục cán, xy lanh thủy lực. Nghiên cứu thực nghiệm là chế tạo thử nghiệm lớp phủ mạ xoa nanocomposite lên bề mặt mẫu thí nghiệm để đánh giá chất lượng và thực hiện tạo lớp phủ lên bề mặt làm việc của một số chi tiết máy điển hình, làm cơ sở để mở rộng khả năng ứng dụng của phương pháp mạ xoa đối với các chi tiết làm việc trong điều kiện hóa chất như: các loại bơm, van, trục cán, xy lanh thủy lực.

Số hồ sơ lưu: 18351

### **20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp**

81347. 04-2022 **Hoàn thiện, đổi mới công nghệ trong sản xuất trà đặc sản và cao trà từ nguyên liệu trà Shan Tuyết vùng núi Núi Tây Côn Lĩnh, Hà Giang/** KS. Ngô Khánh Toàn, CN. Phạm Thị Minh Hải; KS. Nguyễn Thị Thu Hằng; KS. Hoàng Thị Hạ; KS. Ma Ngọc Giang; KS. Lương Minh Hòa; KS. Nguyễn Cao Sơn; CN. Nguyễn Thị Thoại; KS. Hoàng Văn Thương; ThS. Trần Văn Giang; KS. Nguyễn Thị Điện; KS. Nguyễn Thị Tính; TS. Trần Hồng Thao; KS. Nguyễn Thị Chúc; CN. Nguyễn Thanh Hoa; CN. Nguyễn Thị Thu Duyên - Hà Giang - Công ty TNHH Thành Sơn, 2020 - 01/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát đánh giá tình hình sản xuất, sơ chế, chế biến trà Shan Tuyết

cổ thụ Tây Côn Lĩnh thuộc tỉnh Hà Giang. Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất trà trắng cao cấp và trà xanh cao cấp từ nguyên liệu trà Shan Tuyết vùng núi Núi Tây Côn Lĩnh. Khảo nghiệm, nghiên cứu, tính toán, lựa chọn lắp đặt hoàn thiện dây chuyền thiết bị và sản xuất thử nghiệm trà trắng cao cấp và trà xanh cao cấp, với quy mô 300-400 kg nguyên liệu/mẻ. Tiến tới hoàn thiện công nghệ sản xuất cao trà từ nguyên liệu trà Shan Tuyết vùng núi Tây Côn Lĩnh, quy mô 150 kg nguyên liệu/mẻ. Đồng thời, sản xuất thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ sản xuất trà cao trà, quy mô 150 kg nguyên liệu/mẻ.

Số hồ sơ lưu: 19371

### **20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông**

78750. 04-2022 **Nghiên cứu thiết kế chế tạo bộ thiết bị truyền thông tin giữa các xe ô tô tham gia giao thông trên đường/** ThS. Dương Thế Anh, PGS. TS. Phạm Hữu Nam; ThS. Đông Anh Nam; ThS. Bùi Hải Bằng; TS. Nguyễn Minh Nhất; ThS. Lê Hoàng Long; ThS. Lưu Tuấn Hải; ThS. Đinh Chí Linh; TS. Phạm Văn Thoan; ThS. Nguyễn Văn Hòa; ThS. Nguyễn Thịnh; CN. Nguyễn Thanh Bình - Hà Nội - Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I, 2020 - 11/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, phân tích các yêu cầu về truyền thông tin giữa các xe nhằm cảnh báo sớm các nguy cơ có thể xảy ra tai nạn trên đường giao thông cao tốc. Nghiên cứu thiết kế chế tạo lắp ráp hệ thống truyền thông

V2V (bao gồm 5 bộ thiết bị truyền nhận thông tin lắp trên xe) trên cơ sở ứng dụng công nghệ mạng WiFi DSRC. Nâng cao chất lượng an toàn giao thông trong nước, phù hợp với sự phát triển cũng như các chuẩn an toàn đối với các xe khi tham gia giao thông trên đường mà nhiều nước trên thế giới đã quy định.

Số hồ sơ lưu: 18147

78793. 04-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo xe chữa cháy cỡ nhỏ sử dụng trong công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại Việt Nam/** TS. Đoàn Việt Mạnh, TS. Nguyễn Văn Bình; KS. Bùi Quang Việt; KS. Phạm Tất Mạnh; TS. Vũ Ngọc Tuấn; ThS. Vũ Sơn Lâm; ThS. Đoàn Tự Lập; ThS. Phùng Mạnh Hùng; KS. Lê Quang Minh; KS. Phí Hải Ngọc - Hà Nội - Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, 2020 - 01/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thiết kế, chế tạo, lắp ráp hoàn thiện 01 mẫu xe chữa cháy cỡ nhỏ phục vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH). Làm chủ công nghệ sản xuất lắp ráp ô tô chữa cháy cỡ nhỏ phù hợp với điều kiện công nghệ ở Việt Nam theo hướng phát huy tối đa tỷ lệ nội địa hóa để trang bị cho lực lượng cảnh sát PCCC và CNCH. Thông qua việc hợp tác với các đối tác có năng lực và kinh nghiệm, tiến hành việc chuyển giao công nghệ và kết hợp với quá trình tự nghiên cứu để cho ra sản phẩm phù hợp với điều kiện tự nhiên, môi trường, xã hội tại Việt Nam. Tiến tới



việc làm chủ công nghệ và tự sản xuất trong nước.

Số hồ sơ lưu: 18131

79177. 04-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng dự thảo Thông tư quy định về đo lường đối với phép đo khối lượng trong kiểm soát tải trọng phương tiện giao thông đường bộ/** ThS. Cao Việt Bách, ThS. Trần Quý Giàu; ThS. Nguyễn Hùng Điệp; CN. Trần Thị Thúy Hà; ThS. Lê Thị Thúy Sâm; ThS. Bùi Trung Dũng; CN. Phạm Thị Đào Anh; TS. Đỗ Đức Nguyên; KS. Vũ Minh Thắng; KS. Võ Quốc Khôi - Hà Nội - Vụ Đo lường, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng dự thảo Thông tư quy định về đo lường đối với phép đo khối lượng trong kiểm soát tải trọng phương tiện giao thông đường bộ để tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về đo lường trong lĩnh vực giao thông đường bộ, làm rõ, minh bạch, chính xác về kết quả thực hiện phép cân kiểm tra tải trọng xe tạo thuận lợi cho lực lượng thi hành pháp luật và bảo đảm công bằng cho doanh nghiệp, lái xe.

Số hồ sơ lưu: 18367

80910. 04-2022 **Tự động hóa quá trình sản xuất nhíp ô tô tiến tới xây dựng nhà máy thông minh (Smart factory)/** KS. Đặng Minh Long, ThS. Đoàn Đạt Ninh; CN. Đặng Ngọc Tuấn; KS. Nguyễn Văn Nhân; KS. Dương Xuân Hoàng; CN. Nguyễn Tam Quang; KS. Dương Tấn Hân; KS. Nguyễn Thanh Phương; KS. Trần Anh Tùng; KS.

Trần Thanh Kiều; KS. Nguyễn Văn Đào; ThS. Vũ Đăng Chu; KS. Hồ Đăng Dũng; KS. Đặng Minh Tâm; KS. Lã Thanh Sang; KS. Vũ Thanh Hoàng; KS. Văn Ngọc Khánh; KS. Nguyễn Văn Nguyên; KS. Trần Anh Khoa; KS. Lê Phước Thành; KS. Lê Quốc Vị; KS. Nguyễn Mai Đông; KS. Ngô Quang Hùng; KS. Ngô Văn Thiên; KS. Ngô Xuân Hạ; TS. Nguyễn Kim Anh; TS. Lê Hoài Nam; TS. Đặng Phước Vinh; CN. Đàm Văn Quân; ThS. Đỗ Minh Kỳ - Đồng Nai - Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải, 2021 - 11/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện dây chuyền hiện có để tiến tới tự động hóa quá trình sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm. Trên cơ sở dây chuyền đã được hoàn thiện tiến tới xây dựng nhà máy thông minh (Smart factory). Đổi mới công nghệ, tự động hóa quá trình cấp phôi, lấy phôi cho 15 hệ thống thiết bị công nghệ hiện hữu. Nâng cao tỷ lệ tự động hóa toàn dây chuyền từ 25% lên trên 80%. Thay đổi quy trình quản lý chất lượng từ thủ công sang áp dụng hệ thống số hóa kết quả tại thời điểm kiểm tra. Thay đổi quy trình triển khai sản xuất từ lập kế hoạch, phác thảo trên giấy, các biểu mẫu thống kê sang ứng dụng phần mềm quản lý tích hợp. Giám sát được tình trạng máy móc thiết bị thông qua hệ thống công nghệ thông tin. Tự nghiên cứu, phát triển và đào tạo được đội ngũ kỹ sư chất lượng cao, có khả năng vận hành thành thạo hệ thống sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 19225

**20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ**

81768. 04-2022 Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thử nghiệm phân hệ cao tần cho vệ tinh Micro/ TS. Tạ Sơn Xuất, TS. Hồ Mạnh Linh; TS. Nguyễn Khắc Kiểm; PGS.TS. Nguyễn Văn Khang; PGS.TS. Nguyễn Hữu Trung; TS. Phạm Thành Công; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Hải; TS. Nguyễn Trung Dũng; TS. Vương Hoàng Nam; PGS.TS. Nguyễn Đức Minh; TS. Phạm Doãn Tĩnh; ThS. Trần Công Dương; ThS. Đỗ Xuân Phong; ThS. Phạm Kim Cương; TS. Nguyễn Ngọc An - Hà Nội - Viện Điện tử - Viễn thông, 2021 - 05/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế và chế tạo các anten băng S có cấu trúc phẳng, kích thước nhỏ, hiệu suất bức xạ cao sử dụng cho vệ tinh Micro. Thiết kế và chế tạo các anten băng X có cấu trúc phẳng, hệ số định hướng cao, búp sóng hẹp, hiệu suất bức xạ cao cho vệ tinh Micro. Thiết kế và chế tạo bộ phát đáp băng S và bộ phát tín hiệu có hiệu suất cao, kích thước nhỏ gọn cho vệ tinh Micro. Góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho nghiên cứu khoa học và phát triển ứng dụng công nghệ vũ trụ của đất nước.

Số hồ sơ lưu: 19526

**20310. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy xây dựng**

78767. 04-2022 Nghiên cứu, chế tạo mô hình hệ thống cơ điện tử điều khiển các trạng thái làm việc của máy ủi CATERPILLAR D6R phục vụ đào tạo nghề Sửa

chữa điện máy công trình và nghề Sửa chữa máy thi công xây dựng./ ThS. Trần Văn Hiệu, ThS. Bùi Quốc Thịnh; ThS. Đông Anh Nam; ThS. Trần Minh Đức; ThS. Nguyễn Đình Dũng; TS. Nguyễn Minh Nhất; PGS. TS. Phạm Hữu Nam; ThS. Lê Hoàng Long; ThS. Lưu Tuấn Hải; ThS. Lưu Ngọc Long; ThS. Hoàng Anh Thụy - Hà Nội - Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I, 2020 - 04/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng mô hình dàn trải hệ thống cơ điện tử điều khiển các trạng thái làm việc của máy ủi CATERPILLAR D6R phục vụ đào tạo nghề Sửa chữa điện máy công trình và nghề Sửa chữa máy thi công xây dựng. Chế tạo mạch kết nối bộ điều khiển trung tâm với máy tính để hiển thị thông số tín hiệu và đánh lỗi tạo PAN . Biên soạn các tài liệu kỹ thuật phù hợp với mô hình được chế tạo phục vụ quá trình đào tạo nghề điện máy công trình và nghề sửa chữa máy thi công xây dựng. Sản phẩm nghiên cứu thành công của đề tài được sử dụng, phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, tìm đối tác liên kết chế tạo và hoàn thiện mẫu mã sản phẩm cung cấp cho thị trường.

Số hồ sơ lưu: 18146

**20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thủy**

78780. 04-2022 Xây dựng mô hình đánh giá nguy cơ đâm va của tàu thuyền khi hành hải trong vùng nước cảng biển Vũng Tàu để ứng dụng trong công tác đánh giá, phòng ngừa tai nạn đâm va và hỗ trợ công tác thiết kế, nâng cấp luồng hàng hải tại cảng biển Vũng Tàu/ ThS. Lê Văn Thức, TS.

Nguyễn Xuân Thành; KS. Phạm Trung Tín; KS. Lê Đức Trung; KS. Trần Đức Thi; ThS. Võ Duy Nhân; ThS. Nghiêm Giang Nam; KS. Hoàng Ngọc Hà; KS. Bùi Đình Khả; KS. Hồ Như Thiện Phúc; KS. Võ Quang Hưng; ThS. Võ Văn Hùng; ThS. Phạm Thị Nga - Hà Nội - Cục Hàng hải Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Do cảng biển Vũng Tàu (Vịnh Gành Rái) là cửa khẩu hàng hải quan trọng cho tàu thuyền ra vào các cảng biển khu vực Đông Nam Bộ (Nhóm cảng biển số 5) nên có mật độ tàu thuyền qua lại ở đây lớn nhất nước, chủng loại tàu thuyền đa dạng/ phức tạp nhất nước và hàng năm có số vụ tai nạn đâm va cũng lớn nhất nước mà hậu quả một số vụ tai nạn gây cản trở luồng hàng hải và gây tổn thất rất lớn cho các chủ thể liên quan. Tuy nhiên, do tại Việt Nam chưa có “công cụ” đánh giá rủi ro nguy cơ đâm va phù hợp nên từ trước đến nay việc đánh giá, nghiên cứu nguy cơ đâm va tại cảng biển thường theo phương pháp tổng hợp, đánh giá dữ liệu/ thông tin thông kê và việc đánh giá này phụ thuộc rất nhiều vào ý thức, quan điểm chủ quan của người thực hiện, hơn nữa kết quả đánh giá cũng chỉ mang tính chất “định tính” (chưa “định lượng” được cụ thể hàm số hay các thành tố, hệ số an toàn ... làm cơ sở khoa học để xác định có tồn tại nguy cơ đâm va hay không) nên thực tế dù các cấp, ngành, tổ chức, cá nhân liên quan đã nỗ lực phối hợp nghiên cứu, áp dụng nhiều giải pháp bảo đảm an toàn nhưng tai nạn hàng hải trong khu vực hàng năm không những

không giảm mà còn có chiều hướng gia tăng .. Vì vậy, cần thiết phải nghiên cứu xây dựng, thiết lập một Mô hình đánh giá nguy cơ đâm va của tàu thuyền khi hành hải trong vùng nước cảng biển Vũng Tàu nhằm nhận diện chính xác và “định lượng” được các nguy cơ đâm va của tàu thuyền tại cảng biển, để từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể và phù hợp với điều kiện đặc thù hoạt động hàng hải khu vực nhằm hạn chế, giảm thiểu nguy cơ tai nạn đâm va, tăng cường hơn nữa biện pháp bảo đảm an toàn cho tàu thuyền và vận dụng mô hình làm công cụ để đánh giá, kiến nghị giải pháp cải tạo, nâng cấp luồng hoặc phân luồng giao thông tại cảng biển Vũng Tàu.

Số hồ sơ lưu: 18155

### **20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng**

80906. 04-2022 Sản xuất thử nghiệm một số tử điện điều khiển - giám sát thiết bị sử dụng trong khai thác hầm lò/ ThS. Phạm Văn Hiếu, ThS. Nguyễn Chân Phương; TS. Đỗ Trung Hiếu; TS. Trần Ngọc Minh; KS. Lê Văn Thông; KS. Nguyễn Đức Hùng; KS. Phương Mạnh Tuấn; KS. Trần Văn Tùng; TS. Trần Văn Hồng - Hà Nội - Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin, 2020 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện thiết kế, quy trình công nghệ chế tạo một số loại tử điện điều khiển - giám sát sử dụng trong ngành khai thác mỏ hầm lò. Chế tạo một số tử điện điều khiển - giám sát phục vụ nhu cầu sản xuất. Trình độ công nghệ tương đương với sản phẩm của

các nước trong khu vực, tiêu chuẩn thiết kế cao hơn các sản phẩm hiện đang nhập ngoại để sử dụng. (tiêu chuẩn Trung Quốc Exd [ib] I, tiêu chuẩn thiết kế của dự án là Exd [ia] I); Hoàn thiện thiết kế và quy trình công nghệ chế tạo các tủ điều khiển giám sát sử dụng trong khai thác hầm lò; Góp phần hiện đại hóa ngành công nghiệp khai thác than hầm lò của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19215

### **20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng**

80930. 04-2022 **Chế tạo, nghiên cứu tính chất quang phổ phụ thuộc nhiệt độ và hiệu ứng uốn cong vùng năng lượng của các nano tinh thể loại II có cấu trúc lõi/vỏ CdTe/CdSe và lõi/đệm/vỏ CdTe/CdTe1-xSex/CdSe/** TS. Nguyễn Xuân Ca, PGS. TS. Vũ Thị Kim Liên; TS. Nguyễn Thị Luyên; TS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Phan Văn Độ; TS. Phạm Minh Tân; PGS. TS. Vũ Phi Tuyến - Thái Nguyên - Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, 2021 - 08/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo, nghiên cứu tính chất quang phổ phụ thuộc nhiệt độ và hiệu ứng uốn cong vùng năng lượng của các nano tinh thể loại II có cấu trúc lõi/vỏ CdTe/CdSe và lõi/đệm/vỏ CdTe/CdTe1-xSex/CdSe khi thay đổi thành phần và chiều dày lớp vỏ và lớp đệm. Nghiên cứu hiệu ứng uốn cong vùng cấm khi thay đổi công suất kích thích quang (kích thích bằng laser liên tục và laser xung) đối với các các NC lõi/vỏ loại II CdTe/CdSe và lõi/đệm/vỏ

CdTe/CdTe1-xSex/CdSe để xem xét sự thay đổi của cấu trúc vùng năng lượng khi chiều dày vỏ và lớp đệm thay đổi. Nghiên cứu phổ quang huỳnh quang và tán xạ Raman của các NC lõi/vỏ loại II lõi/đệm/vỏ CdTe/CdTe1-xSex/CdSe được đo tại vùng một nhiệt độ khi thay đổi nhiệt độ để nghiên cứu ảnh hưởng của ứng suất lõi/vỏ đến sự thay đổi của năng lượng vùng cấm theo nhiệt độ.

Số hồ sơ lưu: 19238

80937. 04-2022 **Mô hình vật lý và mô phỏng cấu trúc nano plasmonic trong ứng dụng quang nhiệt và khai thác năng lượng mặt trời/** TS. Đỗ Thị Nga, TS. Vũ Thị Thùy Dương; TS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Đỗ Chí Nghĩa - Hà Nội - Viện Vật lý, 2021 - 04/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng các mô hình lý thuyết kết hợp với mô phỏng để tìm ra các vật liệu và cấu trúc nano dùng để thay thế cho các hệ vật liệu plasmonic truyền thống. Các kết quả mô phỏng và tính toán lý thuyết sẽ được đối chiếu với thực nghiệm để giải thích và dự đoán số liệu thực nghiệm quang nhiệt, y sinh và khai thác năng lượng mặt trời. Mô hình nghiên cứu trong đề tài tạo ra cầu nối giữa thực nghiệm và lý thuyết. Đây cũng là vấn đề mà hiện nay Việt Nam còn thiếu.

Số hồ sơ lưu: 19221

### **20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân**

81822. 04-2022 **Nghiên cứu, đánh giá khả năng phát tán và ảnh hưởng của phóng xạ từ các nhà**



**máy điện hạt nhân Cảng Phòng Thành và Xương Giang đến Việt Nam/** TS. Nguyễn Hòa Quang, TS. Hoàng Sỹ Thân; ThS. Phạm Kim Long; TS. Nguyễn Văn Hiệp; TS. Nguyễn Xuân Anh; TS. Phạm Xuân Thành; TS. Vương Thu Bắc; ThS. Dương Đức Thắng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà - Hà Nội - Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, 2021 - 09/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá khả năng phát tán chất phóng xạ từ các nhà máy điện hạt nhân Cảng Phòng Thành và Xương Giang của Trung Quốc đến Việt Nam trong một số kịch bản tai nạn tương ứng với ba cấp sự cố (5,6,7) theo thang sự cố INES với điều kiện khí tượng điển hình của khu vực theo từng tháng và một kịch bản khí tượng cực đoan trong năm. Đánh giá khả năng ảnh hưởng của chất phóng xạ phát tán từ các nhà máy điện hạt nhân Cảng Phòng Thành và Xương Giang của Trung Quốc đối với con người và môi trường và đề xuất được giải pháp ứng phó đối với một số kịch bản tai nạn tương ứng. Đào tạo đội ngũ cán bộ có đủ năng lực thực hiện các tính toán, đánh giá khả năng phát tán chất phóng xạ từ các nhà máy điện hạt nhân của Trung Quốc, phục vụ công tác ứng phó đối với các sự cố hạt nhân có thể xảy ra.

Số hồ sơ lưu: 19536

#### **20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)**

81735. 04-2022 **Hoàn thiện công nghệ và xây dựng dây chuyền công nghệ sản xuất kẽm cacbonat**

**bazơ có hàm lượng kẽm  $\geq 57\%$  công suất 150 tấn/năm theo phương pháp axit với tác nhân kết tủa là  $\text{NH}_4\text{HCO}_3$  từ các phế liệu chứa kẽm/** ThS. Trần Ngọc Vượng, Nguyễn Đình Đăng; Vũ Duy Hùng; Phan Đình Thịnh; Phạm Minh Tuấn; Lương Mạnh Hùng; Trần Thế Định; Nguyễn Văn Tùng - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2021 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ lượng  $\text{NH}_4\text{CO}_3/\text{ZnSO}_4$ , ảnh hưởng của nồng độ dung dịch  $\text{ZnSO}_4$  đem đi kết tủa, ảnh hưởng của nhiệt độ kết tủa và ảnh hưởng của thời gian kết tủa tới hiệu suất thu hồi và chất lượng sản phẩm kẽm cacbonat bazơ. Xây dựng giải pháp thu hồi và sử dụng hiệu quả sản phẩm phụ của dây chuyền sản xuất  $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$ . Thiết kế và hoàn thiện dây chuyền sản xuất kẽm cacbonat bazơ công suất 150 tấn/năm theo phương pháp axit với tác nhân kết tủa là  $\text{NH}_4\text{HCO}_3$  từ các phế liệu chứa kẽm.

Số hồ sơ lưu: 19516

#### **20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung**

80525. 04-2022 **Nghiên cứu xử lý vật liệu graphen oxit bằng phương pháp chiếu xạ ứng dụng làm vật liệu loại muối trong nước/** ThS. Phạm Thị Thu Hồng, CN. Đoàn Bình; ThS. Nguyễn Thị Lý; KS. Chu Nhật Khánh; ThS. Nguyễn Thành Được; ThS. Nguyễn Văn Thái Bình - Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và triển khai công nghệ Bức xạ, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trong nghiên cứu này, graphen oxít (GO) đã được phân tán trong ethanol và chiếu xạ bằng bức xạ chùm tia điện tử trong dải liều xạ từ 0 - 60 kGy để tạo GO khử (rGO). rGO mang các đặc trưng cho ứng dụng loại muối trong nước. Diện tích bề mặt riêng (SBET) của rGO đạt 160,15 m<sup>2</sup>/g ứng với liều xạ 60 kGy. rGO60 được tạo màng xốp với cellulose acetate (CA) với hàm lượng 0,5% so với CA để ứng dụng làm màng loại NaCl trong nước với hiệu suất đạt trên 50%. Quy trình khử mặn nước biển đã được thiết lập và kết quả ban đầu cho thấy màng CA/rGO này có hiệu suất loại muối là 83% với công suất lọc 14,8 L/m<sup>2</sup>.h tại áp suất 4 psi.

Số hồ sơ lưu: 19058

### **20403. Kỹ thuật hoá dược**

79189. 04-2022 **Nghiên cứu quy trình chiết tách hoạt chất hấp thụ sinh học từ phụ phẩm của ngành chế biến nông sản ứng dụng làm thực phẩm chức năng hỗ trợ phòng và điều trị người bị nhiễm độc kim loại nặng/** TS. Bạch Thị Tâm, KS. Nguyễn Thị Bảy; GS. TS. Vũ Thị Thu Hà; TS. Trần Thị Thanh Thủy; TS. Nguyễn Thị Phương Hòa; ThS. Bùi Duy Hùng; PGS. TS. Nguyễn Hoàng Ngân; KS. Phạm Chí Công; KS. Nguyễn Minh Đăng; KS. Dương Quang Thắng; TS. Trần Quốc Toàn; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Đặng Thị Thúy Hạnh; KS. Hoàng Trọng Hà; ThS. u Thị Hằng; CN. Trần Thị Thanh Hằng; CN. Trần Nhật Đức; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Lê Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Hồng Hải; ThS.

Nguyễn Thái Biêng; ThS. Bùi Thị Bích Vân - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện nghiên cứu các thông số công nghệ trong quá trình chiết tách và biến tính pectin từ nguyên liệu củ buri, bã táo quy mô phòng thí nghiệm và quy mô pilot công suất 500 g sản phẩm /m<sup>2</sup>, đặc biệt trong đó có những nghiên cứu về quá trình sơ chế-bảo quản nguyên liệu và sản phẩm, phương pháp chiết tách, biến tính pectin, xử lý thu hồi tái sử dụng tác nhân tiền xử lý, quá trình bảo quản, xử lý bã thải... Hoàn thiện quá trình tính toán và cải tiến hệ thiết bị sẵn có để phù hợp với nguồn nguyên liệu. Từ đó hoàn thiện quá trình vận hành chạy thử để sản xuất 3kg sản phẩm pectin biến tính trên hệ thiết bị đã cải tạo. Hoàn thiện quy trình công nghệ chiết tách và biến tính pectin trên hệ pilot công suất 500g sản phẩm/m<sup>2</sup> (6,5 kg nguyên liệu/m<sup>2</sup>).

Số hồ sơ lưu: 18352

### **20506. Luyện các chất bán dẫn**

80076. 04-2022 **Nghiên cứu sự chuyển động mao dẫn nhiệt của chất lỏng trong kênh dẫn micro dưới tác dụng của nguồn nhiệt laser/** TS. Lê Thanh Long, GS. TS. Nguyễn Thanh Nam; TS. Lê Khánh Điền; TS. Trần Ngọc Huy; PGS. TS. Nguyễn Huy Bích - Hồ Chí Minh - Phòng Thí nghiệm trọng điểm điều khiển số và kỹ thuật hệ thống, 2020 - 08/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm hiểu các phương pháp số dùng để mô phỏng sự chuyển động của lưu chất. Xây dựng mô hình vật lý với các phương trình toán tương ứng và thiết lập điều kiện biên của mô hình theo đúng thực nghiệm. Mô phỏng sự di chuyển mao dẫn nhiệt của chất lỏng trong kênh dẫn micro dưới tác dụng của nguồn nhiệt laser. Điều khiển nguồn nhiệt laser một cách linh hoạt để thấy được hiện tượng di chuyển thuận và ngược của chất lỏng trong kênh dẫn micro.

Số hồ sơ lưu: 18943

80077. 04-2022 **Phát triển phương pháp số cho mô phỏng quá trình khuếch tán và ứng xử của kết cấu tấm vỏ chịu tải trọng cơ nhiệt/** TS. Đỗ Nguyễn Văn Vương, TS. Ông Thanh Hải; ThS. Trần Nguyễn Hoàng Uyên - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xây dựng phương pháp PTHHTT mới cho bài toán khuếch tán ba chiều với hệ số khuếch tán nhiệt qua nhiều lớp vật liệu khác nhau, không đẳng hướng với miền bài toán được chia bằng các lưới tổng quát. Xây dựng lý thuyết biến dạng cắt bậc cao có xét đến biến dạng theo 3 phương  $x, y, z$ . Phát triển cơ sở NURBS (isogeometric-đẳng hình học) để xây dựng bài toán với các miền phức tạp. Phát triển lý thuyết truyền nhiệt ba chiều thay vì các lý thuyết truyền nhiệt theo 1 phương cho các bài toán truyền nhiệt trong các lớp đồng nhất, các lớp vật liệu composite và vật liệu

Nano composite. Đề xuất lý thuyết tính toán ổn định trong các bài toán phân tích phi tuyến do tải trọng cơ nhiệt, điển hình là bài toán phân tích mất ổn định mà các phương pháp khác có thể dẫn đến không hội tụ kết quả.

Số hồ sơ lưu: 18941

### **20507. Vật liệu xây dựng**

79293. 04-2022 **Nghiên cứu sử dụng phế thải xây dựng để chế tạo bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn/** TS. Tống Tôn Kiên, GS.TSKH. Phùng Văn Lự; PGS.TS. Đỗ Văn Hứa; ThS. Phạm Thị Vinh Lanh; ThS. Lưu Văn Sáng; ThS. Đoàn Trung Thành; PGS.TS. Nguyễn Trung Hiếu - Hà Nội - Tổng hội xây dựng Việt Nam, 2020 - 03/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu, tái sử dụng các loại phế thải xây dựng (PTXD) làm cốt liệu trong bê tông trên Thế giới và ở Việt Nam. Nghiên cứu các tính chất cơ bản của vật liệu sử dụng và cốt liệu tái chế từ phế thải bê tông xi măng cốt liệu bê tông tái chế (CLBTTC). Tính toán thiết kế thành phần bê tông xi măng chịu lực sử dụng CLBTTC. Xây dựng quy trình chế tạo bê tông và sản xuất cọc bê tông cốt thép. Phân tích hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và hiệu quả môi trường.

Số hồ sơ lưu: 18490

81737. 04-2022 **Nghiên cứu xử lý xỉ thải từ sản xuất phốt pho vàng (Lào Cai) làm vật liệu không nung, kết cấu nền ứng dụng trong xây dựng, đường giao thông bằng chất kết dính vô cơ không sử dụng**

**xi măng/** TS. Phạm Thị Mai Hương, PGS.TS. Trần Hồng Côn; PGS.TS. Vũ Minh Tân; PGS.TS. Nguyễn Quang Tùng; TS. Phạm Thị Thanh Yên; TS. Phạm Hương Quỳnh; TS. Đỗ Thị Cẩm Vân; TS. Nguyễn Hùng Minh; ThS. Phan Thị Quyên; KS. Nguyễn Xuân Mai - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2021 - 06/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất vật liệu không nung với nguyên liệu là xỉ thải từ quá trình sản xuất phốt pho vàng bằng chất kết dính vô cơ không xi măng. Đề xuất giải pháp xử lý xỉ thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất phốt pho vàng, có tính ổn định, lâu dài, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường thứ cấp.

Số hồ sơ lưu: 19515

81739. 04-2022 **Nghiên cứu lựa chọn thành phần bê tông cốt liệu barit cản xạ cho hạng mục che chắn nguồn Co-60/** KS. Dương Ngọc Đức, KS. Mai Thái Nam; KS. Phạm Xuân Định; Nguyễn Trung Kiên; CN. Trần Thanh Quang; TS. Đỗ Tiến Thịnh - Hà Nội - Trung tâm Đánh giá không phá hủy, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng quan tình hình nghiên cứu về bê tông cản xạ. Tìm hiểu nguyên lý và tính toán lý thuyết xác định cấp phối bê tông thông thường và bê tông cản xạ. Thiết kế chế tạo mẫu cấp phối bê tông cản xạ dùng trong các hạng mục che chắn nguồn phóng xạ Cobalt 60.

Số hồ sơ lưu: 19517

81824. 04-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo bê tông asphalt tái chế ấm và ứng dụng trong xây dựng đường ô tô/** PGS.TS. Đào Văn Đông, TS. Nguyễn Ngọc Lan; PGS.TS. Trần Hoài Nam; PGS.TS. Nguyễn Quang Phúc; TS. Lư Thị Yên; TS. Nguyễn Mai Lan; TS. Trần Ngọc Hưng; ThS. Trương Văn Quyết; TS. Võ Đại Tú; TS. Nguyễn Quang Tuấn; TS. Nguyễn Hoàng Long; TS. Ngô Quốc Trinh - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2021 - 06/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan và định hướng nghiên cứu về công nghệ bê tông asphalt tái chế ấm. Quy trình sản xuất và quản lý chất lượng của vật liệu tái chế mặt đường cũ (RAP). Thiết kế thành phần hỗn hợp và chế tạo hỗn hợp bê tông asphalt tái chế ấm trong phòng. Thiết kế, chế tạo hỗn hợp bê tông asphalt tái chế ấm ngoài trạm trộn. Thiết kế và dự báo tuổi thọ khai thác của kết cấu áo đường sử dụng bê tông asphalt tái chế ấm. Thử nghiệm hiện trường và đánh giá tính năng khai thác của bê tông asphalt tái chế ấm. Đánh giá hiệu quả môi trường và kinh tế đạt được của công nghệ bê tông asphalt tái chế ấm.

Số hồ sơ lưu: 19537

**20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)**

78781. 04-2022 **Đổi mới công nghệ sản xuất gạch ốp lát cao cấp**



**khổ lớn (kích thước 800x800mm) đáp ứng thị trường trong nước và xuất khẩu/** ThS. Đỗ Đức Thắng, TS. Đỗ Đức Ty; KS. Lê Văn Cường; CN. Nguyễn Thanh Hải; CN. Lưu Minh Hải; KS. Nguyễn Xuân Hồng; KS. Phùng Văn Trường; KS. Hoàng Minh Hà; CN. Lê Trọng Úy; KS. Phạm Hồng Như; CN. Nguyễn Văn Hậu; KS. Nguyễn Văn Dương; KS. Nguyễn Thanh Sơn; KS. Trần Quốc Tuấn; KS. Lê Như An; KS. Trần Văn Chung; KS. Hồ Xuân Tùng; CN. Nguyễn Xuân Thanh; CN. Lê Văn Bình; KS. Nguyễn Văn Toàn; KS. Lê Xuân Long; KS. Lê Trọng Bôn; KS. Hoàng Văn Duẩn; KS. Đặng Văn Tuấn; CN. Lê Trọng Trung - Thanh Hóa - Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza, 2020 - 09/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đầu tư dây chuyền đồng bộ sản xuất thành công gạch bán sứ (porcelain) cao cấp khổ lớn kích thước 800\*800mm. Tiếp nhận và làm chủ công nghệ sản xuất gạch bán sứ (porcelain) cao cấp kích thước 800\*800mm theo phương pháp ép bán khô. Sản phẩm có tính cạnh tranh trên thị trường toàn quốc, có giá trị gia tăng trên 10% sau khi đưa vào sản xuất. Chất lượng gạch tối thiểu đạt TCVN 7745:2007.

Số hồ sơ lưu: 18156

### **20601. Kỹ thuật và thiết bị y học**

79335. 04-2022 **Nghiên cứu sản xuất chip sinh học trên nền DNA microarray để chẩn đoán một số bệnh ở người/** ThS. Nguyễn Thị Thanh Tâm, TS. Nguyễn Văn Khiêm; TS. Phạm Thu Hằng; TS.

Hoàng Thành Chí; ThS. Huỳnh Nguyên Bửu Châu; ThS. Trần Duy Hưng; ThS. Phạm Thị Nhung; ThS. Nguyễn Ngọc Lợi; ThS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Đặng Thị Ngọc Hà; ThS. Phạm Thị Hằng Nga; CN. Nguyễn Minh Nghĩa; CN. Hồ Kim Hoa; CN. Phạm Thị Thúy Hằng; CN. Trịnh Thị Mỹ Uyên; CN. Đặng Thị Trúc Ly; TS. Vũ Thị Thơm; GS.TS. Nguyễn Anh Trí; TS. Bạch Quốc Khánh; TS. Dương Quốc Chính; ThS. Ngô Huy Minh; PGS.TS. Nguyễn Viết Nhung; PGS.TS. Nguyễn Văn Hưng; GS.TS. Đỗ Doãn Lợi; PGS.TS. Trương Thanh Hương; TS. Nguyễn Thị Mai Ngọc - TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH MTV Nhà máy Công nghệ sinh học và Thiết bị Y tế, 2021 - 05/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ công nghệ sản xuất chip sinh học trên nền DNA microarray. Sản xuất các bộ chip sinh học đạt tiêu chuẩn chất lượng của sinh phẩm chẩn đoán in vitro - IVD (tham khảo tiêu chuẩn quốc tế). Ứng dụng các bộ chip sinh học là sản phẩm do dự án nghiên cứu sản xuất vào chẩn đoán bệnh trên lâm sàng.

Số hồ sơ lưu: 18492

79333. 04-2022 **Ứng dụng công nghệ protein array để sản xuất và thử nghiệm bộ kit phát hiện nhanh dấu ấn sinh học P16 và Ki67 trong sàng lọc ung thư cổ tử cung/** TS. Phạm Thu Hằng, ThS. Đặng Thị Ngọc Hà; TS. Nguyễn Văn Khiêm; ThS.BS. Nguyễn Thị Thanh Tâm; CN. Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh; ThS.

Nguyễn Thị Hằng; ThS. Trần Duy Hưng; ThS. Huỳnh Nguyên Bửu Châu; ThS. Trần Thị Kiều; ThS. Phạm Thị Nhung; ThS. BS. Lê Quang Thanh; BS. Phạm Thanh Hải; PGS.TS. Trương Quốc Phong; CN. Nguyễn Trung Quân; CN. Tô Thị Tố Quỳnh; BSCCK II. Nguyễn Thị Ngọc Huyền; CN. Nguyễn Thị Huyền Cẩm; CN. Nguyễn Hoàng Nam; CN. Phạm Hoài Linh; TS. Nguyễn Tiến Thành; TS. Đỗ Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Minh Nghĩa; ThS. Nguyễn Thị Cẩm Quý; ThS. Lê Phan Ngọc Yến Trân; ThS. Nguyễn Thị Thanh Tâm; BS.CKI. Nguyễn Long; BS. Lê Thanh Bình; BS.CKI. Hồ Thị Hoa; BS.CKI. Phạm Huy Hòa - TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH MTV Nhà máy Công nghệ sinh học và Thiết bị Y tế, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định ngưỡng giá trị protein P16 và Ki-67 trong kỹ thuật protein array để sàng lọc ung thư cổ tử cung. Xây dựng quy trình công nghệ array để sản xuất kit chẩn đoán ung thư cổ tử cung bằng công nghệ protein array. Xác định độ nhạy và độ đặc hiệu và một số đặc tính khác của bộ kit protein array.

Số hồ sơ lưu: 18493

81351. 04-2022 **Nghiên cứu phát triển phương pháp đường bao chủ động dựa trên tập mức trong phân vùng và phân tích ảnh y tế/** TS. Phạm Văn Trường, TS. Trần Thị Thảo; PGS.TS. Nguyễn Quốc Cường; TS. Bùi Đăng Quang; TS. Nguyễn Công Phương; TS. Trần Thị Anh Xuân - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2021 -

04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng và phát triển các thuật toán phân vùng ảnh dùng phương pháp tập mức, ứng dụng trong phân vùng ảnh y tế như phân vùng ảnh tâm thất và xác định miền có nhồi máu cơ tim ở ảnh MRI. Đồng thời tiến hành phát triển các thuật toán cải thiện độ chính xác cũng như tốc độ xử lý cho việc phân vùng ảnh. Ứng dụng máy học và trí tuệ nhân tạo để tích hợp các thông tin tiên định về hình dạng và cấu trúc các cơ quan của cơ thể người như tâm thất trái, màng nhĩ, vào các hàm mục tiêu nhằm làm tăng độ chính xác của các bài toán phân vùng ảnh y tế đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 19370

### **20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật**

78743. 04-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý Crom và Niken trong nước thải mạ điện bằng vôi sữa và phèn sắt để giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp/** ThS. Đặng Xuân Thường, TS. Nguyễn Phú Duyên; KS. Dương Văn Đang; ThS. Lương Thị Hoa; ThS. Hoàng Văn Hiếu; ThS. Nguyễn Văn Cương; CN. Nguyễn Văn Phiên; KS. Nguyễn Quang Huy; CN. Hoàng Thị Thanh Mai; CN. Hoàng Thanh Vân - Hà Nội - Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý Crom và Niken trong nước thải mạ điện bằng vôi sữa và phèn sắt để giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại

các khu công nghiệp. Xây dựng mô hình công nghệ xử lý Crom và Niken trong nước thải mạ điện bằng vôi sữa và phèn sắt với quy mô 2m<sup>3</sup> /ngày đêm. Với cách tiếp cận của đề tài, các nội dung chính sẽ được thực hiện một cách bài bản, đúng quy trình nghiên cứu để đưa ra sản phẩm. Phương pháp nghiên cứu sẽ được kết hợp được tính kế thừa của các nghiên cứu đi trước, kết hợp với các phương pháp truyền thống và các phương pháp hiện đại như sử dụng như các phần mềm chuyên dụng, các mô hình tính toán để xử lý kết quả

Số hồ sơ lưu: 18134

78769. 04-2022 **Đánh giá mức độ phát thải và nguy hại của một số hợp chất hữu cơ phát sinh không chủ định từ một số ngành công nghiệp miền Bắc Việt Nam/** PGS. TS. Phạm Thị Ngọc Mai, TS. Nghiêm Xuân Trường; TS. Đào Thị Nhung; ThS. Nguyễn Thúy Ngọc; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; ThS. Đặng Minh Hương Giang - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 12/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng thể về sự phát thải của các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy phát sinh không chủ định (U-POPs) như polychlorinated dibenzo-pdioxins/furans (PCDD/Fs) và dioxin-like polychlorinated biphenyls (dl-PCBs) từ các hoạt động công nghiệp như lò đốt rác thải, luyện kim, sản xuất xi măng, nhiệt điện và những hoạt động sản xuất, tái chế tự phát với quy mô nhỏ tại các làng nghề. Khu vực nghiên cứu bao gồm một số khu công

ngiệp và làng nghề thuộc các tỉnh thành trong cả nước. Khảo sát, thu thập mẫu và phân tích PCDD/Fs và dl-PCBs trong các mẫu chất thải công nghiệp (khí thải, bụi thải, nước thải, bùn thải, tro bay, tro xỉ đáy lò) và mẫu môi trường (không khí, bụi, đất, trầm tích) tại các khu vực nghiên cứu. Đánh giá mức hàm lượng của POPs trong nguồn thải, xây dựng hồ sơ phân bố, đặc điểm tích lũy, cơ chế hình thành và ước tính giá trị hệ số phát thải POPs cho từng lĩnh vực dựa trên số liệu đo đạc thực tế. Đánh giá rủi ro đối với sức khỏe môi trường và con người thông qua việc xác định nồng độ của các chất POPs trong mẫu môi trường. Nghiên cứu phương pháp luận và tính toán các giá trị hệ số rủi ro sinh thái, liều lượng hấp thụ hàng ngày, và hệ số rủi ro đối với sức khỏe con người của PCDD/Fs và dl-PCBs.

Số hồ sơ lưu: 18148

80727. 04-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ số phát tán CH<sub>4</sub> quốc gia trong và sau khai thác than/** TS. Hà Quang Anh, KS. Quách Tất Quang; TS. Hà Quang Anh; ThS. Lý Việt Hùng; ThS. Trần Thu Huyền; ThS. Nguyễn Thị Liễu; TS. Đỗ Ngọc Tước; TS. Lê Đức Nguyên; TS. Lê Đức Vinh; TS. Trần Hồng Nguyên - Hà Nội - Trung tâm Bảo vệ tầng ô-dôn và Phát triển kinh tế các-bon thấp, 2021 - 07/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng phương pháp điều tra, đo, thu thập số liệu phát tán CH<sub>4</sub> trong hoạt động khai thác than (trong khai thác và sau khai thác) đối với mỏ hầm lò và mỏ lộ thiên. Thu thập

số liệu, thông tin về trữ lượng than, sản lượng khai thác, lượng phát tán trong và sau khai thác tại các mỏ hầm lò và mỏ lộ thiên. Xây dựng hệ số phát tán CH<sub>4</sub> trong và sau khai thác cho các mỏ hầm lò và mỏ lộ thiên được điều tra. Xây dựng hệ số phát tán CH<sub>4</sub> quốc gia (toàn ngành) trong và sau khai thác cho các mỏ hầm lò và mỏ lộ thiên. Ước tính lượng phát tán CH<sub>4</sub> cho năm 2020 từ hệ số phát tán đã được xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 19126

80738. 04-2022 **Nghiên cứu, triển khai hệ thống kiểm kê phát thải khí nhà kính và đề xuất lộ trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với ngành công nghiệp luyện kim/** PGS.TS. Trần Xuân Trường, TS. Nguyễn Văn Trung; PGS.TS. Trần Văn Anh; ThS. Trần Thanh Hà; PGS.TS. Doãn Hà Phong; ThS. Vương Xuân Hòa; PGS.TS. Huỳnh Thị Lan Hương; ThS. Nguyễn Hồng Quân; TS. Luong Quang Huy; TS. Đỗ Tiến Anh - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật, 2021 - 08/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về tình hình sản xuất và sử dụng công nghệ trong lĩnh vực luyện kim. Cơ sở khoa học cho việc tính phát thải khí nhà kính cho lĩnh vực luyện kim. Xác định phương pháp tính toán phát thải khí nhà kính cho các lĩnh vực luyện kim. Kiểm kê phát thải khí nhà kính cho lĩnh vực công nghiệp luyện kim. Kịch bản và lộ trình giảm phát thải khí nhà kính cho ngành công nghiệp luyện kim. Quy trình đo đạc, báo cáo và thẩm tra phát thải khí nhà kính và giảm

nhẹ phát thải khí nhà kính cho ngành công nghiệp luyện kim.

Số hồ sơ lưu: 19129

80918. 04-2022 **Nghiên cứu xác định hệ số phát thải khí nhà kính từ hoạt động đốt hử các phụ phẩm nông nghiệp (trấu, rơm rạ) vùng Tây Nam Bộ/** TS. Phạm Thị Mai Thảo, ThS. Phạm Thị Hồng Phương; ThS. Nguyễn Hà Linh; KS. Nguyễn Chiềnh Thắng; ThS. Cao Phan Tâm Yên; ThS. Nguyễn Ngọc Mộng Kha; ThS. Nguyễn Minh Trang; ThS. Tạ Thị Yên; ThS. Lê Thị Thoa; KS. Chử Hoàng Lan - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2020 - 07/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học xác định hệ số phát thải các chất khí gây ô nhiễm môi trường không khí (Tổng bụi lơ lửng, PM<sub>10</sub>, CO, CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>, NO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>...) do hoạt động đốt hử trấu, rơm rạ trên đồng ruộng vùng Tây Nam Bộ. Kiểm kê hàm lượng các chất khí phát sinh từ hoạt động đốt hử trấu, rơm rạ theo các mùa vụ khác nhau vùng Tây Nam Bộ. Đánh giá tác động ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động đốt hử trấu, rơm rạ theo các mùa vụ khác nhau vùng Tây Nam Bộ.

Số hồ sơ lưu: 19213

80952. 04-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp duy trì dòng chảy tối thiểu hệ thống sông liên vùng Hà Nội, Hà Nam có xét vai trò điều tiết của sông Hồng nhằm tăng cường khả năng tự làm sạch và cải thiện chất lượng môi trường nước./** PGS. TS. Nguyễn Hữu Huệ,



PGS.TS. Nguyễn Quang Cường; GS.TS. Phạm Ngọc Hồ; PGS.TS. Huỳnh Thị Lan Hương; TS. Nguyễn Tiến Thái; TS. Nguyễn Văn Sỹ; TS. Hồ Việt Cương; ThS. Nguyễn Văn Sơn; ThS. Nguyễn Hữu Thành; TS. Trần Văn Toàn; ThS. Nguyễn Việt Quang; ThS. Nguyễn Văn Thuán; ThS. Chu Thị Xuân Hoa; ThS. Khúc Hồng Vân; ThS. Lê Thu Mai; ThS. Ngô Thị Ngọc Vân; ThS. Trần Thị Thúy Lam; ThS. Nguyễn Thị Huệ; ThS. Ngô Thị Thùy Anh; ThS. Hoàng Trần Kiên; ThS. Đỗ Đoàn Dũng; ThS. Lê Thị Minh Hà; ThS. Phạm Văn Tuấn; ThS. Dương Văn Viện; ThS. Nguyễn Văn Thắng; ThS. Chu Tuấn Long - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2020 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được thực trạng, diễn biến, nguyên nhân gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước các sông liên vùng Hà Nội, Hà Nam. Đề xuất được các giải pháp khoa học công nghệ duy trì dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông liên vùng Hà Nội, Hà Nam có xét đến vai trò điều tiết của sông Hồng nhằm tăng cường khả năng tự làm sạch và cải thiện chất lượng môi trường nước.

Số hồ sơ lưu: 19239

81018. 04-2022 **Nghiên cứu giải pháp công nghệ và thiết kế, chế tạo thiết bị xử lý tro bay của các nhà máy nhiệt điện chạy than thành nguyên liệu cho nhà máy xi măng và vật liệu không nung.**/ TS. Lý Cẩm Hùng, TS. Đinh Sỹ Khang; PGS.TS. Phan Đình Tuấn; TS. Lê Thị Thanh Hương; TS. Lê Hữu Quỳnh Anh; ThS. Nguyễn Thị Thúy

Hằng; TS. Hoàng Minh Nam; TS. Đỗ Hải Sâm; TS. Huỳnh Anh Hoàng; TS. Trần Tuyết Sương - Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển bền vững, 2020 - 10/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được hiện trạng phát thải, tồn trữ, xử lý, và tái sử dụng tro bay của nhà máy nhiệt điện chạy than tại vùng Tây Nam Bộ. Đề xuất giải pháp công nghệ khả thi để xử lý tốt tro bay của nhà máy nhiệt điện thành nguyên liệu cho nhà máy xi măng và vật liệu không nung. Thiết kế, chế tạo thành công thiết bị xử lý tro bay thành nguyên liệu cho nhà máy xi măng và vật liệu không nung (công suất đầu vào 200 tấn/ngày)

Số hồ sơ lưu: 19219

81799. 04-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thiết bị quan trắc môi trường trực tuyến đa kênh theo nguyên lý kỹ thuật phân tích dòng chảy FIA nhằm xác định một số kim loại độc hại trong nước mặt.**/ PGS.TS. Đỗ Phúc Quân, TS. Nguyễn Văn Anh; KS. Trần Mạnh Thắng; ThS. Phạm Quang Ngân; ThS. Trịnh Hải Thái; ThS. Vũ Quang Lợi; TS. Lê Hữu Tuyên; TS. Chu Thị Xuân; ThS. Phạm Chí Công; GS.TS. Phạm Hùng Việt - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - 12/2016 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo cảm biến và buồng đo dòng chảy. Thiết kế, chế tạo máy đo đa kênh và chế tạo trạm đo. Xây dựng phần mềm phát triển phần mềm OHM trên nền tảng desktop (dùng công nghệ WindowForm hoặc WPF với tính



năng giám sát, cài đặt và tính toán tại hiện trường (đặt tên là OHM – Onsite Heavy Metals Monitoring and Configuration Software). Xây dựng phần mềm RHMNet trên nền tảng web-based để quản lý giám sát từ xa RHMNet (Remote Heavy Metals Monitoring and Management Network). Lắp đặt, hiệu chỉnh và thử nghiệm tổng thể toàn bộ hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 19535

#### **20704. Viễn thám**

78738. 04-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Viễn thám và GIS xây dựng các mô hình tính toán trữ lượng sinh khối của các hệ sinh thái rừng tự nhiên tại Việt Nam/** TS. Nguyễn Việt Lương, TS. Lại Anh Khôi; ThS. Tô Trọng Tú; CN. Phan Thị Kim Thanh; CN. Đinh Hương Lan; KTV. Hoàng Thị Thanh Hương; TS. Nguyễn Thanh Hoàn; TS. Hoàng Lưu Thu Thủy; ThS. Tống Phúc Tuấn; TS. Lê Trần Chấn; ThS. Lê Mai Sơn; KS. Trình Xuân Hồng; CN. Nguyễn Hữu Tú; CN. Nguyễn Thị Lý; ThS. Nguyễn Văn Dũng; ThS. Hoa Thúy Quỳnh; CN. Trần Thị Mùi; CN. Vũ Thị Mừng; ThS. Võ Trọng Hoàng; ThS. Vương Văn Vũ; ThS. Chu Thị Hằng; ThS. Phạm Văn Thế; ThS. Trần Anh Tuấn; CN. Chu Anh Dũng; TS. Võ Thịnh; ThS. Trần Đức Bình - Hà Nội - Viện Công nghệ Vũ trụ, 2020 - 11/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển các kỹ thuật xử lý ảnh vệ tinh (quang học và ảnh radar) phục vụ việc toán trữ lượng sinh khối rừng tại Việt Nam. Xây dựng phương pháp luận, mô hình trong

việc sử dụng công nghệ Viễn thám và hệ thống tin địa lý cho việc tính toán trữ lượng sinh khối rừng phục vụ việc quản lý, giám sát khả năng tích trữ carbon và hấp thụ CO<sub>2</sub> bởi các hệ sinh thái rừng. Xây dựng quy trình thành lập bản đồ sinh khối và carbon tích trữ sử dụng công nghệ viễn thám và GIS.

Số hồ sơ lưu: 18135

78739. 04-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám trong giám sát hiện tượng nhiễm mặn đất khu vực đồng bằng sông Cửu Long./** ThS. Hoàng Minh Hải, ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hồi; CN. Vũ Thị Hồng Hà; ThS. Trần Hoàng Minh; ThS. Trịnh Ngọc Bích; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Hải Yến; ThS. Hồ Thị Vân Trang; ThS. Lê Trung Thông; ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình - Hà Nội - Viện khoa học Đo đạc và bản đồ, 2020 - 06/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập cơ sở khoa học và các phương pháp ứng dụng công nghệ viễn thám trong giám sát xâm nhập mặn đất sản xuất nông nghiệp. Đề xuất quy trình giám sát đất nhiễm mặn trên cơ sở kết hợp tư liệu viễn thám với hệ thống tin địa lý. Phạm vi nghiên cứu áp dụng cho các khu vực ven biển và nội địa sát biển có nguy cơ bị nhiễm mặn do nước biển dâng. Tuy nhiên, trong khuôn khổ đề tài sẽ chỉ nghiên cứu khu vực nằm trên địa bàn hai huyện Ba Tri và huyện Bình Đại của tỉnh Bến Tre. Khu vực này có ba cửa sông chính đó là: cửa Đại, cửa Ba Lai và cửa Hàm Luông

Số hồ sơ lưu: 18128

**20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất**

80526. 04-2022 **Xác lập cơ sở khoa học để đánh giá triển vọng quặng wolfram (sheelit) và khoáng sản đi kèm khối Sông Chảy/** ThS. La Mai Sơn, TS. Trần Mỹ Dũng; KS. Nguyễn Trọng Dũng; KS. Bùi Tiến Dũng; CN. Phạm Quang Phúc; TS. Ngô Xuân Thành; TS. Nguyễn Trường Lưu; TS. Văn Đức Tùng; KS. Phạm Văn Hùng; KS. Vũ Đình Anh - Hà Nội - Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Bắc, 2020 - 07/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ đặc điểm, điều kiện thành tạo, nguồn gốc, cấu trúc và hoạt động magma không chế quặng hóa wolfram (sheelit) khối Sông Chảy; Xác lập quy luật phân bố quặng hóa, thành lập các bản đồ khoanh định các khu vực có triển vọng quặng wolfram (sheelit) và khoáng sản đi kèm vùng nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 19053

**20707. Kỹ thuật đại dương**

80357. 04-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình Geoid khu vực miền Trung nước ta trên cơ sở số liệu quan trắc các yếu tố của thể nhiều (dị thường trọng lực, dị thường độ cao, điểm đo trùng GPS - thủy chuẩn hình học)/** TS. Đỗ Minh Tuấn, ThS. Doãn Thành Long; TS. Nguyễn Văn Sáng; TS. Lương Bảo Bình; ThS. Văn Ngọc Trúc Phương; ThS. Nguyễn Văn Khánh; ThS. Huỳnh Nguyễn Định Quốc; ThS. Nguyễn Xuân Hoà; ThS. Vũ Văn Thái; ThS. Phạm Hồng Thắng - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM,

2020 - 06/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Lựa chọn mô hình trọng trường trái đất thích hợp nhất với Geoid vùng nghiên cứu; Xây dựng bộ dữ liệu chuẩn phục vụ nghiên cứu Geoid cục bộ trên cơ sở các số liệu trọng lực mặt đất, trọng lực trên biển và mô hình Geoid bên Lào; Xác định phương pháp tính dị thường độ cao vùng nghiên cứu với độ chính xác cao nhất nhằm phục vụ mục đích sản xuất. Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc tính dị thường độ cao bằng phần mềm Gravsoft. Nghiên cứu mức độ thích hợp các mô hình geoid toàn cầu với vùng nghiên cứu (EGM-2008, EIGEN-6NC, GOCO05S, GOCE-DIR5). Tính dị thường độ cao bằng phương pháp Collocation trong phần mềm Gravsoft. Cơ sở lý thuyết tính dị thường độ cao bằng phép biến đổi Hartley. Xây dựng phần mềm tính dị thường độ cao bằng phép biến đổi Hartley. So sánh dị thường độ cao tính được bằng 2 phương pháp với các điểm kiểm tra GPS- thủy chuẩn hình học. Nghiên cứu khả năng sử dụng phương pháp Trend để nội suy dị thường độ cao hình học.

Số hồ sơ lưu: 19003

**209. Công nghệ sinh học công nghiệp**

79337. 04-2022 **Sản xuất thử nghiệm chế phẩm Glutathione (GSH) và thực phẩm chức năng giàu Glutathione từ nấm men/** ThS. Cao Anh Tài, TS. Trương Hương Lan; TS. Lại Quốc Phong; ThS. Nguyễn Thị Việt Hà; KS.

Nguyễn Hà Thành; CN. Hoàng Hương Diễm; CN. Ngô Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; ThS. Đàm Thị Thu Hằng; DS. Nguyễn Lưu Ngọc Diệp - Hà Nội - Công ty Cổ phần Phát triển Thực phẩm Quốc tế, 2020 - 04/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện qui trình công nghệ sản xuất bột sinh khối nấm men giàu GSH và chế phẩm glutathione từ sinh khối nấm men. Xây dựng qui trình công nghệ sản xuất thực phẩm chức năng viên nang glutathione. Sản xuất thử nghiệm sản phẩm qui mô nhỏ. Đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật. Hoàn thiện hệ thống thiết bị và tổ chức sản xuất bột sinh khối nấm men, chế phẩm glutathione và viên nang thực phẩm chức năng glutathione tại doanh nghiệp theo hướng tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, ổn định và có khả năng thương mại hóa.

Số hồ sơ lưu: 18496

**20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.**

78742. 04-2022 **Nghiên cứu đặc tính của tập hợp vi khuẩn phân hủy cao su thiên nhiên/** PGS. TS. Nguyễn Lan Hương, PGS. TS. Tô Kim Anh; TS. Nguyễn Tiến Thành; TS. Nguyễn Thị Thanh; TS. Đào Việt Linh; ThS. Phạm Thị Quỳnh - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học và Công nghệ Thực phẩm, 2020 -

12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập tập hợp vi khuẩn và nghiên cứu vai trò tập hợp vi khuẩn phân hủy cao su thiên nhiên. Nghiên cứu và xác định gen mã hóa protein tham gia quá trình phân hủy cao su ở các chủng thành phần trong tập hợp. Quá trình phân hủy các hợp chất khó phân giải trong tự nhiên thường là một quá trình hoạt động trao đổi chất liên hoàn của tập hợp vi sinh vật, tạo thành "chuỗi thức ăn" trong tự nhiên.

Số hồ sơ lưu: 18133

80732. 04-2022 **Nghiên cứu sản xuất astaxanthin từ vi tảo *Haematococcus pluvialis* bằng công nghệ nuôi cấy cố định trên hệ thống quang sinh học màng đôi/** PGS.TS. Trần Hoàng Dũng, PGS.TS. Trần Hoàng Dũng; CN. Đinh Trần Mỹ Đức; GS.TS. Michael Melkonian; TS. Ngô Thị Hoài Thu; TS. Huỳnh Ngọc Oanh; ThS. Huỳnh Văn Hiếu; ThS. Tô Minh Quân; CN. Nguyễn Trần Minh Lý - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, 2021 - 01/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tuyển chọn chủng vi tảo *H. pluvialis* phù hợp công nghệ và chất lượng sản phẩm. Thử nghiệm quy trình nuôi vi tảo *H. pluvialis* trên hệ thống quang sinh học lớp màng đôi quy mô phòng thí nghiệm. Thiết kế và xây dựng mô hình thiết bị nuôi trồng vi tảo *H. pluvialis* trên hệ thống quang sinh học lớp màng đôi (quy mô lớn 100m<sup>2</sup>) để sản xuất sinh khối khô vi tảo *H. pluvialis*. Nghiên cứu công nghệ sản xuất sinh

khối *H. pluvialis* trên hệ thống màng đôi quang sinh học (quy mô 5kg sinh khối khô/m<sup>2</sup>). Nghiên cứu công nghệ thu astaxanthin từ sinh khối vi tảo (quy mô 1kg astaxanthin /m<sup>2</sup>). Nghiên cứu sử dụng astaxanthin để sản xuất nước giải khát từ nha đam, chanh dây ở quy mô phòng thí nghiệm. Sử dụng astaxanthin để sản xuất nước giải khát từ nha đam, chanh dây tại Công ty VUA BIOTECH.

Số hồ sơ lưu: 19124

### **21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)**

80979. 04-2022 **Nghiên cứu chế tạo cấu trúc nano lõi/vỏ của đồng oxit/kim loại quý và ứng dụng làm cảm biến đo một số chất độc trong thực phẩm/** TS. Nguyễn Việt Tuyên, TS. Phạm Nguyên Hải; ThS. Nguyễn Quang Hòa; ThS. Trần Thị Hà; GS. TS. Bạch Thành Công; ThS. Sái Công Doanh; ThS. Nguyễn Trọng Tâm - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - 08/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo một số cấu trúc nano của vật liệu bán dẫn (CuO, Cu<sub>2</sub>O...) bằng phương pháp oxi hóa nhiệt. Tìm hiểu mối quan hệ giữa công nghệ, thành phần, cấu trúc và tính chất của các vật liệu chế tạo. Phủ kim loại lên các cấu trúc nano bán dẫn đã chế tạo. Quá trình phủ sẽ được thực hiện bằng cả phương pháp hóa (siêu âm, nuôi mầm...) và phương pháp vật lý (phún xạ, bốc bay) để tìm ra qui trình phù hợp. Đánh giá khả năng sử dụng các vật liệu composite nano bán

dẫn/kim loại (CuO, Cu<sub>2</sub>O)/kim loại quý đã chế tạo để làm đế trong quá trình nghiên cứu hiện tượng tán xạ Raman tăng cường bề mặt. Sử dụng các đế đã chế tạo để nghiên cứu hiện tượng tán xạ Raman tăng cường bề mặt nhằm phát hiện một số chất độc trong thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19234

### **21101. Kỹ thuật thực phẩm**

79187. 04-2022 **Sản xuất thử nghiệm một số sản phẩm từ trái Ca cao ( Theobroma ca cao) Việt Nam/** TS. Nguyễn Thị Chim Lang, TS. Nguyễn Thị Chim Lang; ThS. Phạm Thị Hữu Hạnh; TS. Phan Văn Mẫn; KS. Trần Thị Duy Trinh; KS. Nguyễn Hải Hồ; KS. Đỗ Thị Mỹ Nhung; ThS. Trần Thị Tường Vinh; CN. Lê Thị Loan; ThS. Ngô Tuấn Hiền; ThS. Nguyễn Minh Trung; KS. Đinh Ngọc Đức; KS. Trần Anh Vũ - Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Vũng Tàu, 2020 - 12/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được dây chuyền sản xuất, các quy trình công nghệ chế biến các sản phẩm từ ca cao với công suất 25 tấn sản phẩm/ năm. Hoàn thiện công nghệ lên men hạt ca cao để đảm bảo nguồn nguyên liệu chất lượng cho sản xuất. Chất lượng sản phẩm 95% đạt tiêu chuẩn TCVN 7522:2005. Tạo ra các dòng sản phẩm chocolate chất lượng cao, có chất lượng tương đương với chocolate ngoại nhập, nhưng có ưu điểm hơn các dòng chocolate ngoại nhập là không bị tan chảy ở nhiệt độ môi trường, đảm bảo cho quá trình vận chuyển và phân phối sản phẩm



tại các nước Châu Á, góp phần khẳng định chất lượng của chocolate Việt Nam trên thị trường quốc tế. Xây dựng các hệ thống chứng nhận quản lý chất lượng cho nhà máy sản xuất như: ISO 22000: 2018, HACCP đạt chuẩn quốc tế, đảm bảo đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Châu Âu, Nhật, Mỹ...

Số hồ sơ lưu: 18365

80905. 04-2022 **Hoàn thiện công nghệ và hệ thống thiết bị chế biến một số sản phẩm từ nấm ăn từ quy mô công nghiệp/** TS. Đỗ Thị Yến, PGS. TS. Cung Tố Quỳnh; ThS. Bùi Uyên Diễm; ThS. Vũ Hoài Thu; CN. Vũ Hoài Hương; TS. Nguyễn Văn Hưng; TS. Phạm Ngọc Hưng; CN. Đào Thị Mừng; ThS. Nguyễn Thị Hoài Đức; KS. Phạm Văn Trung - Hà Nội - Công ty TNHH Hai thành viên Thực phẩm Lý tưởng Việt Nam, 2021 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện qui trình công nghệ và thiết bị cho sản xuất 5 sản phẩm (nấm kim châm ăn liền, pate nấm, giò nấm, bột nấm, ruốc nấm) từ các loại nấm ăn (nấm kim châm, nấm sò, nấm hương...) quy mô công nghiệp, đảm bảo chất lượng và ATTP và Thành lập được doanh nghiệp KH&CN. Xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm nấm kim châm ăn liền và nấm chế biến (giò nấm, pate nấm, bột nấm, ruốc nấm), đánh giá thị hiếu của người tiêu dùng và sơ bộ đánh giá hiệu quả kinh tế. Thương mại hóa các sản phẩm nấm kim châm ăn liền và các sản phẩm nấm chế biến (giò nấm,

pate nấm, bột nấm, ruốc nấm) quy mô công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 19233

### **21102. Kỹ thuật đồ uống**

79318. 04-2022 **Sản xuất thử nghiệm một số đồ uống lên men từ mật ong và thịt trái điều/** ThS. Trần Văn Tiến, CN. Bùi Minh Hà; TS. Lê Minh Hoàng; CN. Trần Thị Thắm; TS. Trương Hương Lan; TS. Lại Quốc Phong; CN. Ngô Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Việt Hà; ThS. Vũ Phương Nam; KS. Tạ Thu Hương - Bình Phước - Công ty Cổ phần Ong mật Bình Phước, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện phương pháp thu nhận dịch trái điều, quá trình lên men dịch mật ong – trái điều, thu nhận sản phẩm đồ uống mật ong lên men có độ cồn 12-14% v/v và  $\geq 20\%$  v/v. Tiêu chuẩn hóa nguyên liệu mật ong cho quá trình sản xuất. Sản xuất thử nghiệm sản phẩm qui mô 1.000 L/tank. Xây dựng mô hình sản xuất đồ uống lên men từ mật ong và trái điều tại Công ty Cổ phần Ong mật Bình Phước, qui mô 300.000 lít/năm, tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người lao động, góp phần ổn định đời sống kinh tế cho bà con nông dân còn đang gặp nhiều khó khăn. Tổ chức sản xuất sản phẩm ở quy mô công nghiệp theo quy trình công nghệ và thiết bị đã hoàn thiện.

Số hồ sơ lưu: 18513



**3. Khoa học y, dược****30201. Nam học**

80548. 04-2022 **Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất bộ kit chẩn đoán đột biến gen AZF gây vô sinh nam giới/** PGS. TS. Lương Thị Lan Anh, ThS. Phan Quốc Việt; ThS. Hoàng Thu Lan; CN. Nông Ngọc Huy; CN. Hồ Thị Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Minh Ngọc; KS. Nông Thị Hồng Vân; PGS.TS. Trần Đức Phần; BS. Nguyễn Ngọc Dũng; ThS. Từ Quang Vinh; PGS.TS. Hoàng Thị Ngọc Lan; TS. Đoàn Thị Kim Phượng; TS. Nguyễn Thị Trang; TS. Vũ Thị Hà; BSNT. Vũ Thị Huyền; BSNT. Nguyễn Hữu Đức Anh; BSNT. Đào Thị Trang; CN. Lã Đình Trung; CN. Nguyễn Ngân Hà; CN. Nguyễn Thị Duyên; CN. Phạm Tiến Dương - Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Á, 2020 - 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Có được quy trình công nghệ sản xuất bộ kit chẩn đoán đột biến gen AZF\* gây vô sinh nam giới. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của bộ kit chẩn đoán đột biến gen AZF\* gây vô sinh nam giới. Sản xuất được 300 bộ kit đạt tiêu chuẩn cơ sở (mỗi bộ kit bao gồm 20 test thực hiện cho 20 mẫu).

Số hồ sơ lưu: 18946

**30207. Hệ hô hấp và các bệnh liên quan**

80554. 04-2022 **Ứng dụng kỹ thuật nội soi trong chẩn đoán, điều trị chít hẹp khí quản sau đặt nội khí quản và mở khí quản/** PGS. TS. Đỗ Quyết, PGS. TS. Mai Xuân

Khân; PGS. TS. Nguyễn Huy Lực; TS. Tô Vũ Khương; PGS. TS. Mai Xuân Hiên; ThS. Bùi Thanh Tiến; PGS. TS. Tạ Bá Thắng; TS. Nguyễn Lam; TS. Nguyễn Ngọc Thạch; TS. Nguyễn Phi Long - Hà Nội - Bệnh viện Quân y 103, 2014 - 03/2012 - 03/2014. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình chẩn đoán và điều trị chít hẹp khi quản sau đặt nội khí quản mở khí quản. Đánh giá kết quả áp dụng quy trình nội soi can thiệp (nong, cắt đốt laser... ) để chẩn đoán và điều trị chít hẹp khí quản sau đặt nội khí quản mở khí quản. Đề xuất các biện pháp dự phòng và xây dựng mô hình chẩn đoán điều trị nội soi can thiệp cho bệnh nhân chít hẹp khi quản tại khoa hồi sức cấp cứu.

Số hồ sơ lưu: 19051

**30221. Ung thư học và phát sinh ung thư**

80555. 04-2022 **Hoàn thiện quy trình sinh thiết phổi qua thành ngực dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính/** PGS. TS. Đỗ Quyết, TS. Tạ Bá Thắng; TS. Mai Xuân Khân; TS. Nguyễn Huy Lực - Hà Nội - Học viện Quân y, 2021 - 03/2008 - 12/2009. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiệu quả chẩn đoán, tai biến, biến chứng của kỹ thuật sinh thiết phổi hút, phổi cắt dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính trong chẩn đoán ung thư phế quản ngoại vi. Hoàn thiện quy trình sinh thiết phổi hút, phổi cắt dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo bộ dụng cụ sinh thiết và áp dụng trên thực tế.

Số hồ sơ lưu: 19052

**30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)**

79285. 04-2022 Nghiên cứu việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên nữ dân tộc thiểu số ở Lai Châu từ góc độ phát triển con người/ TS. Lê Thị Đan Dung, ThS. Lê Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Huệ; CN. Lê Mạnh Hùng; ThS. Nguyễn Thị Hoa Mai; TS. Vũ Thị Thanh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Con người, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát một số vấn đề lý luận về nghiên cứu tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản từ góc độ phát triển con người. Phân tích thực trạng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của vị thành niên nữ dân tộc thiểu số ở Lai Châu. Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của vị thành niên nữ dân tộc thiểu số ở Lai Châu. Đề xuất một số các giải pháp nhằm tăng cường tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên nữ dân tộc thiểu số.

Số hồ sơ lưu: 18505

**30304. Dinh dưỡng; Khoa học về ăn kiêng**

81479. 04-2022 Nghiên cứu công nghệ sản xuất chế phẩm Lactoferrin từ *Pichia pastoris* tái tổ hợp để sản xuất thực phẩm chức năng/ PGS. TS. Trương Quốc

Phong, PGS.TS. Khuất Hữu Thanh; TS. Phạm Tuấn Anh; TS. Nguyễn Tiến Thành; TS. Phạm Đức Thuận; TS. Ngô Thu Hương; TS. Nguyễn Trường Giang; TS. Phạm Ngọc Hưng; ThS. Lã Thị Quỳnh Như; TS. Nguyễn Chính Nghĩa; PGS.TS. Nguyễn Lan Hương; TS. Đỗ Thị Thu Hà; ThS. Trịnh Thị Thu Thủy; CN. Ngô Thị Nguyệt; KS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; CN. Đặng Thị Huyền Trang; KS. Nguyễn Thị Tinh; ThS. Bùi Uyên Diễm; CN. Nguyễn Ngọc Viễn; CN. Vũ Thị Hương; KS. Trần Văn Sơn; CN. Ngô Tiêm Thọ; CN. Ngô Thị Thanh Hương; CN. Nguyễn Thị Nguyệt; ThS. Lê Thị Lan Chi; KS. Phạm Thị Hằng Nga - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 01/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tối ưu hoá được trình tự gen mbLFopt phù hợp chủng chủ *Pichia pastoris* với kích thước 2100 bp. Tách dòng được mbLFopt vào vector biểu hiện pPICZA tạo cấu trúc tái tổ hợp pPICZA:: mbLFopt. Tạo được chủng *Pichia pastoris* KM71-3 tái tổ hợp mang gen tối ưu mã hoá Lactoferrin đạt hiệu suất 3.08 g/L. Xác định được điều kiện thích hợp để biểu hiện protein Lactoferrin trong *Pichia pastoris* KM71-3. Xác định được điều kiện thích hợp lên men *Pichia pastoris* KM71-3 sinh tổng hợp Lactoferrin quy mô 2 lít/mẻ, 10 lít/mẻ và 100 lít/mẻ. Xây dựng được quy trình tách chiết và tinh sạch Lactoferrin từ *Pichia pastoris* KM71-3 tái tổ hợp quy mô nhỏ và lớn. Bước đầu xác định được một số đặc tính của Lactoferrin tái tổ hợp: khả năng liên kết với sắt, hoạt

tính kháng khuẩn, hoạt tính kháng tế bào ung thư. Đã tạo được chế phẩm Lactoferrin đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm phục vụ ứng dụng trong sản xuất thực phẩm chức năng.

Số hồ sơ lưu: 19069

### **30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc**

78752. 04-2022 Nghiên cứu khả năng kiểm soát đường huyết từ dịch chiết cây lô hội qua hình thức dung nạp thức ăn trong điều trị bệnh tiểu đường./ TS. Đỗ Thị Việt Hương, PGS. TS. Nguyễn Văn Đậu; ThS. Đỗ Trung Hiếu; PGS. TS. Nguyễn Thị Vân Anh; CN. Trần Thị Khánh Hòa - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 12/2020 - 02/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hóa thực vật của cây lô hội được gieo trồng tự nhiên ở Việt Nam bằng các phương pháp hóa học hiện đại. Phát triển các hợp chất có nguồn gốc từ thiên nhiên có tác dụng trong điều trị hoặc hỗ trợ điều trị bệnh tiểu đường, đóng góp cho ngành công nghiệp chế biến dược phẩm và thực phẩm chức năng một dược liệu quý. Điều chế các cặn chiết theo độ phân cực tăng dần của các dung môi hữu cơ. Phân lập các hợp chất có hoạt tính sinh học có thể có trong các cặn chiết thu được. Đánh giá khả năng ảnh hưởng của thực vật nghiên cứu bằng các thí nghiệm hóa sinh trong môi trường in vitro và in vivo

Số hồ sơ lưu: 18144

78758. 04-2022 Xây dựng quy trình trồng, chiết xuất và sản xuất

viên nang mềm từ thân rễ cây xạ can (*Belamcanda chinensis*) hỗ trợ điều trị các bệnh viêm nhiễm đường hô hấp/ Bs. CkII Bùi Thị Minh Nguyệt, CN. Lê Thị Thanh Hòa; PGS. TS. Lê Minh Hà; Ds. CkI. Phạm Bích Đào; CN. Nguyễn Văn Khải; Ds. Phạm Đức Tâm; Ds. Hoàng Công Linh; Ds. Lê Trung Kiên; Ds. Hà Thị Tuyết Mai; Ds. Nguyễn Thị Dịu; ThS. Trần Thị Lan; ThS. Ngô Quốc Luật; KS. Vũ Hoàng Tùng; KS. Đoàn Thị Hoa; Ds. Trần Thị Thúy; Ds. Nguyễn Mạnh Tuấn; Ds. Hà Thị Dung; Ds. Nguyễn Thị Mỹ; KS. Nguyễn Thùy Linh; Bs. CkI. Khiếu Thị Hồng Nhung; TS. Đỗ Thị Nguyệt Quế; ThS. Trần Thị Bích Vân - Thái Bình - Công ty Cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà, 2020 - 07/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng vùng trồng cây Xạ Can theo tiêu chuẩn GACP - WHO với diện tích 15ha (trong đó trồng phân tán trong dân 5ha, Công ty Dược Khải Hà trồng 10ha tại vùng trồng dược liệu của Công ty) với năng suất 30-35 tấn/15 ha. Hoàn thiện quy trình công nghệ chiết xuất, tinh chế hoạt chất tectoridin và tectorigenin với hàm lượng 2 hoạt chất đạt 90% trong bán thành phẩm từ thân rễ Xạ Can dưới quy mô công nghiệp công suất 1.000 kg dược liệu xạ can khô/ mẻ. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất viên nang mềm (chứa hoạt chất tectorigenin và tectoridin) dưới quy mô công nghiệp với công suất 100.000 viên/ mẻ.

Số hồ sơ lưu: 18142

**30404. Hoá dược học**

78753. 04-2022 **Nghiên cứu các hợp chất từ một số loài Amomum và Eupatorium của Việt Nam cho sàng lọc hoạt tính kháng khuẩn và chống ung thư/ PGS. TS. Phan Minh Giang, GS. TSKH. Phan Tổng Sơn; TS. Vũ Minh Trang; TS. Trương Thị Tố Chinh; TS. Đỗ Thị Việt Hương; ThS. Đỗ Ngọc Cương - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu phân lập và xác định cấu trúc các hợp chất được phân lập từ một số loài thực vật có giá trị thuộc các chi Amomum và Eupatorium của Việt Nam; Thử nghiệm hoạt tính sinh học (kháng khuẩn, chống ung thư) của các hợp chất phân lập được nhằm phát hiện các hợp chất có hoạt tính sinh học có giá trị, và biến cải hoá học dựa trên cấu trúc ưu tiên của một số hợp chất terpenoid có hoạt tính sinh học thành các thư viện chất cho nghiên cứu hoạt tính sinh học.

Số hồ sơ lưu: 18136

78754. 04-2022 **Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số loài chi Knema và Horsfieldia (Myristicaceae)/ GS. TS. Nguyễn Văn Hùng, TS. Lê Nguyễn Thành; TS. Nguyễn Thị Minh Hằng; ThS. Trần Hữu Giáp; ThS. Nguyễn Thị Tú Oanh; CN. Hà Thị Thoa; CN. Vũ Thị Kim Oanh - Hà Nội - Viện Hóa Sinh Biển, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Phân lập và xác định cấu trúc của các hợp chất của một số loài

thuộc chi máu chó Knema và chi Xăng máu *Horsfieldia* thuộc họ Đậu khấu của Việt Nam như: Săng máu (*H.amygdalina*) hay xăng máu thorel (*H. thorelii*), máu chó lá lớn (*Knema saxatilis*, *K. aff.saxatilis*), máu chó trái dày. Đánh giá hoạt tính sinh học như chống ung thư, ức chế enzyme AChE, của các chất phân lập được.

Số hồ sơ lưu: 18139

78756. 04-2022 **Thiết kế, tổng hợp và đánh giá hoạt tính kháng ung thư của một số dẫn chất acetohydrazid mới mang hệ dị vòng hướng hoạt hóa caspase/ PGS. TS. Đào Thị Kim Oanh, TS. Phạm Thế Hải; ThS. Trần Thị Lan Hương; TS. Trần Phương Thảo; DS. Trần Quốc Trung; DS. Phạm Thị Hoa; DS. Nguyễn Thị Ngọc Hồi - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2020 - 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thiết kế và tổng hợp được khoảng 50 dẫn chất acetohydrazid mới mang dị vòng hoặc hệ dị vòng hướng hoạt hóa enzym caspase và gây độc với tế bào ung thư. Thử hoạt tính sinh học: Thử tác dụng hoạt hóa caspase\* và độc tính tế bào ung thư (in vitro) của các dẫn chất tổng hợp được; Thử tác dụng chống ung thư in vivo của một số dẫn chất có độc tính tế bào in vitro mạnh. Thiết lập được mối liên quan cấu trúc, tác dụng hoạt hóa caspase của các dẫn chất tổng hợp được.

Số hồ sơ lưu: 18137

78770. 04-2022 **Điều chế hệ chất mang gelatin-pluronic nanogel nang hóa core-shell 2 loại**



**thuốc chống ung thư theo cơ chế tương tác tĩnh điện cùng tương tác kỵ nước và đánh giá hoạt tính tiêu diệt tế bào ung thư trong in vitro - in vivo./** TS. Lê Văn Thu, PGS. TS. Trần Ngọc Quyên; PGS. TS. Vũ Minh Thành; PGS. TS. Nguyễn Đại Hải; ThS. Đinh Văn Thoại; KS. Nguyễn Đình Trung; KS. Nguyễn Công Trục - Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Vật liệu ứng dụng, 2020 - 12/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều chế một số hệ copolymer ghép dương điện và lưỡng tính trên cơ sở gelatin (gelatin-pluronic P123 và gelatin-pluronic F127) mang ligand hướng đích để nang hóa core-shell hiệu quả 2 loại thuốc chống ung thư (paclitacel/doxetacel và cisplatin) trong nanogel theo cơ chế tương tác tĩnh điện cùng tương tác kỵ nước nhằm tăng độ phân tán của thuốc, giảm độ độc của thuốc, tăng dung nạp thuốc, tăng sinh khả dụng và tăng hiệu quả tiêu diệt tế bào ung thư của hệ chất mang trong in vitro và tiêu diệt khối u tạo bởi phương pháp xenograft trên mô hình chuột gây suy giảm miễn dịch.

Số hồ sơ lưu: 18149

79346. 04-2022 **Nghiên cứu tổng hợp Berberin clorid và bào chế vi hạt Berberin/** TS. Nguyễn Thị Hương, ThS. Nguyễn Minh Ngọc; TS. Trần Bá Kiên; DS. Phạm Trung Kiên; DS. Trần Thị Kim Anh; PGS.TS. Nguyễn Đình Luyện; PGS.TS. Đàm Thanh Xuân; TS. Nguyễn Văn Hải; ThS. Nguyễn Văn Giang; Đào Nguyệt Sương Huyền; DS. Đặng Văn Việt; Bùi Kim Dung -

Hà Nội - Trường Cao đẳng Dược trung ương Hải Dương, 2020 - 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về berberin clorid: Ứng dụng lâm sàng, phương pháp tổng hợp và phương pháp bào chế vi hạt. Khảo sát, lựa chọn phương pháp thích hợp để tổng hợp berberin clorid ở quy mô phòng thí nghiệm. Nghiên cứu tinh chế berberin clorid đạt tiêu chuẩn được dùng ở quy mô phòng thí nghiệm. Lựa chọn nguyên liệu thích hợp và nâng cấp quy trình tổng hợp berberin clorid ở quy mô 100 g/mẻ và ổn định ở quy mô 500 g/mẻ. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của nguyên liệu berberin clorid đạt tiêu chuẩn dược dụng. Đánh giá chất lượng, độ ổn định và độc tính cấp của nguyên liệu tổng hợp được đạt tiêu chuẩn dược dụng. Lựa chọn phương pháp thích hợp để xây dựng công thức và bào chế vi hạt berberin clorid. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và đánh giá độ ổn định của vi hạt berberin bào chế được.

Số hồ sơ lưu: 18508

### **30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế**

79169. 04-2022 **Đánh giá tính an toàn và tính sinh miễn dịch của vắc xin bại liệt bất hoạt/** ThS. Trần Thị Bích Hạnh, GS. TS. Nguyễn Đăng Hiền; GS. TS. Lê Thị Luân; GS. TS. Đặng Đức Anh; TS. Nguyễn Thúy Hương; ThS. Trần Thị Bích Hạnh; TS. Nguyễn Thị Quỳ; ThS. Đặng Mai Dung; PGS. TS. Vũ Đình Thiêm; CN. Nguyễn Thị Hải Thanh; ThS. Lê Thu Nga; ThS. Nguyễn Nghĩa Vũ - Hà Nội - Trung Tâm



Nghiên Cứu sản xuất Vắc Xin Và Sinh Phẩm Y Tế, 2020 - 01/2015 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá tính an toàn của vắc xin bại liệt bất hoạt IPOVAC trên người lớn tình nguyện khỏe mạnh. Đánh giá tính an toàn của vắc xin bại liệt bất hoạt IPOVAC trên trẻ 2-5 tháng tuổi khỏe mạnh. Đánh giá tính sinh miễn dịch của vắc xin bại liệt bất hoạt IPOVAC trên trẻ 2-5 tháng tuổi khỏe mạnh. Xác định liều tiêm, đường tiêm thích hợp cho vắc xin IPOVAC. Đánh giá tính an toàn của vắc xin bại liệt bất hoạt IPOVAC trên trẻ 2-5 tháng tuổi khỏe mạnh. Đánh giá tính sinh miễn dịch của vắc xin bại liệt bất hoạt IPOVAC trên trẻ 2-5 tháng tuổi khỏe mạnh. So sánh tính an toàn và tính sinh miễn dịch giữa vắc xin bại liệt bất hoạt IPOVAC với đối chứng là vắc xin Imovax Polio của Pháp.

Số hồ sơ lưu: 18348

81769. 04-2022 **Nghiên cứu khai thác nguồn gene vi khuẩn *Burkholderia pseudomallei* và đánh giá đặc tính sinh học nhằm nâng cao hiệu quả chẩn đoán, dự phòng và điều trị/** ThS. Trần Thị Lê Quyên, TS. Trịnh Thành Trung; PGS.TS. Nguyễn Vũ Trung; TS. Đinh Thúy Hằng; TS. Vũ Thị Thơm; TS. Nguyễn Thị Thu Hằng; CN. Bùi Nguyễn Hải Linh; TS. Đào Thị Lương; ThS. Trịnh Thị Vân Anh; CN. Nguyễn Thị Anh Đào - Hà Nội - Viện Vi sinh vật và Công nghệ sinh học, 2021 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập chủng giống vi khuẩn *Burkholderia pseudomallei* ở bệnh

viện và ngoài môi trường. Đánh giá các đặc tính của chủng vi khuẩn *Burkholderia pseudomallei* phân lập từ mẫu bệnh phẩm và mẫu môi trường. Nghiên cứu chế tạo bộ kit ELISA sử dụng kháng nguyên protein và bộ kit sinh học phân tử phát hiện nhanh vi khuẩn *Burkholderia pseudomallei* nhằm chẩn đoán nhanh bệnh melioidosis.

Số hồ sơ lưu: 19527

#### 4. Khoa học nông nghiệp

##### 40101. Nông hoá

79188. 04-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất chế phẩm đa chức năng ứng dụng trong sản xuất phân bón urê có bổ sung trung, vi lượng/** ThS. Âu Thị Hằng, CN. Phan Thị Chuyên; GS.TS. Vũ Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; CN. Nguyễn Bích Ngọc; ThS. Phạm Minh Tứ; ThS. Vũ Tuấn Anh; CN. Lâm Thị Tho; KS. Mai Ngọc Anh Tuấn; CN. Lê Yên Anh; KS. Nguyễn Ngọc Thụy; KTV. Vũ Thị Thu Thủy; Nguyễn Thị Hoài An; Trần Thị Minh; Dương Thị Thảo; PGS.TS. Mai Ngọc Chúc; Nguyễn Thị Tố Nga; KS. Phùng Nam Hải; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Đặng Thị Thúy Hạnh; CN. Trần Thị Thanh Hằng - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất chế phẩm đa chức năng ứng dụng trong sản xuất phân bón urê có bổ sung trung, vi lượng. Nhân rộng công suất của Dự án sản xuất thử nghiệm này lên 3200

tấn/năm, nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường; đa dạng hóa chủng loại chế phẩm đa chức năng (với các thành phần nguyên tố khác nhau tùy theo nhu cầu của khách hàng). Đồng thời hoàn thiện công nghệ và ứng dụng thử nghiệm chế phẩm đa chức năng trong sản xuất phân bón urê có bổ sung trung, vi lượng.

Số hồ sơ lưu: 18376

#### **40102. Thổ nhưỡng học**

79164. 04-2022 **Nghiên cứu đánh giá khả năng phân hủy chlorpyrifos bằng một số chủng vi sinh vật được phân lập trong đất canh tác ở Lâm Đồng/ ThS. Lương Thị Thắm, ThS. Nguyễn Thị Hồng Thắm; ThS. Nguyễn Tiến Đạt; CN. Đặng Trung Tín; CN. Tạ Thị Tuyết Nhung; CN. Nguyễn Thùy Hương Trang - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Phân lập các dòng vi khuẩn hiếu khí có khả năng phân hủy chlorpyrifos mạnh trong đất nông nghiệp tại Lâm Đồng. Từ đó tìm ra điều kiện nuôi cấy tối ưu giúp kích thích sự sinh trưởng và tốc độ phân hủy chlorpyrifos của các dòng vi khuẩn phân lập được. Môi trường MSM bổ sung chlorpyrifos ở nồng độ 20 ppm làm nguồn cacbon duy nhất được dùng để phân lập các dòng vi khuẩn hiếu khí có khả năng phân hủy chlorpyrifos trong đất. Khảo sát ảnh hưởng của nhiệt độ (25, 30 và 37°C), pH (4, 5, 6 và 7), nồng độ thuốc trừ sâu chlorpyrifos (10, 20, 40, 80 và 160ppm) và nguồn cacbon (0,5% glucose, 0,5% saccarose và 0,5% lactose) lên khả năng sinh trưởng và

tốc độ phân hủy chlorpyrifos của các chủng vi khuẩn. Các thí nghiệm được thực hiện trong điều kiện nuôi cấy lỏng lắc, tốc độ 110 v ng/phút trong điều kiện không có ánh sáng. Ứng dụng kỹ thuật giải trình tự gen 16S rRN để định danh 3 dòng vi khuẩn T1, W3 and B2. Kết quả phân lập được 3 dòng vi khuẩn hiếu khí có khả năng phân hủy trên 50% hàm lượng chlorpyrifos sau 14 ngày nuôi cấy. Kết quả khảo sát cho thấy, khả năng sinh trưởng và phân hủy chlorpyrifos của 3 dòng vi khuẩn đạt giá trị tối ưu khi được nuôi cấy ở nhiệt độ 30°C, pH = 7, nồng độ chlorpyrifos trong môi trường nuôi cấy trong khoảng 10 – 40mg/L môi trường bổ sung thêm 0,5% glucose. Ba dòng vi khuẩn được định danh lần lượt là *Acinetobacter calcoaceticus*, *Bacillus megaterium* và *Sphingomonas pseudosanguinis*. Kết quả này cho thấy tiềm năng sử dụng 3 dòng vi khuẩn hiếu khí phân lập được trong việc xử lý tồn dư của chlorpyrifos trong đất nông nghiệp

Số hồ sơ lưu: 18358

#### **40103. Cây lương thực và cây thực phẩm**

79351. 04-2022 **Ứng dụng công nghệ cao trong nhân giống mía quy mô công nghiệp và sản xuất mía hàng hóa năng suất, chất lượng cao tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên và một số tỉnh có lợi thế/ PGS.TS. Hà Thị Thúy, TS. Lê Quốc Hùng; ThS. Dương Ngô Thành Trung; CN. Trương Thu Lâm; ThS. Vũ Anh Tuấn; CN. Trịnh Hồng Sơn; KS. Lê Quốc Phong; KS. Ngô Văn Tú; KS.**

Ngô Đình Thiện; KS. Võ Hồng Cường; KS. Phan Quốc Thứ - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2021 - 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ nhân giống mía sạch bệnh 3 cấp, quy mô công nghiệp, năng suất mía giống  $\geq 130$  tấn/ha, quy trình được công nhận là TBKT; quy trình sản xuất mía ứng dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm kết hợp bón phân tự động, năng suất mía  $\geq 120$  tấn/ha, chữ đường  $\geq 12,5$  CCS, được công nhận là TBKT. Sản xuất cây giống mía sạch bệnh 3 cấp, quy mô 45 ha, năng suất mía giống  $\geq 130$  tấn/ha; sản xuất thử mía thương phẩm quy mô 300 ha ứng dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm kết hợp bón phân tự động; năng suất mía  $\geq 120$  tấn/ha, chữ đường  $\geq 12,5$  CCS. Chuyển giao công nghệ cho 2-3 doanh nghiệp ứng dụng thành công. Ứng dụng công nghệ in vitro xây dựng hệ thống nhân giống mía mới năng suất cao, sạch bệnh; ứng dụng công nghệ tự động tưới tiết kiệm, kết hợp bón phân tự động và các giải pháp kỹ thuật đồng bộ trong canh tác các giống mía mới, giống mía năng suất cao chất lượng tốt sạch bệnh ở khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên và các tỉnh: Nghệ An, Phú Yên, Tây Ninh và Hậu Giang.

Số hồ sơ lưu: 18515

80560. 04-2022 Nghiên cứu ứng dụng chỉ thị phân tử chọn tạo giống lạc kháng bệnh héo xanh vi khuẩn *Ralstonia Solanacearum* Smith (giai đoạn 2)/ ThS .Nguyễn Xuân Thu, PGS. TS. Nguyễn Văn Việt; TS. Lê Thị Bích Thủy; ThS.

Nguyễn Xuân Đoan; TS. Nguyễn Văn Thắng; KS. Nguyễn Thị Hồng Oanh; ThS. Lê Tuấn Tú; ThS. Lê Thị Phương Lan; ThS. Ngô Thị Thủy Linh; TS. Tạ Hồng Lĩnh - Hà Nội - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2021 - 01/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chọn tạo được giống lạc kháng bệnh héo xanh vi khuẩn (*Ralstonia solanacearum* Smith) có năng suất và chất lượng cao bằng chỉ thị phân tử. Hoàn thiện được công nghệ chọn tạo giống lạc kháng bệnh héo xanh vi khuẩn bằng chỉ thị phân tử; Chọn tạo được 1 - 2 giống lạc kháng bệnh héo xanh vi khuẩn (điểm 2-3) được công nhận, năng suất 3,5 tấn/ha, chất lượng tốt (tỷ lệ hạt/quả trên 70%). Chọn tạo được 1 - 2 giống lạc kháng bệnh héo xanh vi khuẩn (điểm 2-3) có triển vọng được khảo nghiệm quốc gia, năng suất  $\geq 3,5$  tấn/ha, chất lượng tốt (tỷ lệ hạt/quả  $\geq 70\%$ ). Đăng ký bảo hộ 2 - 3 giống lạc lại tạo trong nước. Xây dựng được mô hình sản xuất thử nghiệm giống lạc kháng bệnh héo xanh vi khuẩn ở một số tỉnh trồng lạc trọng điểm phía Bắc, quy mô 5 - 10 ha/mô hình, đạt năng suất 3,5 - 4,0 tấn/ha, hiệu quả kinh tế tăng 10 - 15% so đại trà.

Số hồ sơ lưu: 19064

#### **40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả**

80524. 04-2022 Nghiên cứu chọn giống khoai tây kháng bệnh mốc sương bằng chỉ thị phân tử cho các tỉnh phía Bắc (Giai đoạn II)/ ThS. Ngô Thị Huệ, KS. Nguyễn Thị Thu Hương; TS. Trịnh Văn Mỹ; ThS. Nguyễn Thị Nhung; KS.

Nguyễn Mạnh Quy; KS. Hoàng Hữu Chung; KTV. Nguyễn Thị Thắm; TS. Nguyễn Đăng Minh Chánh; ThS. Lê Thị Thu Hiền - Hải Dương - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2021 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chọn được 1 giống khoai tây công nhận chính thức và 1-2 giống khoai khảo nghiệm quốc gia có triển vọng kháng bệnh mốc sương (điểm 1-3), năng suất 20-25 tấn/ha, tỷ lệ chất khô 18-20%. Quy trình kỹ thuật canh tác cho giống mới. Xây dựng 2-3 mô hình trình diễn giống khoai tây kháng bệnh mốc sương, quy mô 3-5 ha/mô hình, năng suất 20-25 tấn/ha, hiệu quả kinh tế tăng  $\geq 15\%$ .

Số hồ sơ lưu: 19062

81766. 04-2022 **Nghiên cứu tuyển chọn, lai tạo giống bơ cho các tỉnh phía Bắc/** ThS. Hà Tiết Cung, ThS. Hán Thị Hồng Ngân; ThS. Triệu Tiên Dũng; KS. Nguyễn Thị Ngọc Trâm; KS. Nguyễn Thị Dược; ThS. Hà Quang Thưởng; KS. Hán Thị Hồng Xuân; KS. Đỗ Thế Việt; KS. Nguyễn Thị Thúy; KS. Đỗ Hoài Nam; KS. Đỗ Quốc Huy; ThS. Đỗ Hải Long - Phú Thọ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2021 - 01/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra bổ sung hiện trạng sản xuất và giống bơ ở miền Bắc, thu thập xây dựng nguồn vật liệu và chọn tạo giống bơ cho các tỉnh phía Bắc. Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhân giống, thâm canh cho 02 giống bơ mới tuyển chọn (Jolio và B3). Xây dựng mô hình trồng mới

giống bơ Jolio và B3 tại một số tiểu vùng sinh thái khu vực phía Bắc.

Số hồ sơ lưu: 19523

81779. 04-2022 **Nghiên cứu phát triển cây rau Bò khai tại xã Ân Tình, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn./** ThS Phạm Ngọc Thịnh, ThS. Phạm Ngọc Thịnh; KS. Hoàng Thị Thu Nguyệt; TS. Nguyễn Chí Hiếu; KS. Hoàng Văn Thanh; KS. Lâm Đức Hải; KS. Trương Văn Pha; KS. Nông Văn Thảo.- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn., 2018 - 10/2015 - 04/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Kết quả nghiên cứu một số giải pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc cây rau Bò khai tại Thôn Thắm Mu, Xã Ân Tình cho thấy: Về mật độ trồng: Cây bò khai khi trồng trên đất sau nương rẫy tại xã Ân Tình, huyện Na Rì, Tỉnh Bắc Kạn nên trồng ở mật độ phù hợp là 1,5m x 1,5m (tương ứng 4.500 cây/ha). Về phân bón, theo kết quả thí nghiệm cho thấy trong giai đoạn đầu cần bón bổ sung một lượng phân hữu cơ vi sinh là 20 tấn/ha. Mô hình sản xuất cây rau đặc sản Bò khai tại xã Ân Tình là mô hình lựa chọn đối tượng phát triển là một loài cây bản địa, từ lâu đã thể hiện sự thích nghi tốt với điều kiện sinh thái tại địa phương. Là mô hình sản xuất tập trung thành hàng hóa cho hiệu quả kinh tế cao, gắn bó mật thiết tới lợi ích cộng đồng địa phương.

Số hồ sơ lưu: 04/2019 Quyền số 01-STD-QLCNCN

81806. 04-2022 **Xây dựng mô hình phát triển giống cam voi bản**



**địa trên địa bàn Tuyên Hóa/ Cao Ngọc Tâm, Cao Ngọc Tâm; Nguyễn Khắc Nhâm; Trần Thị Thu; Võ Thị Thành - Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông lâm nghiệp Tiên Phong, 2021 - 08/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Lựa chọn 200 cây cam đủ tiêu chuẩn để làm cây mẹ nhân giống. (Tiêu chuẩn cây mẹ: Cây cam mẹ có độ tuổi 6-8 năm tuổi. Đảm bảo sinh trưởng phát triển tốt, không bị nhiễm các bệnh nguy hiểm như: Greening, Tristeza. Cây mẹ các năm trước cho năng suất ổn định từ 50kg quả/ cây/ năm trở lên, quả có trọng lượng từ 400g-600g/quả, có vị ngọt thanh). Tiến hành các biện pháp kỹ thuật tác động lên cây mẹ như bón phân, tia canh, theo dõi phòng trừ sâu bệnh ở cây cam đã chọn làm cây mẹ. - Trồng mới 01 ha cam voi sử dụng giống cam được chiết từ các cây mẹ đã được bình tuyển từ vườn cây có sẵn của các hộ dân. Theo dõi tình hình sinh trưởng, chăm sóc phòng trừ sâu bệnh trên diện tích trồng mới.

Số hồ sơ lưu: 02/2021-QLKH-CN- CS

#### **40105. Cây công nghiệp và cây thuốc**

81821. 04-2022 **Sản xuất thử giống dâu GQ2 và giống tầm VNT1, BT1218 cho các tỉnh miền Bắc, miền Trung/** TS. Nguyễn Thị Len, TS. Lê Quang Tú Lê Quang Tú; Nguyễn Trung Kiên; Nguyễn Thị Min; Nguyễn Thị Thu; Nguyễn Thị Nhài; Nguyễn Thúy Hạnh; Đỗ Tiến Huân; Nguyễn Thị Lương; Bùi Thị Thủy; Nguyễn Thị Khánh Ly - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu Dâu

tầm tơ Trung ương, 2021 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất và thâm canh giống dâu GQ2, nhân nuôi giống tầm VNT1, BT1218. Sản xuất thử nghiệm 90 kg hạt, 5.000.000 cây giống và thâm canh dâu GQ2 với diện tích trên 20ha. Tập huấn kỹ thuật nhân giống, thâm canh giống dâu GQ2 và nuôi giống tầm VNT1, BT1218.

Số hồ sơ lưu: 19539

#### **40106. Bảo vệ thực vật**

78711. 04-2022 **Nghiên cứu các biện pháp phòng chống sâu róm hại Thông nhựa và Thông mã vĩ cho miền Bắc và Bắc Trung Bộ/** TS. Đào Ngọc Quang , TS. Lê Văn Bình; TS. Vũ Văn Định; TS. Nguyễn Minh Chí; ThS. Nguyễn Hoài Thu ; ThS. Bùi Quang Tiếp; ThS. Nguyễn Quốc Thông - Hà Nội - Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam , 2020 - 01/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được đặc điểm sinh học và sinh thái loài Sâu róm 4 túm lông và Sâu róm thông hại Thông mã vĩ và Thông nhựa. Xác định được thời kỳ xuất hiện, diễn biến quần thể loài Sâu róm 4 túm lông và Sâu róm thông hại Thông mã vĩ và Thông nhựa. Xây dựng được 04 quy trình dự tính, dự báo loài Sâu róm 4 túm lông và Sâu róm thông hại Thông mã vĩ và Thông nhựa (01 quy trình/loài sâu/loài thông). Xây dựng được 04 mô hình quản lý tổng hợp loài Sâu róm 4 túm lông và Sâu róm thông hại Thông mã vĩ và Thông nhựa (01 mô hình/loài sâu/vùng), quy mô tối thiểu 02 ha/mô hình. Hiệu quả kinh



tế tăng tối thiểu 20%. Xây dựng được 04 quy trình kỹ thuật quản lý tổng hợp, hiệu quả, bền vững loài Sâu róm 4 túm lông và Sâu róm thông hại Thông mã vĩ và Thông nhựa (01 quy trình/loài sâu/loài thông) đảm bảo hạn chế sâu hại  $\geq 75\%$  so với đối chứng.

Số hồ sơ lưu: 18123

81345. 04-2022 Sản xuất chế phẩm **Chaetomium CP2-VMNPB** phòng trừ nấm bệnh hại rễ cây chè và cà phê vùng miền núi phía Bắc/ TS. Nguyễn Hồng Chiên, TS. Nguyễn Văn Thiệp ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh; TS. Nguyễn Văn Thiệp; TS. Nguyễn Hữu La; ThS. Trần Đăng Việt; TS. Trịnh Thị Kim Mỹ; KS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Hà Thị Vân Anh; ThS. Phạm Huy Quang; KS. Nguyễn Thị Kim Linh; KS. Nguyễn Hải Yến; Đào Thị Việt Anh - Hà Nội - Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2020 - 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm **Chaetomium CP2-VMNPB** quy mô 100 lít/mẻ và cho sản xuất thử nghiệm 2000 lít chế phẩm **Chaetomium CP2-VMNPB**. Triển khai ứng dụng chế phẩm trên 3 mô hình trồng chè và 3 mô hình trồng cà phê, quy mô 2 ha/mô hình. Đồng thời, tiến hành tổ chức đào tạo cán bộ, công nhân sử dụng công nghệ, thiết bị sản xuất chế phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19374

#### 40107. Bảo quản và chế biến nông sản

79190. 04-2022 Nghiên cứu điều chế nano **Cu<sub>2</sub>O-Cu/Alginate** làm chất kiểm soát nấm bệnh thực vật trong sản xuất nông sản an toàn tại **Đồng Bằng sông Cửu Long**/ TS. Bùi Đình Thạch, TS. Bùi Duy Du; ThS. Lê Nghiêm Anh Tuấn; TS. Lại Thị Kim Dung; TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; PGS. TS. Nguyễn Đình Thành; ThS. Trần Thị Linh Giang; ThS. Trịnh Thị Bền; ThS. Chu Trung Kiên; PGS. TS. Trần Ngọc Quyên; ThS. Trương Thanh Ngọc; ThS. Phạm Hòa Sơn; ThS. Lê Nguyễn Tú Linh; TS. Lê Thị Diệu Trang; ThS. Huỳnh Thành Công; KS. Phan Ngọc Thanh - Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới, 2021 - 10/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sử dụng nguyên liệu có sẵn trong nước **CuSO<sub>4</sub>**, alginate có trong rong nâu Khánh Hòa để tổng hợp vật liệu nano **Cu<sub>2</sub>O-Cu/alginate** có hiệu quả cao trong phòng trừ nấm bệnh thực vật, ít độc hại phục vụ cho việc sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững tại Đồng bằng sông Cửu long (ĐBSCL). Bằng phương pháp in vitro và khảo nghiệm đồng ruộng (in vivo) để xác định nồng độ vật liệu nano **Cu<sub>2</sub>O-Cu/alginate** có hiệu lực phòng trừ bệnh đốm nâu trên cây thanh long do nấm *Neoscytalidium dimidiatum* gây ra, bệnh đạo ôn do nấm *Pyricularia oryzae* gây ra, bệnh bạc lá do vi khuẩn *Xanthomonas* sp. gây ra trên lúa theo Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) đạt hiệu quả phòng trừ  $\geq 95\%$ . Xây dựng mô hình sử dụng nano **Cu<sub>2</sub>O-Cu/alginate** trong

quy trình quản lý tổng hợp phòng trừ bệnh đốm nâu trên cây thanh long (3 ha/3 vụ), bệnh đạo ôn trên lúa (3 ha/3 vụ), bạc lá trên lúa (3 ha/3 vụ).

Số hồ sơ lưu: 18366

80514. 04-2022 **Ứng dụng công nghệ cao trong xây dựng mô hình sản xuất, bảo quản và tiêu thụ rau an toàn, chất lượng tại tỉnh Ninh Bình/** ThS. Đinh Thị Lý, CN. Nguyễn Thị Huyền Trang; Vũ Văn Lưu; CN. Phạm Thị Tố Uyên; CN. Đường Thị Sáng; Lê Thị Dung; CN. Ngô Thị Thu; CN. Bùi Minh Toàn; Nguyễn Anh Tuấn - Ninh Bình - Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ Xanh, 2020 - 07/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng thành công mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản và tiêu thụ rau an toàn, chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ sản xuất rau an toàn (súp lơ, bắp cải; hành, cải ngọt, cà chua, dưa chuột) theo tiêu chuẩn VietGAP, quy trình sơ chế, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ rau an toàn. Xây dựng mô hình sản xuất cây con giống; sản xuất rau các loại trong nhà lưới; Sản xuất rau trái vụ sử dụng vòm che thấp; Sản xuất rau trên ruộng đại trà theo tiêu chuẩn VietGAP. Xây dựng 01 mô hình liên kết theo chuỗi sản xuất, thu hoạch, sơ chế; bảo quản và tiêu thụ rau an toàn khoảng 30 tấn/ha/năm.

Số hồ sơ lưu: 19061

81796. 04-2022 **Nâng cao năng suất, chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm và khai thác phụ phẩm của cây dứa Cayenne (Ananas Comosus) tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long/** TS. Trần Tấn Việt, TS. Hoàng Anh Hoàng; PGS.TS. Mai Thanh Phong; PGS.TS. Lê Thị Kim Phụng; TS. Nguyễn Trịnh Nhật Hằng; TS. Lại Quốc Đạt; ThS. Tiên Minh Hải; PGS.TS. Lê Nguyễn Đoàn Duy; TS. Nguyễn Văn Phong; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Nga; ThS. Trần Thị Tường An - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 10/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thực trạng canh tác và đề xuất quy trình phù hợp để đạt năng suất cao. Xây dựng vùng trồng dứa chuyên canh đạt năng suất 20 tấn/ha/năm với các quả dứa đồng đều về kích thước. Chuẩn hóa quy trình sản xuất Bromelain từ phế phụ phẩm dứa MD2 và sản xuất thực nghiệm sản phẩm Enzym bromelin tinh khiết dạng viên. Đa dạng hóa các sản phẩm được sản xuất từ quả dứa MD2 phụ phẩm. Chuẩn hóa quy trình sản xuất và sản xuất thực nghiệm sản phẩm thức ăn gia súc từ các phế phẩm sau quá trình chế biến dứa MD2. Chuẩn hóa quy trình sản xuất và sản xuất thực nghiệm sản phẩm phân vi sinh từ các phế phẩm sau quá trình chế biến dứa MD2.

Số hồ sơ lưu: 19534

#### **40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi**

79339. 04-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất giống bố mẹ và chăn nuôi lợn ngoại tập trung tại Bắc**

**Kạn/** ThS. Nguyễn Thị Minh Thuận, ThS. Nguyễn Thị Minh Thuận; CN. Nguyễn Văn Nam; CN. Hạ Thị Huệ; KS. Đỗ Văn Hoài; PGS.TS. Trần Văn Phùng; TS. Bùi Thị Thơm; ThS. Dương Thị Khuyên - Bắc Kạn - Công ty TNHH Nam Huế, 2020 - 09/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn giống cấp ông bà quy mô 200 nái để sản xuất đàn lợn giống bố mẹ (Sản xuất được 400 lợn cái hậu bị và 20 lợn đực hậu bị giống cấp bố mẹ) và mô hình chăn nuôi lợn nái giống cấp bố mẹ để sản xuất lợn thương phẩm tại thành phố Bắc Kạn, quy mô 200 lợn nái. Hàng năm sản xuất khoảng 3.700 lợn thịt/năm, cung cấp 333 tấn thịt lợn hơi có tỷ lệ nạc cao ra thị trường. Chuyển giao và tiếp nhận quy trình công nghệ về chăn nuôi lợn ngoại tập trung, đào tạo nguồn nhân lực, tập huấn nâng cao kiến thức cho người chăn nuôi để phát triển chăn nuôi lợn ngoại tại tỉnh Bắc Kạn, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển chăn nuôi giai đoạn 2016-2020 của tỉnh.

Số hồ sơ lưu: 18511

#### **40303. Dịch tễ học thú y**

79170. 04-2022 **Xác định tỷ lệ lưu hành huyết thanh dương tính với virus Viêm Gan E trong quần thể lợn tại Việt Nam, xác định genotype./** TS. Bùi Nghĩa Vượng, TS. Bùi Ngọc Anh; TS. Đào Duy Tùng; ThS. Phạm Thị Huệ; KTV. Ngô Thị Minh Quyên - Hà Nội - Viện thú y, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được ít nhất một phương pháp chẩn đoán viêm gan E phục vụ nghiên cứu. Xác định được tỷ lệ huyết thanh dương tính trong quần thể lợn ở địa phương nghiên cứu. Xác định được genotype virus viêm gan E đang lưu hành tại địa phương nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự lưu hành của virus Viêm gan E trên đàn lợn nuôi tại nông hộ, thông tin này như một lời cảnh báo đối với sức khỏe cộng đồng về việc gia tăng khả năng lây nhiễm viêm gan E từ lợn nuôi.

Số hồ sơ lưu: 18354

#### **40304. Miễn dịch học thú y**

78751. 04-2022 **Đổi mới công nghệ sản xuất vắc xin vi rút thú y đạt tiêu chuẩn GMP-WHO bằng công nghệ tế bào (Micro carrier) và phôi trứng/** TS. Nguyễn Hữu Vũ, TS. Nguyễn Hữu Vũ; TS. Nguyễn Thị Quý; ThS. Trần Văn Khánh; ThS. Nguyễn Thanh Ba; ThS. Nguyễn Thị Bích; ThS. Nguyễn Thu Trang; BSTY. Nguyễn Thị Ngọc; BSTY. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Phạm Thanh Phong; ThS. Nguyễn Thùy Ninh; ThS. Trần Ngọc Tiệp; BSTY. Hoàng Bùi Tiến; BSTY. Phan Thị Thuyết; BSTY. Vũ Thị Thảo; ThS. Trần Thị Nhân; Kỹ sư. Thế Thị Hương - Hưng Yên - Công ty TNHH Dược Hanvet, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập được hệ thống giống tế bào và giống vi rút đáp ứng đủ về số lượng và chất lượng phục vụ sản xuất quy mô công nghiệp cho 06 loại vắc xin thú y: Tai xanh, Dịch tả lợn, Đậu gà, Dịch tả vịt, Newcastle hệ I,

Lasota. Nâng cấp, hoàn thiện được công nghệ sản xuất 03 loại vắc xin (Tai xanh, Dịch tả lợn, Đậu gà) bằng công nghệ nuôi cấy tế bào trên chất mang (Micro carrier) ở quy mô công nghiệp. Nâng cấp, hoàn thiện được công nghệ sản xuất 03 loại vắc xin (Dịch tả vịt, Newcastle hệ I, Lasota) trên phôi trứng sạch với hệ thống thiết bị tự động ở quy mô công nghiệp. Xây dựng được hai dây chuyền sản xuất vắc xin vi rút đạt tiêu chuẩn GMP – WHO phù hợp với hai công nghệ của nhiệm vụ.

Số hồ sơ lưu: 18138

#### **40310. Vi rút học thú y**

81352. 04-2022 **Phân tích trình tự nucleotide và đặc điểm phân tử hệ gen virus Parvo (Porcine Parvovirus – PPV) gây rối loạn sinh sản trên lợn phân lập tại Việt Nam và ứng dụng trong chẩn đoán đồng thời các tác nhân virus gây bệnh trên lợn** / TS. Nguyễn Thị Diệu Thúy, PGS.TS. Đỗ Võ Anh Khoa; ThS. Đinh Thị Ngọc Thúy; ThS. Nguyễn Hùng Cường; KTV. Nguyễn Chu Chiến; CN. Nguyễn Trần Trung - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2021 - 05/2016 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, giải trình tự hệ gen, đặc trưng di truyền, đánh giá mức độ biến đổi di truyền chủng PPV phân lập tại Việt Nam. Tiến hành phân tích quan hệ và xác định phân nhóm di truyền của các chủng PPV đang lưu hành tại Việt Nam với các chủng đang và đã lưu hành ở các vùng địa lý khác nhau trong khu vực và trên thế giới và với các chủng PPV được sử dụng làm vaccine. Trên kết quả

phân tích xây dựng phương pháp multiplex PCR phát hiện đồng thời các virus thường đồng nhiễm gây bệnh trên lợn.

Số hồ sơ lưu: 19376

#### **40405. Giống cây rừng**

81731. 04-2022 **Sản xuất thử nghiệm các dòng Sơn tra (Docynia indica) đã được tuyển chọn tại vùng Tây Bắc.**/ TS. Hà Văn Tiệp, Bùi Chính Nghĩa; Nguyễn Văn Hùng; Vũ Văn Tuấn; Phạm Đức Sơn; Lò Thị Kiều; Lê Thị Thảo; Nguyễn Thị Sáng - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2021 - 01/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình nhân các dòng Sơn tra ưu tú đã được công nhận bằng phương pháp ghép, tỷ lệ cây đạt tiêu chuẩn xuất vườn trên 90%. Hoàn thiện quy trình trồng thâm canh các dòng Sơn tra ưu tú có năng suất giai đoạn kinh doanh ổn định đạt tối thiểu 4,5 tấn quả/ha, tăng 15% so với sản xuất đại trà. Sản xuất thử nghiệm 60.000 cây giống đạt tiêu chuẩn xuất vườn của các dòng Sơn tra ưu tú bằng phương pháp ghép. Trồng thí nghiệm 5 ha các dòng Sơn tra nhằm hoàn thiện công nghệ trồng thâm canh, cây sinh trưởng phát triển tốt, năng suất giai đoạn kinh doanh ổn định đạt 4,5 tấn quả/ha, quả sạch sâu bệnh, đường kính quả đạt 2,5-3,0cm. Trồng mới thương phẩm 30 ha các dòng Sơn tra ưu tú, kết quả cho thấy cây sinh trưởng phát triển tốt, các chỉ tiêu sinh trưởng chính vượt so với đối chứng trồng đại trà tối thiểu 15%.



Số hồ sơ lưu: 19512

#### **40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản**

81260. 04-2022 **Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống sạch bệnh và nuôi tôm thẻ chân trắng tại Hải Phòng/** KS. La Văn Thắng, KTV. Nguyễn Văn Khỏe; KTV. Trần Xuân Diệu; KTV. Nguyễn Quang Tấn; KTV. Nguyễn Hữu Tùng; KTV. Vũ Văn Quân; KTV. Vũ Văn Cảnh; KTV. Nguyễn Thị Huyền Trang; ThS. Bùi Văn Điền; ThS. Cao Văn Hạnh; KS. Phạm Đăng Tuấn; ThS. Đỗ Xuân Hải; ThS. Phạm Văn Hoàng - Hải Phòng - Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Thành, 2020 - 09/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao các quy trình kỹ thuật sản xuất giống sạch bệnh, nuôi thương phẩm tôm thẻ chân trắng theo công nghệ Biofloc. Xây dựng mô hình sản xuất giống tôm thẻ chân trắng sạch bệnh (công suất 20- 30 triệu post/trại/năm). Đồng thời, xây dựng mô hình nuôi thương phẩm tôm thẻ chân trắng theo công nghệ Biofloc (Trong đó mô hình triển khai tại Công ty 10ha và 02 hộ dân 01ha trong 2 năm).

Số hồ sơ lưu: 19361

#### **40503. Bệnh học thủy sản**

80960. 04-2022 **Nghiên cứu nguyên nhân gây tử vong cao cho trứng cá và cá con của một số loài cá ở vùng ven biển Việt Nam/** ThS. Nguyễn Khắc Bát, uốc HKS. Đỗ Văn Nguyên; KS. Phạm Việt Anh; KS. Nguyễn Văn Minh; KS. Phạm

Quy; ThS. Nguyễn Văn Nguyên; KS. Đặng Thị Minh Thu; KS. Lê Doãn Dũng; KS. Mai Công Nhuận; KS. Nguyễn Công Thành - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2006 - 01/2004 - 12/2005. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định nguyên nhân gây tử vong cao cho trứng cá và cá con của một số loài cá ở vùng biển ven bờ và đề xuất một số biện pháp nhằm giảm nguy cơ tổn hại đối với trứng cá và cá con. Phân tích định tính, định lượng trứng cá, cá con ở khu vực nghiên cứu từ đó xác định đối tượng cá làm thực nghiệm. Theo dõi biến động các yếu tố môi trường chủ yếu: T', S%0, gió, dòng chảy, pH, DO, COD, BOD, độ đục, dầu, kim loại nặng ở khu vực nghiên cứu có ảnh hưởng đến sự sống của trứng cá và cá con. Nghiên cứu một số địch hại là cá, động vật thân mềm đối với trứng cá, cá con. Đánh giá mức độ gây hại từ kết quả khảo sát và thực nghiệm, đồng thời đề xuất định hướng các giải pháp giảm thiểu tác hại cho trứng và ấu trùng cá biển trên cơ sở kết quả nghiên cứu và phân tích mối liên quan sinh thái.

Số hồ sơ lưu: 19212

#### **40504. Nuôi trồng thủy sản**

81935. 04-2022 **Nuôi tôm chân trắng (Litopenaeus vannamei) siêu thâm canh 03 giai đoạn theo công nghệ Semi - Biofloc tại xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau./** Ks. Bùi Trung Quân, Ks. Bùi Trung Quân; ThS. Ngô Đình Thị Phương Thảo; Ks. Lê Thị Thơ; ThS. Ngô Văn Lương; Ks. Nguyễn Văn Nguyễn - Trung tâm Khuyến nông

tỉnh Cà Mau - Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau, 2020 - 11/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh 03 giai đoạn theo công nghệ Semi-biofloc tại xã Phú Tân, huyện Phú Tân nhằm mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường, an toàn sinh học và phát triển nghề nuôi tôm theo hướng bền vững trong thời gian tới. Từng bước hoàn thiện tài liệu kỹ thuật nuôi tôm siêu thâm canh 03 giai đoạn theo công nghệ Semi-biofloc. Nhân rộng cho các hộ nuôi trong tỉnh về nuôi tôm siêu thâm canh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-012

81936. 04-2022 **Nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) quảng canh cải tiến kết hợp với cá nâu (*Scatophagus argus*) trong ruộng 02 giai đoạn sử dụng chế phẩm sinh học tại huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.**/ ThS. Mai Văn Đoàn, ThS. Mai Văn Đoàn; Ks. Đỗ Hoài Vui; Ks. Lê Văn Luông; Ks. Lê Văn Quyền - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ngọc Hiển - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ngọc Hiển, 2021 - 12/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện tài liệu kỹ thuật nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) quảng canh cải tiến kết hợp với cá nâu (*Scatophagus argus*) trong ruộng 02 giai đoạn sử dụng chế phẩm sinh học tại huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Tôm sú: Mật độ nuôi 7 con/m<sup>2</sup>/đợt

nuôi (02 vụ/đợt nuôi, vụ 1: mật độ nuôi 4 con/m<sup>2</sup>; vụ 2: mật độ nuôi 3 con/m<sup>2</sup>); tỷ lệ sống  $\geq 25\%$  (vụ 1  $\geq 28\%$ , vụ 2  $\geq 22\%$ ); năng suất đạt  $\geq 50\text{kg/ha/đợt}$  nuôi (vụ 1 đạt  $\geq 350\text{kg/ha}$ , vụ 2 đạt  $\geq 200\text{kg/ha}$ ), kích cỡ thu hoạch 30 – 35 con/kg, sau 10 tháng nuôi (05 tháng/01 vụ). Cá nâu: Mật độ nuôi 0,5 con/m<sup>2</sup>/đợt nuôi (01 vụ/đợt nuôi); tỷ lệ sống  $\geq 40\%$ ; năng suất cá nâu đạt  $\geq 400\text{kg/ha/đợt}$  nuôi, kích cỡ thu hoạch 4 – 6 con/kg, sau 10 tháng nuôi.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-014

80730. 04-2022 **Hoàn thiện quy trình công nghệ và sản xuất giống cá tầm/ TS. Nguyễn Việt Thùy, KS. Nguyễn Anh Tiến; ThS. Nguyễn Thanh Hải; KS. Nguyễn Bá Quyền; ThS. Trần Văn Dũng; TS. Phan Đình Phúc; ThS. Trịnh Thị Kim Chi; TS. Grigorev Vadim Alecxayevic; ThS. Alechxandra Korchunov; TS. Andray Chikhomirov - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2021 - 06/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống cá tầm. Đào tạo cán bộ kỹ thuật chuyên sâu về công nghệ sản xuất giống cá tầm. Xây dựng mô hình trình diễn quy trình công nghệ sản xuất giống cá tầm. Sản xuất và cung cấp giống cá tầm cho các cơ sở. Tổ chức hội thảo phổ biến quy trình công nghệ sản xuất giống cá tầm đã hoàn thiện.

Số hồ sơ lưu: 19122

80739. 04-2022 **Nghiên cứu phát triển nuôi cá tầm Nga và cá tầm Xiberi tại các tỉnh vùng Tây**

**Nguyên/** KS. Nguyễn Việt Thùy, TS. Nguyễn Thị Nga; KS. Dương Mạnh Đức; KS. Mai Ngọc Tuyền; KS. Phạm Hồng Thanh; CN. Triệu Thị Quyên - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2021 - 01/2009 - 12/2011. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế và xây dựng hệ thống nuôi cá tầm bố mẹ thành thực và sinh sản. Đặc điểm sinh học sinh sản trong ao và lồng. Nghiên cứu công nghệ nuôi cá tầm hậu bị đạt đến giai đoạn IV của buồng trứng. Nghiên cứu công nghệ nuôi vỗ thành thực cá tầm bố mẹ theo hệ thống tuần hoàn khép kín trong nhà lạnh, chủ động điều chỉnh nhiệt độ. Nghiên cứu kỹ thuật kích thích sinh sản nhân tạo, thu nhận, ấp trứng và quy trình kỹ thuật ương giống cá tầm từ bột lên giống. Lựa chọn, thử nghiệm một số loại thức ăn cho quá trình nuôi vỗ cá tầm bố mẹ. Kỹ thuật siêu âm và đọc kết quả kiểm tra sự thành thực của cá tầm. Nghiên cứu một số bệnh vi khuẩn và ký sinh trùng thường gặp trên cá bố mẹ, trứng ấp và cá giống.

Số hồ sơ lưu: 19123

#### **40506. Quản lý và khai thác thủy sản**

80729. 04-2022 **Xây dựng Định mức kinh tế kỹ thuật - lĩnh vực khai thác thủy sản/** ThS. Phạm Văn Tuyền, KS. Nguyễn Ngọc Sứ; ThS. Lê Văn Bôn; ThS. Phan Đăng Liêm; ThS. Phạm Văn Long; ThS. Phạm Văn Tuấn; KS. Đỗ Văn Thành - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2021 - 03/2011 - 12/2011. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng bổ sung, hoàn thiện định mức công lao động. Xây dựng bổ sung, hoàn thiện định mức nguyên vật liệu chế tạo ngư cụ theo chiều dài giềng phao và theo lưới mẫu. Xây dựng bổ sung, hoàn thiện định mức về tiêu hao dầu diesel và dầu nhớt. Xây dựng bổ sung, hoàn thiện định mức thiết bị nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 19127

80912. 04-2022 **Điều tra ngư trường (Điều tra thu thập số liệu nghề cá phục vụ dự báo ngư trường khai thác hải sản)/** ThS. Nguyễn Hoàng Minh, ThS. Bùi Thanh Hùng; ThS. Nguyễn Văn Hương; ThS. Nguyễn Duy Thành; CN. Trần Văn Vụ; CN. Nguyễn Đức Linh; KS. Nguyễn Thị Thùy Dương; CN. Hán Trọng Đạt; KS. Trần Nhật Anh; KS. Nguyễn Văn Hải - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2014 - 01/2014 - 01/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập cập nhật số liệu hải dương học, nghề cá, sinh học cá từ khảo sát, giám sát, nhật ký khai thác và viễn thám biển bổ sung cho hệ thống số liệu mới về nghề cá và hải dương học vùng biển Việt Nam. Phân tích, xử lý số liệu để triển khai xây dựng dự báo ngư trường khai thác hạn mùa vụ, tháng và hạn 7-10 ngày, kiểm chứng quy trình, điều tra đánh giá hiệu quả dự báo và hoàn thiện các quy trình công nghệ dự báo ngư trường. Tổ chức phát hành và đánh giá hiệu quả công tác dự báo ngư trường khai thác hải sản.

Số hồ sơ lưu: 19211

80916. 04-2022 **Điều tra ngư trường (Điều tra thu thập số liệu nghề cá phục vụ dự báo ngư trường khai thác hải sản)/** ThS. Nguyễn Hoàng Minh, ThS. Bùi Thanh Hùng; ThS. Nguyễn Văn Hương; ThS. Nguyễn Duy Thành; CN. Trần Văn Vụ; CN. Nguyễn Đức Linh; KS. Nguyễn Thị Thùy Dương; CN. Hán Trọng Đạt; KS. Trần Nhật Anh; KS. Nguyễn Văn Hải - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2015 - 02/2015 - 12/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Có được hệ thống thu thập số liệu và bộ số liệu nghề cá, hải dương học đồng bộ, thống nhất, cập nhật từ trung ương đến địa phương; Triển khai dự báo ngư trường hạn tháng, hạn mùa cho nghề câu cá ngừ đại dương, rê trôi, vây, chụp mực; Thu thập cập nhật số liệu hải dương học, nghề cá, sinh học cá từ khảo sát, giám sát, nhật ký khai thác và viễn thám biển bổ sung cho hệ thống số liệu mới về nghề cá và hải dương học vùng biển Việt Nam. Phân tích, xử lý số liệu để triển khai xây dựng dự báo ngư trường khai thác hạn mùa vụ, tháng và hạn 7-10 ngày, kiểm chứng quy trình, điều tra đánh giá hiệu quả dự báo và hoàn thiện các quy trình công nghệ dự báo ngư trường.

Số hồ sơ lưu: 19210

#### **40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;**

78757. 04-2022 **Làm chủ công nghệ chọn tạo và nâng cao năng lực sản xuất giống lúa có các đặc tính nổi trội và giá trị kinh tế cao,**

**góp phần đảm bảo sự tự chủ của Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long/** TS. Trần Ngọc Thạch, TS. Nguyễn Thúy Kiều Tiên TS. Nguyễn Thúy Kiều Tiên; TS. Huỳnh Văn Nghiệp; ThS. Nguyễn Thị Khảo; KS. Nguyễn Quý Hùng; TS. Dương Hoàng Sơn; TS. Bùi Thanh Liêm; TS. Trần Đình Giỏi; TS. Phạm Ngọc Tú; GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn - Cần Thơ - Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, 2020 - 01/2016 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đảm bảo tính tự chủ của Viện Lúa ĐBSCL thông qua việc tăng thêm nguồn thu từ 30-35% trong vòng 05 năm sau khi kết thúc Tiểu dự án, đáp ứng khoảng 70-75% nhu cầu hoạt động so với mức hiện nay là 35-40%. Làm chủ công nghệ chọn tạo giống lúa được tích hợp từ phương pháp lai hữu tính với phương pháp ứng dụng dấu chuẩn phân tử và trên cơ sở này chọn tạo ra 03 giống lúa mới có đặc tính nổi trội (năng suất cao, chất lượng gạo tốt, thích nghi rộng, chống chịu được sâu bệnh và điều kiện bất lợi của môi trường và có giá trị kinh tế cao). - Hoàn thiện một cách đồng bộ nguồn nhân lực và trang thiết bị phục vụ nghiên cứu chọn tạo giống, chuyển giao công nghệ và tổ chức sản xuất giống lúa đạt trình độ quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 18141

80557. 04-2022 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vật nuôi/** TS. Phạm Công Thiều, TS. Hoàng Thanh Hải; TS. Trịnh Phú Ngọc; KS. Lê Thị Bình; ThS. Phạm Đức Hồng; ThS. Đặng Vũ Hòa; ThS. Trịnh Phú Cử; KS. Phạm Hải Ninh; TS. Võ Văn Sự



- Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2013 - 01/2013 - 12/2013. (Đề tài cấp Bộ)

Bảo tồn, lưu giữ 23 đối tượng nguồn gen vật nuôi hiện có và nguyên liệu di truyền (tinh lợn ỉ). Điều tra khảo sát, phát hiện, thu thập 2-3 nguồn gen vật nuôi tiềm ẩn. Đánh giá sơ bộ 06 đối tượng nguồn gen vật nuôi. Đánh giá chi tiết 02 đối tượng nguồn gen vật nuôi. Tư liệu hóa nguồn gen: cập nhật mới, bổ sung tư liệu 14 đối tượng nguồn gen và in tờ rơi của 4 đối tượng (lợn Hương Cao Bằng, lợn Xao Va, gà Rừng tai đỏ và gà nhiều ngón), xuất bản cuốn Chuyên khảo Bảo về bảo tồn và khai thác nguồn gen vật nuôi. Đề nghị khai thác và phát triển 2-3 đối tượng nguồn gen vật nuôi.

Số hồ sơ lưu: 19063

80561. 04-2022 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vật nuôi**/ TS. Phạm Công Thiệu, ThS. Hoàng Thanh Hải; TS. Phùng Đức Tiến; TS. Võ Văn Sự; TS. Vũ Ngọc Sơn; KS. Lê Thị Bình; TS. Nguyễn Quốc Đạt; TS. Nguyễn Đức Trọng; ThS. Ngô Thành Vinh - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2012 - 01/2012 - 12/2012. (Đề tài cấp Bộ)

Bảo tồn các nguồn gen vật nuôi Việt Nam đang có nguy cơ bị mất (indanger) khỏi tình trạng hiện tại. Đảm bảo sự đa dạng trong từng loài, giống/dòng và tránh đồng huyết đến mức tối đa; Góp phần bảo tồn sự đa dạng sinh học; Làm nguyên liệu cho công tác di truyền tạo giống; Tăng thêm thu nhập cho người nông dân góp phần an sinh xã hội; Tăng khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế. Giới thiệu, cung cấp,

trao đổi các thông tin liên quan về nguồn gen với các tổ chức / cá nhân trong và ngoài nước...

Số hồ sơ lưu: 19066

80613. 04-2022 **Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen vật nuôi**/ TS. Phạm Công Thiệu, ThS. Phạm Hải Ninh; TS. Nguyễn Công Định; TS. Đặng Vũ Hòa; CN. Lê Thị Bình; ThS. Nguyễn Khắc Khánh; ThS. Cao Thị Liên; ThS. Phạm Đức Hồng; TS. Phạm Đức Hạnh; KS. Nguyễn Thông Thành - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2017 - 01/2017 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Bảo tồn, lưu giữ các nguồn gen vật nuôi Việt Nam nhằm bảo tồn sự đa dạng sinh học, cân bằng sinh thái và phát triển chăn nuôi bền vững. Cung cấp nguồn nguyên liệu cho công tác tạo giống, nghiên cứu khoa học và đào tạo. Khai thác và phát triển nguồn gen vật nuôi nói chung và vật nuôi bản địa nói riêng góp phần an sinh xã hội, tạo lợi thế tăng khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế và khu vực.

Số hồ sơ lưu: 19065

80909. 04-2022 **Nghiên cứu tạo lợn Ỉ bằng kỹ thuật cấy chuyển nhân tế bào soma**/ TS. Nguyễn Khánh Vân, TS. Phạm Doãn Lâm; TS. Trịnh Hồng Sơn; TS. Nguyễn Văn Thành; ThS. Nguyễn Văn Ba; ThS. Vũ Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Quán Xuân Hữu; CN. Nguyễn Thị Lê Hương; CN. Phạm Thị Kim Yến - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2020 - 07/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu ứng dụng thành công công nghệ tạo động vật nhân bản bằng cấy chuyển nhân tế bào soma tại Việt Nam, tiến tới phục vụ công tác bảo tồn và phát triển các loài vật nuôi quý hiếm. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình tạo phôi lợn Ỉ nhân bản. Hoàn thiện quy trình cấy truyền phôi lợn Ỉ nhân bản. Dung hợp tế bào cho với tế bào trứng nhận để hoàn thiện quá trình cấy chuyển nhân tế bào soma. Đánh giá hiệu quả dung hợp tế bào cho với tế bào trứng nhận. Lựa chọn các cặp tế bào trứng nhận - tế bào cho đã được dung hợp với nhau để hoạt hóa với mục đích tái cấu trúc các cặp tế bào cho - tế bào trứng nhận sau cấy chuyển nhân. Nuôi in vitro các cặp tế bào trứng nhận- tế bào cho sau hoạt hóa, lựa chọn môi trường nuôi in vitro tối ưu cho phôi lợn Ỉ nhân bản.

Số hồ sơ lưu: 19237

81211. 04-2022 **Nghiên cứu phát triển các nguồn gen lúa thích ứng với biến đổi khí hậu/** TS. Dương Xuân Tú, GS. TS. Nguyễn Văn Tuất; TS. Nguyễn Trọng Khanh; TS. Phạm Thiên Thành; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Nguyễn Thế Dương; PGS. TS. Doãn Thái Hòa; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; TS. Nguyễn Kim Thoa - Hải Dương - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2021 - 12/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định các chỉ thị phân tử liên kết với QTL/gen liên quan đến khả năng chịu hạn, phân hủy rơm rạ, hàm lượng silica thấp; Xác định các nguồn gen lúa mang các QTL/gen

chịu hạn, rơm rạ dễ phân hủy và hàm lượng silica thấp; Nghiên cứu công nghệ thu nhận biolipid và một số sản phẩm có giá trị cao từ rơm rạ. Xác định được nguồn gen lúa có khả năng chịu hạn, rơm rạ dễ phân hủy và có hàm lượng silica thấp cho sử dụng chế biến thức ăn chăn nuôi, sản xuất nhiên liệu sinh học và một số sản phẩm khác để hạn chế việc đốt rơm rạ, giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất lúa. Thu nhận được biolipid và một số sản phẩm có giá trị cao, có khả năng ứng dụng trong thực tiễn (như axit béo không no, biodiesel, keo trên nền lignin, silica vô định hình...) từ rơm rạ phế thải nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 19231

#### **40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp**

81258. 04-2022 **Nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng chế phẩm vi sinh vật phân hủy phốt pho hữu cơ (OP) góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tăng năng suất cây trồng./** TS. Trần Thị Như Hằng, TS. Lê Hữu Cường; GS.TS. Lê Mai Hương; TS. Hoàng Kim Chi; TS. Trần Thị Hồng Hà; ThS. Nguyễn Đình Luyện; TS. Trần Hồ Quang; TS. Nguyễn Thu Hà; ThS. Cao Thị Thanh Tâm; TS. Lương Hữu Thành; TS. Đỗ Hữu Nghị; ThS. Vũ Đình Giáp; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hà; Đặng Thị Thương Thảo; ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; Đàm Trọng Anh; KS. Nguyễn Thị Thu; TS. Vũ Thuý Nga - Hà Nội - Viện Hoá học các hợp chất thiên nhiên, 2021 - 11/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát hiện trạng ô nhiễm OP ở một số vùng trồng rau và chè tại Bắc Ninh, Nghệ An, Thái Nguyên, từ đó tiến hành phân lập, tuyển chọn bộ chủng VSV có khả năng phân giải OP và kích thích sinh trưởng. Nghiên cứu xây dựng qui trình tạo chế phẩm sinh học chứa các chủng VSV phân hủy OP và sinh chất kích thích sinh trưởng với quy mô 5-10kg/m<sup>3</sup>, đồng thời thử nghiệm và đánh giá hiệu quả của chế phẩm trên đối với cây rau và cây chè. Xây dựng mô hình và quy trình sử dụng chế phẩm VSV trên cây và đánh giá tác động của chế phẩm VSV đến hệ sinh vật đất tại vùng canh tác rau và chè.

Số hồ sơ lưu: 19362

### 5. Khoa học xã hội

81930. 04-2022 **Mô hình phát triển du lịch bền vững với sự tham gia của cộng đồng tại Khánh Hòa/Phạm Bích Ngọc, - TS. Vũ Tuấn Anh - PGS. TS. Nguyễn Xuân Mai - ThS. Võ Thị Kim Thơm - ThS. Trần Thị Mai Thành - TS. Bùi Thu Trang - GS. TS. Trịnh Duy Luân - ThS. Trần Ngọc Quyền - TS. Trần Thị Thùy Trang - TS. Vũ Hoàng Linh - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội, 2021 - 09/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Tổng quan một số vấn đề lý luận cơ bản về mô hình phát triển du lịch bền vững với sự tham gia của cộng đồng; tham khảo kinh nghiệm quốc tế, phân tích và đề xuất hệ thống tiêu chí đánh giá mức độ bền vững của du lịch dưới góc độ có sự tham gia của cộng đồng; nghiên cứu kinh

ngiệm quốc tế và trong nước về phát triển du lịch bền vững với sự tham gia của cộng đồng, rút ra những bài học kinh nghiệm cho Khánh Hòa; đánh giá thực trạng hoạt động của mô hình phát triển du lịch bền vững có sự tham gia của cộng đồng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đặc biệt ở các địa bàn trọng điểm du lịch; phát hiện những vấn đề đặt ra đối với sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động phát triển du lịch nói chung và những mô hình phát triển du lịch bền vững hiện nay tại Khánh Hòa.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/312

### 50102. Tâm lý học chuyên ngành

80522. 04-2022 **Nghiên cứu các hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về sức khỏe tâm thần cho học sinh trung học phổ thông/ TS. Lê Thu Hiền, ThS. Trần Thị Hà; TS. Phạm Ngọc Linh; ThS. Đào Thị Tinh; ThS. Ngô Thu Trà My; ThS. Nguyễn Thị Dinh; ThS. Trần Quang Thái; ThS. Đặng Đức Minh; ThS. Bùi Minh Tuấn; Phạm Ngọc Lanh - Hà Nội - Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu cơ sở lý luận về hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về sức khỏe tâm thần cho học sinh trung học phổ thông. Thu thập thông tin và phân tích thực trạng các hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về sức khỏe tâm thần cho học sinh trung học phổ thông hiện nay. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về sức khỏe tâm thần cho học sinh trung học phổ thông

Số hồ sơ lưu: 19060

80523. 04-2022 **Điều tra nhận thức, thái độ của thanh niên đối với các chất gây nghiện và phòng chống ma túy trong thanh niên/** TS. Phan Thanh Nguyệt, ThS. Nguyễn Văn Quý; TS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Tuấn Dũng; TS. Nguyễn Thế Thắng; ThS. Nguyễn Huyền Trang; Nguyễn Thị Thu Hiền - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2020 - 02/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số vấn đề lý luận nghiên cứu về nhận thức, thái độ của thanh niên đối với một số chất gây nghiện và phòng chống ma túy trong thanh niên. Tìm hiểu thực trạng nhận thức, thái độ của thanh niên đối với chất gây nghiện và phòng chống ma túy trong thanh niên hiện nay; phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức và thái độ của thanh niên đối với việc sử dụng chất gây nghiện và phòng chống ma túy trong thanh niên. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức, thái độ của thanh niên về tác hại của việc sử dụng chất gây nghiện và phòng chống ma túy trong thanh niên thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 19059

**50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh**

74974. 04-2022 **Xây dựng chương trình phần mềm quản lý nghiệp vụ thu – chi tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông đối với khách hàng không thường xuyên tại Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước**

**Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Phương Mai, Phó Giám đốc, Sở Giao dịch, NHNN, ThS. Phạm Thị Thanh Huyền; Nguyễn Hòa Bình; Đào Tiến Đông; Nguyễn Đức Bình; Võ Khắc Vinh; Phạm Ngọc Khánh; Nguyễn Thị Ngân; Lưu Văn Hùng; Phạm Thị Hương - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2019 - 07/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhằm mục tiêu xây dựng một phần mềm tin học để ứng dụng vào nghiệp vụ thu – chi tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông đối với khách hàng không thường xuyên tại Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Dự án DANH-CS.001/18 đã phân tích cơ sở pháp lý, thực trạng quy trình thu – chi tiền mặt cho khách hàng nói chung và khách hàng không thường xuyên tại Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; đánh giá các thành công/hạn chế, các vấn đề còn bất cập trong quy trình thu – chi tiền mặt; từ đó đề xuất giải pháp công nghệ xây dựng phần mềm, mô tả các chức năng chính của phần mềm đề xuất và một số yêu cầu đối với hệ thống nghiệp vụ.

Số hồ sơ lưu: NHN-2020-010

77378. 04-2022 **Thực trạng và giải pháp hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng dịch vụ tài chính tại Việt Nam/** Nguyễn Thị Thanh Hằng, Nguyễn Thị Thanh Hằng; Thái Lan Anh; Tạ Quang Đôn; Nguyễn Thị Hương Thanh; Nguyễn Thị Thanh Trang; Phạm Thuỳ Dương; Đàm Minh Đức; Nguyễn Thị Bình Minh;



Lê Phương Lan; Trương Thu Trang - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2021 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ các yếu tố chính của khuôn khổ pháp lý để thúc đẩy việc bảo vệ người tiêu dùng tài chính (tập trung vào nội hàm liên quan đến người tiêu dùng dịch vụ ngân hàng). Hệ thống hoá và phân tích, đánh giá thực trạng khuôn khổ pháp lý trong việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng dịch vụ ngân hàng trong bối cảnh thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu thông lệ quốc tế và pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng dịch vụ ngân hàng của một số quốc gia lựa chọn, khuyến nghị hướng xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam. Các giải pháp khuyến nghị bao gồm khuôn khổ pháp lý điều chỉnh các giao dịch ngân hàng truyền thống cũng như các giao dịch ngân hàng “công nghệ”.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-004

77394. 04-2022 **Quan hệ giữa quản trị ngân hàng với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam/** Nguyễn Vĩnh Hưng, ThS. Nguyễn Vĩnh Hưng; ThS. Phan Minh Anh; ThS. Trần Thị Thúy Hương ; ThS. Nguyễn Huy Toàn; TS. Đào Thị Huyền Anh; ThS. Nguyễn Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Đắc Toàn; PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh; TS. Nguyễn Phi Lâm; ThS. Nguyễn Tuyết Dương - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm mục tiêu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam thông qua việc tác động vào khâu quản trị ngân hàng, đề tài ĐTNH.005/19 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau: Nghiên cứu lý luận về mối quan hệ giữa quản trị ngân hàng với hiệu quả hoạt động ngân hàng. Xây dựng mô hình đánh giá định lượng nhằm kiểm định mối quan hệ giữa quản trị ngân hàng hiệu quả hoạt động ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn 2007 đến 2019. Đề xuất biện pháp chính sách và lộ trình nhằm tăng cường quản trị ngân hàng ở Việt Nam và gợi ý những hướng nghiên cứu tiếp theo đối với quản trị ngân hàng.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-005

77395. 04-2022 **Vai trò của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong hỗ trợ phát triển bền vững hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân ở Việt Nam đến năm 2025/** Nguyễn Đình Lưu, Nguyễn Đình Lưu; Nguyễn Hải Hà; Đỗ Thị Hằng; Bùi Thu Hương; Nguyễn Thị Thanh Huyền; Nguyễn Mai Thanh; Hoàng Quốc Mạnh; Nguyễn Văn Kiệt; Trần Quốc Tuấn; Trần Trọng Hoài - Hà Nội - Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, 2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm mục tiêu tăng cường vai trò của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong hỗ trợ phát triển bền vững hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) ở Việt Nam đến năm 2025, đề tài ĐTNH.006/19 đã triển khai nghiên cứu các nội dung sau:

Cơ sở lý luận về phát triển bền vững hệ thống QTDND và vai trò, nhiệm vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong hỗ trợ phát triển bền vững hệ thống QTDND. Thực trạng tổ chức, hoạt động của hệ thống QTDND và vai trò, nhiệm vụ của BHTGVN trong hỗ trợ phát triển hệ thống QTDND ở Việt Nam. Giải pháp nhằm nâng cao vai trò của BHTGVN trong hỗ trợ phát triển bền vững hệ thống QTDND ở Việt Nam đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-006

77407. 04-2022 **Nghiên cứu định hướng hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng tại Việt Nam (VAMC) sau năm 2020/** Bùi Tín Nghị, TS. Bùi Tín Nghị; PGS. TS. Phạm Thị Hoàng Anh; TS. Trương Quốc Thụ; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Thị Kim Quỳnh; TS. Phan Hữu Việt; PGS. TS. Nguyễn Thùy Dương; ThS Đào Bích Ngọc; ThS Nguyễn Thanh Tùng - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2021 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý thuyết về công ty quản lý tài sản bao gồm: khung pháp lý, tổ chức, nhân sự, tài chính, công nghệ, phương thức hoạt động, các loại hàng hóa, định giá nợ...; Kinh nghiệm quốc tế về hoạt động của các công ty quản lý tài sản; Đánh giá thực trạng hoạt động của Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng (VAMC) giai đoạn 2013-2020; Xây dựng định hướng hoạt động và phát triển của VAMC giai đoạn 2021-2030; Điều kiện và giải pháp

triển khai định hướng hoạt động và phát triển của VAMC giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-009

77408. 04-2022 **Hiệu lực của chính sách an toàn vĩ mô qua kênh chuẩn mực tín dụng (bank lending standard) tới thị trường bất động sản tại Việt Nam/** PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, Viện trưởng, Viện NCKH ngân hàng,, Phạm Thị Hoàng Anh; Nguyễn Vũ Phương; Lê Văn Luyện; Phạm Thị Vân Anh; Nguyễn Trung Hậu; Nguyễn Thị Thanh Bình; Trịnh Lê Minh Hải; Lê Việt Hương; Đào Bích Ngọc; Trương Hoàng Diệp Hương. - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2021 - 12/2019 - . (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiệu lực của các công cụ liên quan đến chuẩn mực tín dụng trong chính sách an toàn vĩ mô tại Việt Nam bao gồm khả năng tác động, mức tác động, độ trễ của tác động đến thị trường bất động sản. Hệ thống hóa đầy đủ khung lý thuyết về cơ chế truyền dẫn của chính sách an toàn vĩ mô qua kênh chuẩn mực tín dụng tới thị trường bất động sản. Kinh nghiệm quốc tế trong điều hành chính sách giám sát an toàn vĩ mô qua kênh chuẩn mực tín dụng tại một số quốc gia; các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam (lựa chọn Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Trung quốc). Xây dựng được mô hình phù hợp để đánh giá hiệu lực của chính sách an toàn vĩ mô qua kênh chuẩn mực tín dụng (lending standards) tới thị trường bất động sản tại Việt Nam. Đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm nâng

cao hiệu lực của chính sách an toàn vĩ mô qua kênh chuẩn mực tín dụng (lending standards) tới thị trường bất động sản tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-010

77409. 04-2022 **Đánh giá tính kỷ luật thị trường ngành ngân hàng tại Việt Nam/** TS. Trần Việt Dũng, TS. Trần Việt Dũng; TS. Phan Anh; TS. Phạm Bảo Khánh; TS. Phan Hữu Việt; TS. Hồ Sỹ Hòa; ThS. Đinh Thị Oanh; ThS. Nguyễn Quốc Huy; TS. Lê Hoàng Anh; TS. Nguyễn Minh Nhật; ThS. Trần Kim Long - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Ngân hàng TP.HCM, 2021 - 12/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hệ thống hóa lý luận cơ bản về kỷ luật thị trường, kinh nghiệm triển khai trụ cột 3 của Basel II tại các quốc gia trên thế giới, và rút ra kinh nghiệm cho Việt Nam. Xác định được hành vi của các tác nhân chính của kỷ luật thị trường (người gửi tiền, trái chủ và nhà đầu tư cổ phiếu) đối với hoạt động ngân hàng; Xây dựng bộ chỉ số về mức độ minh bạch và công bố thông tin của các ngân hàng Việt Nam, sau đó thực hiện chấm điểm cho các NHTM Việt Nam và tiến hành đánh giá tác động của mức độ minh bạch hoá thông tin tới hoạt động tài chính của NHTM Việt Nam. Đề xuất một số kiến nghị liên quan dưới góc độ cơ quan quản lý cũng như các ngân hàng thương mại nhằm gia tăng kỷ luật thị trường và minh bạch thông tin tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-011

77410. 04-2022 **Tác động của nợ công đến bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam và một số khuyến nghị chính sách/** TS. Lê Thị Diệu Huyền, Lê Thị Diệu Huyền; Bùi Thị Mến; Bùi Duy Hưng; Trần Ngọc Mai; Nguyễn Văn Tiến; Nguyễn Thị Cẩm Giang; Nguyễn Thành Nam; Phạm Thu Hằng; Nguyễn Thành Chung; Tô Thị Hồng Anh. - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2021 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về nợ công và bất bình đẳng thu nhập. Từ đó tìm ra mối quan hệ giữa nợ công tới bất bình đẳng thu nhập thông qua một số kênh truyền dẫn; làm rõ thực trạng, xây dựng mô hình đánh giá ảnh hưởng của nợ công lên bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, đề xuất kiến nghị tăng cường kiểm soát nợ công, giảm thiểu các rủi ro đối với ngân sách, nâng cao hiệu quả chi tiêu công... Qua đó, góp phần tăng cường cơ chế minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý chính sách công cũng như CSTK, CSTT nhằm thúc đẩy sự công bằng trong việc sử dụng nguồn lực chung của quốc gia hướng tới giảm bất bình đẳng trong xã hội.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-012

77411. 04-2022 **Xây dựng Bộ chỉ số điều kiện tài chính quốc gia (domestic financial conditions) trong điều kiện hội nhập tài chính ở Việt Nam/** PGS.TS. Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Thanh Phương; Trần Thị Xuân Anh; Ngô Thị Hằng; Phạm Tiến Mạnh; Tô Kim Ngọc; Trần Thị Thu Hương;

Hoàng Thị Phương. - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2021 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm mục tiêu xây dựng Bộ chỉ số điều kiện tài chính quốc gia (domestic financial conditions) trong điều kiện hội nhập tài chính ở Việt Nam, đề tài ĐTNH.013/19 đã triển khai các nội dung nghiên cứu sau: Làm rõ cơ sở lý luận về chỉ số điều kiện tài chính quốc gia; Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về xây dựng chỉ số điều kiện tài chính quốc gia, rút ra bài học cho Việt Nam. Xây dựng Bộ chỉ số điều kiện tài chính quốc gia của Việt Nam. Khuyến nghị và đề xuất.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-013

77426. 04-2022 **Xây dựng yêu cầu về nghiệp vụ, quy trình và dữ liệu cho hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/** ThS. Phan Mạnh Cường, ThS. Phan Mạnh Cường; KS. Tạ Thanh Huệ; KS. Nguyễn Công Hùng; ThS. Nguyễn Minh Cường; ThS. Nguyễn Thị Cẩm Bình; CN. Ngô Thuận Trung; CN. Nguyễn Trung Thu; ThS. Nguyễn Thị Thúy; ThS. Bùi Thị Hương Liên - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2021 - 12/2019 - . (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu nội dung và quy trình hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng, hướng hoạt động thanh tra, giám sát đối với các tổ chức tín dụng thành một quá trình thống nhất. Đề xuất yêu cầu, định hướng xây dựng cơ sở dữ liệu nghiệp vụ của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

đáp ứng việc lưu trữ, cập nhật và phát triển các ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý, thanh tra, giám sát đối với các đối tượng thanh tra, giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Thanh tra, giám sát NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố. Xây dựng yêu cầu, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ nhằm mục đích tin học hóa toàn bộ quy trình thanh tra, giám sát. Xây dựng yêu cầu để phát triển các ứng dụng nhằm quản lý và hỗ trợ thanh tra viên trong quá trình thanh tra tại chỗ. Đề xuất, kiến nghị và tham mưu cho Ban lãnh đạo Cơ quan TTGSNH, NHNN xây dựng và định hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thanh tra, giám sát ngành ngân hàng.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-019

77429. 04-2022 **Nghiên cứu, xây dựng nội dung, phương pháp thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng/** ThS. Võ Thị Thu Hương, ThS. Võ Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Duy Phương; ThS. Nguyễn Nhữ Hoài Anh; ThS. Trần Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Minh Hương; ThS. Nguyễn Tô Phương Hằng; ThS. Võ Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Duy Phương; ThS. Nguyễn Nhữ Hoài Anh - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro, đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật cho các bên tham gia hoạt động thanh toán thẻ và xuất phát từ mục đích của công tác thanh tra, những hạn chế thiếu sót hiện tại của công tác thanh tra đối với hoạt động thẻ, đề tài nghiên cứu nhằm đề xuất nội



dung, phương pháp thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng. Lý thuyết về thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng; Thực trạng hoạt động thẻ, các rủi ro đối với dịch vụ thẻ ngân hàng, thực trạng thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng; Đề xuất nội dung, phương pháp thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng; đề xuất văn bản hướng dẫn nội dung, phương pháp thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-021

79349. 04-2022 **Luận cứ khoa học về tổ chức không gian, xác lập mô hình và đề xuất giải pháp phát triển du lịch bền vững khu vực ven biển và biển đảo Việt Nam/** GS.TS. Trương Quang Hải, ThS. Giang Văn Trọng; GS.TS. Tạ Hoà Phương; TS. Hoàng Thị Thu Hương; TS. Đỗ Thị Thanh Hoa; PGS.TS. Nguyễn Tuấn Anh; PGS.TS. Lê Văn Thiện; TS. Nguyễn Đăng Ngải; TS. Lưu Đức Hải; TS. Vũ Kim Chi; TS. Nguyễn Thị Hà Thành; TS. Nguyễn Hữu Duy; ThS. Nguyễn Đức Minh - Hà Nội - Viện Việt Nam học và khoa học phát triển, 2020 - 09/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn về tổ chức không gian và mô hình phát triển du lịch bền vững khu vực ven biển và biển đảo Việt Nam. Tổ chức không gian phát triển du lịch bền vững khu vực ven biển và biển đảo Việt Nam. Xây dựng các mô hình và đề xuất các giải pháp phát triển du lịch bền vững khu vực ven biển và biển đảo Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18509

81785. 04-2022 **Xác định chu kỳ tài chính: Kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam/** ThS. Nguyễn Vũ Phương, ThS. Nguyễn Vũ Phương; TS. Nguyễn Khương; ThS. Hoàng Lan Hương; ThS. Nguyễn Thị Minh Hằng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thu Hương; ThS. Hoàng Linh; CN. Hoàng Trần Quý - Hà Nội - Viện Chiến lược ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2021 - 08/2020 - . (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu về chu kỳ tài chính, phương pháp luận để xây dựng chu kỳ tài chính. Qua đó, đề xuất xây dựng chu kỳ tài chính cho Việt Nam. Các nội dung triển khai cụ thể gồm: Nghiên cứu tổng quan về chu kỳ tài chính; Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế để đưa ra các phương pháp xây dựng chu kỳ tài chính phổ biến hiện nay và các bài học cho Việt Nam; Lựa chọn phương pháp xây dựng chu kỳ tài chính cho Việt Nam với điều kiện số liệu hiện tại; Đề xuất phát triển phương pháp xây dựng chu kỳ tài chính cho Việt Nam trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-022

81786. 04-2022 **Xây dựng phương pháp đánh giá quản trị ngân hàng thương mại của Ngân hàng Nhà nước/** TS. Đào Thị Huyền Anh, TS. Đào Thị Huyền Anh; ThS. Nguyễn Thanh Huyền; ThS. Phan Minh Anh; ThS. Nguyễn Huy Toàn; ThS. Nguyễn Đắc Toàn; ThS. Nguyễn Hải Ninh; ThS. Trần Thị Thúy Hương - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu nhằm xây dựng quy trình, phương pháp đánh giá thực tiễn quản trị công ty trong khu vực ngân hàng (quản trị ngân hàng) của NHNN theo các chuẩn mực, nguyên tắc quốc tế để nâng cao hiệu quả công tác quản trị của các NHTMCP góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo sự an toàn của hệ thống NHTMTM Việt Nam. Xây dựng được một khung lý thuyết về đánh giá quản trị ngân hàng và phương pháp đánh giá quản trị ngân hàng. Đánh giá tình hình thực trạng đánh giá quản trị ngân hàng tại NHNN hiện nay, từ đó đề xuất phương pháp đánh giá quản trị ngân hàng, trong đó nhấn mạnh đến tính ưu việt của việc kết hợp cả 2 phương pháp đánh giá (đánh giá tuân thủ và xây dựng chỉ số quản trị ngân hàng tổng hợp- Bank governance Index-BGI). Thực hiện áp dụng thí điểm để đánh giá tình hình quản trị ngân hàng đối với 04 NHTM Việt Nam. Đề xuất các giải pháp nhằm áp dụng hiệu quả các phương pháp đã xây dựng đối với NHNN.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-023

81791. 04-2022 **Giải pháp cải thiện vai trò của Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam/** ThS. Đỗ Thị Bích Hồng, TS. Đỗ Thị Bích Hồng; TS. Nguyễn Thị Kim Thanh; ThS. Phạm Hà Phương; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Trần Thị Thu Hương; CN. Mai Thị Trang Nhung; CN. Đại Thị Việt Hà; CN. Phạm Thị Thùy; CN. Nguyễn Thu Hằng - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2021 - 08/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hệ thống hóa lý luận cơ bản về Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) và Hiệp hội QTDND. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về mô hình tổ chức, vai trò của Hiệp hội QTDND trong hỗ trợ phát triển, tăng cường tính liên kết hệ thống tại một số quốc gia, bài học cho Việt Nam. Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động của hệ thống QTDND nói chung và thực trạng hoạt động của Hiệp hội QTDND nói riêng. Đề xuất một số giải pháp, kiến nghị cùng lộ trình triển khai góp phần cải thiện vai trò của Hiệp hội QTDND, thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đặt ra tại Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng và Đề án củng cố và phát triển QTDND đến 2020 và định hướng đến 2030.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-024

81794. 04-2022 **Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/** ThS. Nguyễn Văn Anh, ThS. Nguyễn Văn Anh; ThS. Nguyễn Thị Vân; Nguyễn Thị Thanh Hòa; Tôn Nữ Hương Trà; Trần Lan Phương - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xu hướng và kinh nghiệm quốc tế trong ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động lưu ký giấy tờ có giá. Hiện trạng quản lý nghiệp vụ lưu ký giấy tờ có giá tại NHNN, gồm: Hệ thống pháp lý; Hiện trạng quản lý nghiệp vụ, hiện trạng hệ thống phần mềm hiện có tại Sở Giao dịch, NHNN; Định hướng quản lý nghiệp vụ lưu ký lưu ký giấy tờ có giá tại NHNN; Giải pháp ứng dụng

công nghệ vào hoạt động nghiệp vụ lưu ký lưu ký giấy tờ có giá tại NHNN, gồm: Đề xuất về cơ sở pháp lý; Đề xuất giải pháp hạn chế/kiểm soát rủi ro khi ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ lưu ký lưu ký giấy tờ có giá tại NHNN; Đề xuất quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ vào hoạt động lưu ký giấy tờ có giá tại NHNN; Đề xuất nâng cấp hệ thống phần mềm hiện có; Đề xuất lộ trình triển khai thực hiện.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-026

81814. 04-2022 **Ảnh hưởng của sự phát triển các tổ chức tài chính phi ngân hàng tới ổn định tài chính ở Việt Nam và các khuyến nghị chính sách tới 2025/** PGS.TS. Kiều Hữu Thiện, PGS.TS. Kiều Hữu Thiện; TS. Phạm Mạnh Hùng; PGS.TS. Tô Kim Ngọc; PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh; ThS. Trương Hoàng Diệp Hương; ThS. Phạm Mỹ Linh; ThS. Phạm Đức Anh; ThS. Đào Bích Ngọc; TS. Đào Thị Huyền Anh; ThS. Nguyễn Huy Toàn - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng và hoàn thiện khung lý thuyết về tác động của sự phát triển các tổ chức tài chính phi ngân hàng đến ổn định tài chính. Làm rõ thực trạng phát triển tổ chức tài chính phi ngân hàng tại Việt Nam. Phân tích thực trạng ổn định tài chính của Việt Nam dựa trên bộ chỉ số ổn định tài chính. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự phát triển các tổ chức tài chính phi ngân hàng đến ổn định tài chính tại Việt Nam. Xây

dựng hệ thống khuyến nghị chính sách giai đoạn 2020-2025.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-027

81815. 04-2022 **Tác động của quản trị tri thức đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam/** PGS.TS. Đỗ Thị Kim Hào, PGS.TS. Đỗ Thị Kim Hào; ThS. Phạm Đức Anh; TS. Trần Mạnh Hà; TS. Nguyễn Thị Việt Hà; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Nguyễn Xuân Quang; ThS. Trần Thị Bảo Quế; TS. Chu Khánh Lân; ThS. Trương Hoàng Diệp Hương - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, làm rõ cơ sở lý thuyết về hoạt động quản trị tri thức trong tổ chức nói chung và NHTM nói riêng, các nhân tố chủ yếu tác động tới hiệu quả quản trị tri thức trong NHTM cũng như vai trò của quản trị tri thức đối với việc nâng cao hiệu quả hoạt động của NHTM. Phân tích thực nghiệm mô hình mạng cấu trúc tuyến tính SEM – PLS dựa trên dữ liệu khảo sát 369 cán bộ ngân hàng tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Đề xuất về chính sách, cách thức mà NHTM có thể cân nhắc nhằm tăng cường hoạt động quản trị tri thức, đặc biệt liên quan tới việc phát triển văn hóa, nâng cao vai trò của ban lãnh đạo ngân hàng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường ứng dụng công nghệ và xây dựng các chính sách quản trị tri thức cụ thể.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-028

81817. 04-2022 **Quản trị rủi ro ngoại bảng tại các ngân hàng thương mại: Kinh nghiệm quốc tế**

**và giải pháp cho Việt Nam/ TS.** Bùi Tín Nghị, TS. Bùi Tín Nghị; PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh; ThS. Tô Thị Diệu Loan; NCS. Lại Thị Thanh Loan; ThS. Đào Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Đỗ Thu Hằng; TS. Đoàn Ngọc Thắng; ThS. Trần Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Tuyết Dương; ThS Nguyễn Xuân Hiệp - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về khái niệm hoạt động ngoại bảng của các NHTM, tìm hiểu từng loại hoạt động ngoại bảng, chỉ ra vai trò của hoạt động ngoại bảng trong kinh doanh ngân hàng, tác động đến lợi nhuận, rủi ro của ngân hàng. Nghiên cứu quản trị rủi ro các hoạt động ngoại bảng theo quy định của Basel; tìm hiểu kinh nghiệm quản trị rủi ro ngoại bảng của NHTM Thái Lan, Singapore và rút ra bài học cho Việt Nam. Làm rõ những hoạt động ngoại bảng hiện nay của các NHTM Việt Nam tính đến thời điểm tháng 6/2018; nguy cơ xảy ra rủi ro đối với hoạt động ngoại bảng của các NHTM Việt Nam; nguyên nhân; các biện pháp mà NHTM đã áp dụng để phòng ngừa rủi ro hoạt động ngoại bảng của các NHTM Việt Nam và những bất cập trong khung pháp lý liên quan đến quản trị rủi ro hoạt động ngoại bảng. Đề xuất một số khuyến nghị chính sách đối với NHNN trong hoàn thiện khung pháp lý và phát triển thị trường tài chính và một số giải pháp đối với các NHTM Việt Nam trong quản trị rủi ro hoạt động ngoại bảng.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-029

81818. 04-2022 **Tăng cường khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs Việt Nam/ TS.** Trần Mạnh Hà, TS. Trần Mạnh Hà; TS. Phạm Thu Thủy; TS. Nguyễn Thị Việt Hà; ThS. Nguyễn Bích Ngân; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Tạ Thanh Huyền; ThS. Trần Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về chuỗi giá trị toàn cầu cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs Việt Nam, xây dựng mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs Việt Nam; Tổng hợp kinh nghiệm của các nước trong khu vực và thế giới về việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các SMEs ; Nghiên cứu thực trạng việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các SMEs Việt Nam; thực hiện các kiểm định để tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs Việt Nam. Đề xuất các giải pháp, khuyến nghị nhằm nâng cao năng lực của SMEs Việt Nam để tăng cường tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs, gồm: Nâng cao năng lực công nghệ; Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính; Nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng nguồn nhân lực cho các SMEs cũng như các giải pháp về hỗ trợ tiếp cận thị trường.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-030

81819. 04-2022 **Đánh giá thực trạng và tiềm năng du lịch xanh tại Việt Nam/ Nguyễn Văn Hà , TS.**



Nguyễn Văn Hà; TS. Nguyễn Thị Việt Hà; ThS. Nguyễn Thu Trâm - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm đánh giá thực trạng và tiềm năng của du lịch xanh tại Việt Nam từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển du lịch xanh tại Việt Nam, đề tài ĐTNH.006/18 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau: Cơ sở lý thuyết về du lịch xanh, kinh nghiệm về phát triển du lịch xanh tại Việt Nam từ các quốc gia đã triển khai thành công. Đánh giá thực trạng và tiềm năng du lịch xanh tại Việt Nam: nhận diện những thành công, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế. Đề xuất một số khuyến nghị, giải pháp nhằm phát triển du lịch xanh tại Việt Nam thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-031

81820. 04-2022 **Giáo dục tài chính – kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam/** Nguyễn Tường Vân, TS. Nguyễn Tường Vân; ThS. Đào Bích Ngọc; ThS. Lê Văn Hinh; TS. Hà Thị Sáu; ThS. Trần Thị Thu Hương; ThS. Đoàn Đức Minh; ThS. Trần Hữu Tuyền; ThS. Vũ Mai Chi; ThS. Thân Thị Vi Linh; CN. Ngô Thị Minh Thu - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về giáo dục tài chính và sự cần thiết của giáo dục tài chính trong công cuộc phát triển tài chính toàn diện. Kinh nghiệm quốc tế về chiến lược giáo dục tài chính tại các quốc gia có điều kiện phát triển tương đồng với Việt Nam, và các quốc gia đã phát triển. Đánh giá

về thực trạng giáo dục tài chính tại Việt Nam. Đưa ra các khuyến nghị chính sách về giáo dục tài chính phù hợp cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-032

81825. 04-2022 **Giải pháp tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào các tổ chức tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc tế trong thời kỳ mới/** ThS. Đào Thúy Hằng, ThS. Hoàng Thị Phương Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Trà Vy; CN. Trần Thanh Hiền; ThS. Lê Anh Minh; CN. Nguyễn Hồng Liên; ThS. Dương Thị Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thị Tú Quỳnh; ThS. Lê Hải Anh; ThS. Ngô Phương Nhung; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trâm; CN. Nguyễn Thiên Hương; ThS. Trương Đức Hân - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tình hình tham gia của Việt Nam tại các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế và những vấn đề đặt ra cho thời kỳ mới. Vai trò của các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế đối với các quốc gia có thu nhập trung bình; kinh nghiệm của các quốc gia có thu nhập trung bình trong việc chủ động hội nhập và tìm kiếm nguồn vốn cho phát triển. Giải pháp tăng cường hội nhập vào các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế và tiếp cận các nguồn hỗ trợ tài chính mới để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong thời gian tới, lộ trình thực hiện.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-033

81826. 04-2022 **Hoàn thiện hệ sinh thái Công nghệ tài chính**

**(Fintech) ở Việt Nam giai đoạn 2018-2025/** ThS. Nghiêm Thanh Sơn, ThS. Nghiêm Thanh Sơn; ThS. Ngô Văn Đức; ThS. Nguyễn Minh Đức; ThS. Nguyễn Thị Thúy Nga; KS. Phó Đức Tiến; ThS. Đặng Thu Hương; ThS. Hoàng Thanh Nhân; ThS. Phan Mạnh Cường; ThS. Nguyễn Huy Toàn; ThS. Thái Thu Hường - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tổng quan hiện trạng hệ sinh thái Fintech tại Việt Nam. Những khó khăn, thách thức đối với các công ty khởi nghiệp Fintech (Fintech startups) để thúc đẩy lĩnh vực Fintech phát triển tại Việt Nam. Quy định pháp lý về Fintech và kinh nghiệm quản lý lĩnh vực Fintech tại một số quốc gia trên thế giới. Đề xuất các giải pháp phù hợp với thực tiễn của Việt Nam nhằm hoàn thiện hệ sinh thái Fintech, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Fintech tại Việt Nam phát triển, phù hợp với định hướng của Chính phủ và NHNN, giúp tận dụng được các nguồn lực tài chính bên trong và bên ngoài cho phát triển kinh tế và phổ cập tài chính, đảm bảo sự phát triển hài hòa của hệ thống ngân hàng và cộng đồng Fintech.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-034

81827. 04-2022 **Đánh giá tổng thể tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngành ngân hàng kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên WTO và định hướng chiến lược trong thời gian tới/** TS. Tô Huy Vũ, TS. Tô Huy Vũ; ThS. Vũ Minh Châu; ThS. Trần Thị Hương Giang;

ThS. Trần Thanh Tú; ThS. Phạm Thanh Ngọc; ThS. Trần Việt Liên; ThS. Nguyễn Quang Minh; ThS. Đặng Minh Quang; ThS. Nguyễn Cường Linh; ThS. Đỗ Thị Hoài Thu - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm đánh giá tổng thể sự tương thích giữa các cam kết quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng tại các FTA thế hệ mới với hệ thống pháp luật Việt Nam và khả năng thực thi các cam kết để có định hướng chiến lược trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngành ngân hàng, đề tài ĐTNH.012/18 thực hiện rà soát tính tương thích giữa các cam kết quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng tại các FTA với hệ thống pháp luật; So sánh, phân tích, đánh giá mức độ cam kết/mở cửa thị trường và các nghĩa vụ bảo hộ đầu tư thế hệ mới và mức cam kết sẵn có trong WTO để từ đó xây dựng và hoạch định chính sách, tăng cường minh bạch hóa thông tin, đẩy mạnh cải cách, hội nhập với hệ thống tài chính khu vực và thế giới; Đưa ra các khuyến nghị, định hướng chiến lược phát triển trong lĩnh vực ngân hàng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế nhằm hoàn thiện khuôn khổ thể chế và pháp luật; Nâng cao nhận thức của hệ thống ngân hàng về các nghĩa vụ trong các FTA thế hệ mới.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-035

81828. 04-2022 **Quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo hiểm liên kết ngân hàng - Thực trạng và giải pháp/** ThS. Phạm Xuân Hòe, ThS. Phạm Xuân Hòe; ThS. Lê Phú Lộc; ThS. Phạm Thu Phương; ThS.

Nguyễn Thanh Nga; ThS. Bùi Thanh Hải; CN. Đào Trung Kiên; ThS. Trần Thị Hòa; ThS. Nguyễn Thị Anh Thư; TS. Nguyễn Quang Hiện; ThS. Lương Xuân Trường - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đối với hoạt động Bancassurance: Khuôn khổ pháp lý; Vai trò, cơ chế phối hợp của các cơ quan giám sát tài chính có liên quan; Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nhà nước đối với hoạt động Bancassurance. Thực trạng hoạt động Bancassurance tại Việt Nam và hoạt động thanh tra, giám sát và quản lý nhà nước đối với hoạt động Bancassurance. Đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế chính sách và khuôn khổ quản lý nhà nước đối với hoạt động Bancassurance.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-036

81829. 04-2022 **Tín dụng đối với việc phát triển doanh nghiệp làng nghề - Nghiên cứu thực nghiệm tại Bình Dương/ PGS.TS. Lê Thị Mận, PGS.TS Lê Thị Mận; TS. Đào Thị Lan Hương; TS. Lê Đình Hạc; TS. Nguyễn Phúc Quỳnh Như; TS. Đỗ Thị Đoan Trang; ThS.Lê Nguyễn Thành Đồng; ThS.Nguyễn Phạm Hải Hà; ThS.Hoàng Thị Lan Phương; ThS.Tăng Mỹ Sang; ThS.Nguyễn Duy Thái - TP. Hồ Chí Minh - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Cơ sở luận về vai trò tín dụng ngân hàng đối với phát triển các doanh nghiệp làng nghề, làm rõ yếu tố của tín dụng ngân hàng ảnh hưởng

đến sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp làng nghề; sự cần thiết phải mở rộng tín dụng nhằm phát triển doanh nghiệp làng nghề; phân tích các yếu tố tác động đến việc mở rộng tín dụng nhằm phát triển doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp làng nghề nói riêng. Nghiên cứu thực trạng tín dụng ngân hàng đối với phát triển các doanh nghiệp làng nghề trên địa bàn tỉnh Bình Dương, đánh giá tác động của tín dụng ngân hàng đến sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp làng nghề; những thành công nổi bật trong mở rộng tín dụng nhằm phát triển doanh nghiệp làng nghề tại Bình Dương từ 2015 đến năm 2017; rút ra bài học kinh nghiệm cho các địa phương cả nước. Đề xuất định hướng, giải pháp mở rộng tín dụng ngân hàng nhằm phát triển bền vững các doanh nghiệp làng nghề.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-037

81830. 04-2022 **Xây dựng mô hình đánh giá tổn thương và rủi ro khủng hoảng hệ thống ngân hàng Việt Nam/ ThS. Phan Minh Anh, ThS. Phan Minh Anh; ThS. Đào Thị Huyền Anh; ThS. Nguyễn Huy Toàn; ThS. Trần Thị Thúy Hương; ThS. Nguyễn Công Hùng; ThS. Đặng Ngọc Hà; ThS. Nguyễn Trung Hậu; ThS. Đào Bùi Trung Kiên; ThS. Ngô Quý An - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu các vấn đề lý luận về tổn thương tài chính, các phương pháp đánh giá tổn thương tài chính, trong đó tập trung vào việc áp dụng mô hình cảnh báo sớm trong việc

đánh giá tổn thương tài chính. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong việc áp dụng mô hình cảnh báo sớm để rút ra bài học cho việc lựa chọn mô hình, các chỉ tiêu cảnh báo, ứng dụng mô hình cảnh báo sớm trong việc đánh giá tổn thương tài chính cho hệ thống tài chính Việt Nam, từ đó đưa ra các ngưỡng cho các chỉ số, chỉ số tổn thương khu vực, chỉ số tổn thương tổng thể, tính toán xác suất xảy ra khủng hoảng, đánh giá lại các chỉ số sử dụng trong mô hình. Đề xuất mô hình đánh giá tổn thương và rủi ro khủng hoảng tổng thể cho hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-038

81831. 04-2022 **Tổ chức hoạt động thông tin tín dụng đối với các tổ chức tài chính vi mô và Fintech tại Việt Nam/** ThS. Phan Huy Thắng, ThS. Phan Huy Thắng; ThS. Lê Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thu Trang; ThS. Ngô Kim Thoan; ThS. Ngô Thanh Nam; ThS. Trần Kiều Oanh; ThS. Nguyễn Xuân Hiểu; ThS. Thái Thành Trung; ThS. Phạm Thị Mai Phương; ThS. Hà Lan Phương - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Các vấn đề cơ sở về hoạt động thông tin tín dụng đối với các tổ chức TCVM và Fintech tại Việt Nam, bao gồm: Xác định nhu cầu về thông tin tín dụng của các tổ chức TCVM và Fintech (phạm vi, đối tượng cần cung cấp thông tin và mục đích sử dụng thông tin của các tổ chức TCVM và Fintech); Xác định các thông tin mà các tổ chức TCVM

và Fintech có thể cung cấp cho CIC; Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về cơ chế phối hợp/chia sẻ thông tin của cơ quan thông tin tín dụng với các tổ chức TCVM và Fintech. Đánh giá thực trạng trao đổi thông tin giữa các tổ chức TCVM, tổ chức Fintech và CIC, gồm phạm vi, đối tượng thông tin CIC cung cấp cho các tổ chức TCVM/Fintech và ngược lại; Đánh giá thực trạng các yếu tố liên quan đến việc cung cấp thông tin 2 chiều giữa CIC và các tổ chức TCVM/Fintech, gồm: Cơ sở hạ tầng về công nghệ liên quan đến kết nối các tổ chức TCVM, tổ chức Fintech và CIC; Cơ sở pháp lý và cơ chế chia sẻ thông tin... Đề xuất giải pháp xây dựng hệ thống chia sẻ thông tin giữa CIC với các tổ chức TCVM và tổ chức Fintech, gồm: Phạm vi, đối tượng thông tin cung cấp hai chiều; Mô hình kết nối/chia sẻ thông tin hai chiều; các điều kiện cần thiết cho việc triển khai thực hiện.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-039

81832. 04-2022 **Phối hợp chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ trong rủi ro khủng hoảng nợ công/** PGS.TSKH. Nguyễn Ngọc Thạch, PGS, TSKH. Nguyễn Ngọc Thạch; TS. Lê Hoàng Anh; TS. Trần Thị Kim Oanh; ThS. Phạm Thị Kim Phương; ThS. Trương Huỳnh Thắng; ThS. Võ Thị Thúy Kiều; TS. Lê Văn Hải; ThS. Phạm Thị Hà An; TS. Lê Đình Hạc; ThS. Nguyễn Trần Xuân Linh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu kinh nghiệm các nước phát triển và đang phát triển



đối diện với nguy cơ khủng hoảng nợ công về sự phối hợp CSTK và CSTT trong và sau cuộc Khủng hoảng kinh tế thế giới 2008-2009 và đúc rút bài học về việc phối hợp các chính sách này tại Việt Nam. Nghiên cứu thực trạng phối hợp giữa CSTK và CSTT trong điều kiện căng thẳng nợ công gia tăng tại Việt Nam từ cuộc Khủng hoảng kinh tế thế giới 2008-2009 (giai đoạn từ năm 2008 đến nay), đánh giá những ưu và nhược điểm trong phối hợp các chính sách kinh tế vĩ mô này trong bối cảnh tăng rủi ro mất an toàn nợ công tại Việt Nam. Xây dựng mô hình định lượng về tác động của CSTK và CSTT đến các trạng thái nợ công, trong đó biến nợ công phụ thuộc vào các thông số của mô hình đại diện cho các mục tiêu và giới hạn của CSTK và CSTT. Đề xuất các cơ chế và giải pháp phòng tránh khủng hoảng nợ công tại Việt Nam, bao gồm nhóm giải pháp CSTK, nhóm giải pháp CSTT và nhóm giải pháp phối hợp các chính sách kinh tế vĩ mô trên.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-040

81833. 04-2022 **Định hướng và các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam/** TS. Nghiêm Xuân Thành, TS. Nghiêm Xuân Thành; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Lê Hoàng Tùng; TS. Lê Thị Huyền Diệu; ThS. Ngô Thúy Phượng; ThS. Lê Thanh Hằng; CN. Nguyễn Anh Đức; ThS. Nghiêm Thanh Sơn; ThS. Phan Mạnh Cường; ThS. Lại Thị Thanh Loan - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về thu nhập/cơ cấu thu nhập của NHTM, phân tích kinh nghiệm các NHTM trên thế giới đối với việc chuyển dịch cơ cấu thu nhập, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho VN. Đánh giá thực trạng cơ cấu thu nhập của các NHTM Việt Nam hiện nay. Đề xuất định hướng, giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu thu nhập của các NHTM.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-041

81834. 04-2022 **Mối quan hệ giữa tín dụng và tăng trưởng kinh tế giai đoạn sau khủng hoảng tài chính, tiền tệ: Kết quả nghiên cứu quốc tế và gợi ý chính sách cho Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Hòa, ThS. Nguyễn Thị Hòa; ThS. Nguyễn Thị Minh Ngọc; ThS. Nguyễn Thu Trang; ThS. Trần Ngọc Lan; ThS. Đặng Ngọc Hà; ThS. Hoàng Việt Phương; ThS. Lưu Xuân Khôi - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng kết các nghiên cứu quốc tế nổi bật về mối quan hệ giữa tín dụng và tăng trưởng kinh tế sau khủng hoảng. Đánh giá mối quan hệ giữa tín dụng và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam trong giai đoạn sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007 – 2008. Đề xuất các định hướng trong việc điều hành chính sách tín dụng hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-042

81836. 04-2022 **Hoàn thiện quy trình, thủ tục giám sát các tổ chức tín dụng nhằm đảm bảo an toàn hệ thống/** Trần Đăng Phi, Trần Đăng Phi; ThS. Nguyễn Hoài Nam; TS.

Nguyễn Phi Lâm; ThS. Nguyễn Hoài Nam; ThS. Nguyễn Xuân Hiệp; ThS. Trương Anh Hùng; ThS. Đỗ Thị Nhàn; ThS. Nguyễn Mạnh Tiến; Nguyễn Trọng Du; ThS. Vũ Duy Tín; ThS. Bùi Anh Tuấn - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các quy trình, thủ tục giám sát hoạt động các tổ chức tín dụng hiện đang được một số cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng trên thế giới sử dụng; Thực trạng hoạt động giám sát các tổ chức tín dụng tại Việt Nam hiện nay: làm rõ những ưu điểm và hạn chế cần khắc phục và khả năng áp dụng phương pháp giám sát trên cơ sở rủi ro theo thông lệ quốc tế ; Lựa chọn và xây dựng quy trình , thủ tục giám sát các tổ chức tín dụng đáp ứng 02 tiêu chí: (i) Phù hợp với mô hình cơ cấu tổ chức mới được phê duyệt tại Nghị định số 26/2014/NĐ-CP và Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg; (ii) Kế thừa tính ưu việt của các quy trình giám sát ngân hàng hiệu quả trên thế giới và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-044

81837. 04-2022 **Đổi mới điều hành chính sách lãi suất nhằm nâng cao hiệu lực của chính sách tiền tệ/** ThS. Bùi Quốc Dũng, ThS. Bùi Quốc Dũng; ThS. Lê Quang Phong; TS. Trịnh Quang Anh ; ThS. Mai Thị Trang ; TS. Phạm Vũ Thăng Long ; ThS. Trần Minh Hoàng ; CN. Nguyễn Thị Thắng ; CN. Đỗ Hạnh Trang - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về khuôn khổ điều hành lãi suất trong điều kiện chuyển từ điều hành chính sách tiền tệ theo khối lượng sang chủ yếu điều hành theo giá; Thực trạng điều hành lãi suất giai đoạn 2005 – 2015: làm rõ những thành công, hạn chế và nguyên nhân chủ yếu; khả năng áp dụng kinh nghiệm quốc tế vào đổi mới điều hành chính sách lãi suất của Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020; Đề xuất khuôn khổ điều hành lãi suất cho giai đoạn 2016 – 2020, trong đó từng bước xây dựng một hành lang lãi suất với trần và sàn là các lãi suất theo quy định của NHNN; lãi suất liên ngân hàng được điều tiết giao động trong biên độ đã xác định.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-045

81838. 04-2022 **Nhận biết và xử lý các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém tại Việt Nam/** ThS. Đỗ Thị Nhàn, ThS. Đỗ Thị Nhàn; ThS. Nguyễn Hoài Nam; ThS. Võ Thị Thu Hương; TS. Đoàn Trung Kiên; ThS. Nguyễn Thị Phụng; ThS. Vương Đỗ Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Minh Ngân; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hà; CN. Nguyễn Tuấn Anh; CN. Trần Minh Tiên; CN. Tạ Thanh Huệ; CN. Trần Phương - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về nhận biết và xử lý các NHTMCP yếu kém; Thực trạng nhận biết và xử lý các NHTMCP yếu kém tại Việt Nam giai đoạn 2010 – 2015: những thành công và bài học kinh nghiệm; hạn chế và nguyên nhân chủ yếu; Xây dựng các chỉ tiêu và dấu hiệu nhận

biết các NHTMCP yếu kém tại Việt Nam; Đề xuất giải pháp xử lý các NHTMCP yếu kém.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-046

81841. 04-2022 **Quản lý nhà nước đối với hệ thống quỹ tín dụng nhân dân: Thực trạng và giải pháp/** Nguyễn Thị Hòa, - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2017. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa lý luận cơ bản về quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước đối với hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân; Phân tích, đánh giá khái quát thực trạng hoạt động của hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân và thực trạng công tác quản lý nhà nước đối với Quỹ tín dụng nhân dân; làm rõ vai trò của Ngân hàng Hợp tác xã. Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị góp phần củng cố, hoàn thiện công tác quản lý nhà nước đối với các Quỹ tín dụng nhân dân, đặc biệt là việc phát hiện và xử lý Quỹ tín dụng nhân dân yếu kém.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-047

81842. 04-2022 **Đo lường kỳ vọng lạm phát ở Việt Nam phục vụ công tác điều hành chính sách tiền tệ/** ThS. Phạm Tuấn Anh, ThS. Phạm Tuấn Anh; ThS. Hồ Điệp Liên Chi; ThS. Thái Thị An Hoa; ThS. Ngô Thị Thu Trà; ThS. Phạm Thị Thanh Hòa; Nguyễn Thị Hòa; Nguyễn Thị Giang; ThS. Phạm Đức Anh; ThS. Nguyễn Việt Dũng; Trần Tuấn Anh - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về điều tra kỳ vọng lạm phát phục vụ

công tác điều hành chính sách tiền tệ; làm rõ bản chất kỳ vọng lạm phát; Thực tiễn công tác điều tra kỳ vọng lạm phát đang được triển khai ở Việt Nam; Đề xuất hoàn thiện phương pháp và mô hình, phương thức tổ chức thực hiện điều tra kỳ vọng lạm phát phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-048

81848. 04-2022 **Chính sách tín dụng hướng tới tăng trưởng xanh tại Việt Nam/** ThS. Cát Quang Dương, ThS. Cát Quang Dương; ThS. Hà Thu Giang; ThS. Phạm Xuân Hòe; ThS. Đinh Thị Thái; ThS. Trần Phương; CN. Đặng Thị Diễm; ThS. Ngô Hoài Bắc; ThS. Đường Thu Trang; CN. Đặng Văn Sỹ; ThS. Nguyễn Tuấn Anh - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan định hướng, chiến lược quốc gia và chỉ đạo của Chính phủ về tăng trưởng xanh; Rà soát các chính sách, công cụ hỗ trợ hoạt động tín dụng xanh và thực trạng triển khai tín dụng xanh tại các NHTM Việt Nam; Đề xuất xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách tín dụng hướng tới tăng trưởng xanh tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-054

81849. 04-2022 **Nâng cấp hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia/** ThS. Đoàn Thanh Hải, ThS. Đoàn Thanh Hải; ThS. Phạm Quốc Trình; ThS. Nghiêm Thanh Sơn; ThS. Nguyễn Thị Phương Mai; ThS. Tô Ngọc Giao; CN. Phó Đức Tiến; CN. Vũ Công

Hùng; ThS. Lê Hoàng Chính Quang; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Minh; ThS. Thái Thanh Sơn; KS. Nguyễn Thế Long - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2017. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ các chuẩn mực quốc tế có liên quan đến hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia; Đánh giá thực trạng hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của Việt Nam, làm rõ khoảng cách so với các chuẩn mực quốc tế; Đề xuất giải pháp và lộ trình nâng cấp, phát triển hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia phù hợp với các chuẩn mực quốc tế và thực tiễn của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-055

81850. 04-2022 **Toàn cảnh hệ thống ngân hàng Việt Nam 2016, triển vọng 2017/** TS. Nguyễn Đức Hiền, TS. Nguyễn Đức Hiền; NCS. Lã Xuân Đẳng; PGS. TS. Nguyễn Đức Trung; TS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Nguyễn Phi Lân; ThS. Nguyễn Đức Long; ThS. Nguyễn Quang Huy; ThS. Nguyễn Đình Trung; ThS. Đỗ Thị Bích Hồng; ThS. Nguyễn Khánh Duyên; CN. Lê Quang Trung - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích bối cảnh tác động đến hệ thống ngân hàng 2016; Phân tích, nhận định diễn biến thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2016 (kết hợp nghiên cứu tại bàn với điều tra chuyên gia); Đánh giá công tác điều hành và quản lý của NHNN trong bối cảnh chung của nền kinh tế năm 2016; làm rõ những bài học

kinh nghiệm; Phân tích, nhận định triển vọng ngành ngân hàng năm 2017 và các khuyến nghị chính sách.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-056

81851. 04-2022 **Hoàn thiện mô hình và cơ chế xử lý nợ xấu cho VAMC/** TS. Nguyễn Mạnh Hùng, TS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Nguyễn Thị Minh Hằng; PGS.TS. Phạm Quốc Khánh; PGS.TS. Lê Thanh Tâm; TS. Lê Thị Huyền Diệu; TS. Nguyễn Ngọc Thao; ThS. Nguyễn Thị Kim Quỳnh; ThS. Nguyễn Khánh Duyên - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2017. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và kinh nghiệm xử lý nợ xấu qua hoạt động của các công ty quản lý tài sản/công ty mua bán nợ; Thực trạng và vướng mắc trong công tác thu mua, quản lý và xử lý các khoản nợ xấu đã mua về của VAMC; Đề xuất mô hình, cơ chế và các giải pháp để nâng cao hiệu quả xử lý các khoản nợ xấu do VAMC mua về.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-057

81852. 04-2022 **Truyền thông chính sách của Ngân hàng Nhà nước: Thực trạng và giải pháp/** ThS. Lê Thị Thúy Sen, ThS. Lê Thị Thúy Sen; ThS. Vũ Thị Mai Hương; ThS. Trần Văn Tần; ThS. Vũ Đình Thường; PGS.TS Đỗ Thị Thu Hằng; ThS. Mai Hồng Nam; CN. Nguyễn Ngọc Quyết; CN. Trần Thị Thanh Phương; CN. Đỗ Bích Ngọc - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018. (Đề tài cấp Bộ)



Những vấn đề cơ bản về truyền thông chính sách của ngân hàng trung ương (NHTW), tập trung vào khung lý thuyết truyền thông chính sách; yêu cầu về truyền thông chính sách; phương tiện và đối tượng truyền thông chính sách... và vai trò của truyền thông chính sách trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của NHTW; Kinh nghiệm của các NHTW trong hoạt động truyền thông chính sách; Thực trạng truyền thông chính sách của NHNN Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2015, đánh giá hiệu quả truyền thông chính sách của NHNN đối với công tác điều hành, quản lý của NHNN; Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-058

81853. 04-2022 **Vai trò của ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước tham gia tái cơ cấu tổ chức tín dụng yếu kém - nghiên cứu tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam/** TS. Nghiêm Xuân Thành, TS. Nghiêm Xuân Thành; ThS. Lê Hoàng Tùng; TS. Nguyễn Danh Lương; ThS. Ngô Thúy Phượng; ThS. Phùng Xuân Hải; ThS. Phạm Thúy Nga - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và rút ra bài học trong việc phát huy vai trò của các đơn vị nhà nước nói chung và ngân hàng thương mại do nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối nói riêng trong việc tham gia xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém; Đánh

giá tổng quan quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015: kết quả đạt được và những tồn tại. Đánh giá vai trò của các ngân hàng thương mại do nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối trong việc tham gia hỗ trợ tái cơ cấu các ngân hàng thương mại yếu kém tại Việt Nam trong giai đoạn vừa qua, tập trung vào phân tích trường hợp Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương (Vietcombank) hỗ trợ Ngân hàng Xây dựng. Đề xuất giải pháp Vietcombank hỗ trợ tái cơ cấu Ngân hàng Xây dựng trong thời gian tới. Kiến nghị các vấn đề liên quan đến sự tham gia của các ngân hàng thương mại nhà nước trong việc hỗ trợ tái cơ cấu các tổ chức tín dụng yếu kém tại Việt Nam trong giai đoạn 2016 – 2020.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-059

81854. 04-2022 **Nâng cao hiệu quả của các chương trình tín dụng chính sách của Ngân hàng Chính sách Xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số/** TS. Trần Hữu Ý, TS. Trần Hữu Ý; TS. Hoàng Thị Sen; ThS. Nguyễn Văn Lý; ThS. Bùi Quang Vinh; PGS.TS. Đặng Ngọc Đức; CN. Lý Bình Huy; CN. Ngô Thị Minh Thu; CN. Phạm Anh Đức; ThS. Đặng Đức Thắng; ThS. Phạm Thị Thanh An - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, đặc điểm của tín dụng chính sách; sử dụng hệ thống các tiêu chí phù hợp để đánh giá hiệu quả của các chương trình tín dụng chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Khảo sát, đánh giá thực trạng triển khai và

hiệu quả thực hiện các chương trình tín dụng chính sách dành cho đồng bào thiểu số của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (loại chương trình, qui mô thực hiện, các qui định chính sách, quá trình triển khai, kết quả triển khai, thuận lợi và khó khăn). Đánh giá những đóng góp và hạn chế của các chương trình tín dụng chính sách của Ngân hàng Chính sách Xã hội dành cho đồng bào các dân tộc thiểu số đối với việc cải thiện cuộc sống của người vay nói riêng và với sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương nói chung; Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách đối với đồng bào các dân tộc thiểu số.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-060

81855. 04-2022 **Phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại tại các NHTM Việt Nam – nghiên cứu tình huống tại NHTMCP Bưu điện Liên Việt/** TS. Nguyễn Đức Hưởng, TS. Nguyễn Đức Hưởng; ThS. Đinh Xuân Hà; Nguyễn Thị Thanh Sơn; Đặng Thị Thu Thủy; Nguyễn Ngọc Duẩn; Vũ Văn Đức; Nguyễn Thị Mai Phương; Phạm Xuân Lâm; Nguyễn Thị Hương Thanh; Lê Quang Trung - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng trên nền tảng công nghệ hiện đại; Thực trạng phát triển dịch vụ ngân hàng trên nền tảng công nghệ hiện đại liên quan các nghiệp vụ NHTM chính (hoạt động cho vay, huy động và thanh toán) tại Việt Nam nói chung và NHTMCP

Bưu điện Liên Việt nói riêng; Giải pháp phát triển sản phẩm dịch vụ ngân hàng trên nền tảng công nghệ hiện đại tại NHTM Việt Nam, nghiên cứu áp dụng cho NHTMCP Bưu điện Liên Việt..

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-061

81861. 04-2022 **Chính sách tiền tệ phi truyền thống: kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam/** Chu Khánh Lân, TS. Chu Khánh Lân; ThS. Trần Huy Tùng; ThS. Phạm Đức Anh; TS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Trương Hoàng Diệp Hương; ThS. Vũ Ngọc Hương; ThS. Nguyễn Đức Long; TS. Nguyễn Thanh Nhàn; TS. Hà Thị Sáu; ThS. Trần Văn Tàn - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng kết cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách tiền tệ phi truyền thống, trong đó làm rõ: Các công cụ phi truyền thống mà NHTW các nước sử dụng; Bối cảnh, điều kiện và hiệu quả áp dụng các công cụ này trong từng trường hợp; Bài học kinh nghiệm (thành công và thất bại). Phân tích bối cảnh sử dụng và đặc điểm sử dụng công cụ chính sách tiền tệ ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015; so sánh với việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ thông thường và chính sách tiền tệ phi truyền thống trên thế giới; Khuyến nghị về việc sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ phi truyền thống trong điều kiện Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-062

81862. 04-2022 **Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các ngân**

**hàng thương mại - Thực tiễn và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam/** TS. Bùi Tín Nghi, TS. Bùi Tín Nghi; ThS. Phạm Mạnh Hùng; PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Huy Tựa; ThS. Nguyễn Thị Minh Ngân; ThS. Mai Văn Anh; TS. Đặng Thị Thu Hằng; TS. Nguyễn Quỳnh Thơ; ThS. Nguyễn Đức Dũng - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2018. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các ngân hàng thương mại; Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các NHTM, trong đó tập trung vào các quốc gia đang phát triển có đặc thù hệ thống NHTM tương đồng với Việt Nam; Thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các ngân hàng thương mại Việt Nam; Hoàn thiện quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các NHTM Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-063

81863. 04-2022 **Điều hành chính sách giám sát an toàn vĩ mô: kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam/** PGS.TS Phạm Thị Hoàng Anh, PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh; ThS. Tô Thị Hồng Anh; TS. Lê Thị Diệu Huyền; ThS. Nguyễn Vũ Phương; ThS. Lê Công Hội; ThS. Nguyễn Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Thu Hương; NCS. Nguyễn Trung Hậu; Phạm Thị Thanh Tâm; ThS. Đỗ Văn Long; Hà Thị Thu Hương; ThS. Phạm Thị Thu Hiền -

Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về CS GSATVM: tập trung vào các công cụ của chính sách; cơ chế truyền dẫn và hiệu lực CSATVM tới mục tiêu cuối cùng là ổn định hệ thống tài chính; Kinh nghiệm sử dụng các công cụ CSATVM trên thế giới và bài học cho Việt Nam; Thực trạng điều hành CSATVM tại Việt Nam, làm rõ các thành công, hạn chế và nguyên nhân chủ yếu; Đề xuất một số khuyến nghị về CS GSATVM tại Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-064

81864. 04-2022 **Hoàn thiện chế độ đãi ngộ người lao động phù hợp với hoạt động nghiệp vụ đặc thù của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/** TS. Phạm Quốc Khánh, PGS. TS Phạm Quốc Khánh; TS. Phạm Thị Hồng Vân; ThS. Lê Thu Hạnh; ThS. Nguyễn Văn Thủy; ThS. Đặng Huy Cường; ThS. Bùi Thị Thu Hoài; CN. Nguyễn Thị Hải - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2018. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa lý luận và kinh nghiệm quốc tế về chế độ đãi ngộ của ngân hàng trung ương các nước; Đánh giá thực trạng chế độ đãi ngộ người lao động tại NHNN Việt Nam giai đoạn 2006 - 2016; Đề xuất đổi mới chế độ đãi ngộ người lao động cho NHNN Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động nghiệp vụ đặc thù của NHNN.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-065

81865. 04-2022 **Hoàn thiện công tác đào tạo chất lượng cao tại**

**Học viện Ngân hàng/ PGS.TS Đỗ Thị Kim Hào, PGS.TS. Đỗ Thị Kim Hào ; ThS. Trần Thị Thu Hương ; TS. Nguyễn Thùy Dương ; TS. Phan Thị Anh Đào ; TS. Nguyễn Vân Hà ; TS. Phạm Thu Thủy ; TS. Nguyễn Thị Việt Hà ; TS. Nguyễn Thị Lê Thanh ; ThS. Trần Thị Bảo Quế ; TS. Nguyễn Xuân Quang - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2018. (Đề tài cấp Bộ)**

Cơ sở lý luận về đào tạo chất lượng cao; Thực trạng thị trường lao động chất lượng cao tại Việt Nam hiện nay; Thực trạng hoạt động đào tạo chất lượng cao tại Học viện Ngân hàng: kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân; Giải pháp hoàn thiện công tác đào tạo chất lượng cao tại Học viện Ngân hàng.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-066

**81869. 04-2022 Chính sách tỷ giá của Trung Quốc: Thực tiễn, bài học kinh nghiệm và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam/ Lê Quang Trung, Lê Quang Trung; Nguyễn Thế Phong; ThS. Nguyễn Đình Trung; ThS. Nguyễn Khánh Duyên; ThS. Lê Thu Hằng - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2018. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Các lý thuyết về tỷ giá và thực tiễn áp dụng tại NHTW Trung Quốc; Thực trạng điều hành tỷ giá tại Trung Quốc và tác động của sự thay đổi chính sách tỷ giá của Trung Quốc với các nước trong khu vực; Bài học kinh nghiệm trong công tác điều hành tỷ giá của Trung Quốc và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-070

**78713. 04-2022 Phân cấp tài khóa, tài chính công địa phương và tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh/thành của Việt Nam: Vai trò của thể chế địa phương/ GS. TS. Sử Đình Thành, TS. Nguyễn Phúc Cảnh; GS. TS. Dương Thị Bình Minh; PGS. TS. Bùi Thị Mai Hoài; TS. Mai Đình Lâm; ThS. Nguyễn Trung Thông - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2020 - 11/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Kiểm tra mối quan hệ Phi tuyến tính giữa phân cấp tài khóa và tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh thành Việt Nam. Phân tích tác động của các yếu tố trong thể chế và tương tác của chúng với phân cấp tài khóa lên tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh thành Việt Nam. Bên cạnh đó, đề tài ước lượng tác động tăng trưởng giữa các tỉnh thành của các yếu tố khác nhau thuộc thể chế và tương tác của chúng với phân cấp tài khóa nhằm phân tích hiệu quả phân cấp quyền tự chủ và trách nhiệm trong tài khoản giữa các tỉnh thành, điều này được thể hiện qua tỷ lệ lệ phí phân chia nguồn thu thuế giữa 63 tỉnh thành. Phân tích tác động của cấu trúc thuế, thành phần chỉ tiêu công, và tương tác của chúng với các khía cạnh khác nhau cuộc thể chế lên tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh thành Việt Nam. Bên cạnh đó, đề tài còn ước lượng tác động lên tăng trưởng giữa các tỉnh thành của biên tương tác giữa cấu trúc thuế, thành phần chỉ tiêu công với thể chế để phân tích hiệu quả của chính sách thuế thể và phân bố chỉ tiêu công giữa các tỉnh thành,



điều này cũng thể hiện qua tỉ lệ phân chia nguồn thu thuế giữa 63 tỉnh thành.

Số hồ sơ lưu: 18125

79166. 04-2022 **Đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ logistics nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hoá qua các cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc/** PGS. TS. Nguyễn Hoàng, PGS. TS. Nguyễn Hoàng Việt; TS. Phan Thanh Tú; ThS. Lê Thị Trâm Anh; ThS. Phan Đình Quyết; TS. Phạm Văn Kiệm; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt; ThS. Nguyễn Hoàng Nam; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Hoàng Tiến Linh - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về dịch vụ logistics nói chung và phát triển dịch vụ logistics cho xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới đất liền. Phân tích thực trạng dịch vụ logistics tại các cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, từ đó đánh giá khả năng tương thích của dịch vụ logistics với hoạt động xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Đề xuất các giải pháp phát triển dịch vụ logistics nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

Số hồ sơ lưu: 18349

79168. 04-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển xuất khẩu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Nhật Bản trong bối cảnh thực hiện Hiệp định Đối**

**tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)/** ThS. Vương Quang Lượng, KS. Nguyễn Đức Bảo; ThS. Lại Hồng Minh; ThS. Phạm Vũ Quang Huy; TS. Phạm Văn Kiệm; ThS. Phạm Thị Dịu; ThS. Vũ Thị Như Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Vân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, 2021 - 10/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phát triển xuất khẩu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ. Đánh giá thực trạng xuất khẩu và các chính sách thúc đẩy xuất khẩu mặt hàng G&SPG của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản giai đoạn 2015 - 2019. Đánh giá thực trạng chính sách nhập khẩu của Nhật Bản và khả năng đáp ứng các quy định về nhập khẩu đối với mặt hàng G&SPG của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản. Dự báo nhu cầu thị trường của Nhật Bản đối với mặt hàng G&SPG trong thời gian tới; những quy định của CPTPP có liên quan đến mặt hàng G&SPG; đề xuất các giải pháp, chính sách nhằm thúc đẩy xuất khẩu G&SPG của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong thời gian tới

Số hồ sơ lưu: 18355

80936. 04-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình kinh tế xanh cho một số xã đảo tiêu biểu ven bờ Việt Nam/** TS. Lê Xuân Sinh, TS. Đỗ Mạnh Hào, PGS. TS. Lê Thu Hoa, PGS. TSKH. Nguyễn Văn Cư; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; PGS. TS. Nguyễn Văn Quân; TS. Nguyễn Văn Thảo; TS. Dương Thanh Nghị; GS. TS. Đỗ Công Thung; ThS. Trần

Hung - Hải Phòng - Viện Tài nguyên và Môi trường biển, 2021 - 09/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cung cấp được cơ sở khoa học và thực tiễn trên thế giới và trong nước về mô hình kinh tế đảo xanh, đánh giá thực trạng các mô hình kinh tế ở các xã đảo tiêu biểu ven bờ: xã đảo Việt Hải (huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng), xã đảo Nhơn Châu (thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), xã đảo Nam Du (huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang). Đánh giá được hiện trạng môi trường, vốn tự nhiên, các thách thức ảnh hưởng đến tính bền vững của một số xã đảo tiêu biểu ven bờ Việt Nam đã được lựa chọn. Xây dựng mô hình kinh tế xanh phù hợp áp dụng cho ba xã đảo tiêu biểu ven bờ đã lựa chọn và triển khai áp dụng, đánh giá và hoàn thiện mô hình. Đề xuất các giải pháp nhân rộng áp dụng cho các xã đảo ven biển Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19230

81256. 04-2022 **Phát triển chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp tại đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới/** PGS.TS. Ngô Thị Phương Lan, PGS.TS. Huỳnh Ngọc Thu; TS. Trần Anh Tiến; PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hạnh; TS. Hoàng Ngọc Minh Châu; ThS. Phạm Bích Ngọc; ThS. Dương Đức Minh; TS. Trương Thị Thu Hằng; TS. Phạm Thanh Duy; TS. Nguyễn Thị Hồng Nhân; PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Châm; TS. Hoàng Cẩm; PGS.TS. Lê Thanh Sang; PGS.TS. Đoàn Thị Mỹ Hạnh; TS. Ngô Thị Thu Trang; TS. Võ Thị Kim Sa;

ThS. Nguyễn Duy An; TS. Tạ Duy Linh - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 06/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ các vấn đề lý luận và phương pháp luận trong nghiên cứu về chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp cũng như lợi thế tài nguyên bản địa, yếu tố liên kết ngành, liên kết vùng trong phát triển du lịch. Mô tả tiềm năng, thực trạng phát triển chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp và liên kết trong phát triển du lịch tại Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) giai đoạn 2012 - 2020. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp và liên kết trong phát triển du lịch tại ĐBSCL và dự báo cơ hội, thách thức trong việc phát triển ở giai đoạn 2021-2030. Phân tích cơ hội và thách thức chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp tại ĐBSCL hiện nay để qua đó đề xuất quan điểm và giải pháp phát triển chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp tại ĐBSCL theo hướng phát triển bền vững trong giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: 19363

81305. 04-2022 **Đánh giá chính sách thương mại đa phương trong khuôn khổ WTO đối với lĩnh vực tài chính/** ThS. Trần Thị Thu Huyền, ThS. Nguyễn Thu Giang; ThS. Bùi Thị Thanh Hoa; ThS. Nguyễn Đăng Khoa; CN. Trần Tiến Đạt; ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Thu Trang; ThS. Vũ Hương Trà; CN. Ngô Hoàng Oanh - Hà Nội - Vụ Hợp tác

quốc tế - Bộ Tài chính, 2021 - 12/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tiến hành rà soát chính sách thương mại trong khuôn khổ WTO. Nghiên cứu, phân tích kinh nghiệm quốc tế trong thực hiện cam kết WTO và giải trình tại phiên rà soát. Đề từ đó tìm hiểu tác động của việc thực hiện cam kết trong các lĩnh vực của Bộ Tài chính và Kiến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; cùng các chủ trương, định hướng về hội nhập quốc tế giai đoạn tới.

Số hồ sơ lưu: 19368

81308. 04-2022 **Hệ sinh thái khởi nghiệp ở Nhật Bản và Hàn Quốc: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam/** TS. Tống Thùy Linh, ThS. Phạm Thị Nhung; ThS. Đỗ Thị Ánh; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bé; ThS. Lương Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Ngọc Mai; ThS. Nguyễn Ngọc Long - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa, phân tích và làm rõ cơ sở lý luận liên quan đến khái niệm hệ sinh thái khởi nghiệp (startup ecosystem). Tiến hành nghiên cứu, phân tích làm rõ thực trạng hệ sinh thái khởi nghiệp ở Nhật Bản, Hàn Quốc qua đó đánh giá quá trình xây dựng, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp ở Nhật Bản, Hàn Quốc. Từ những nghiên cứu, phân tích trên rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình xây dựng, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 19367

81344. 04-2022 **Phân tích chuỗi giá trị ngành hàng tôm và xây dựng mô hình nuôi tôm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho vùng Tây Nam Bộ/** PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn, PGS.TS. Trần Ngọc Hải; PGS.TS. Huỳnh Trường Huy; PGS.TS. Châu Tài Tảo; PGS.TS. Lê Nguyễn Đoàn Khôi; ThS. Lê Văn Gia Nhỏ; PGS.TS. Trương Hoàng Minh; PGS.TS. Trương Quốc Phú; PGS.TS. Trần Thị Tuyết Hoa; ThS. Huỳnh Văn Hiền; ThS. Nguyễn Thị Thu An; ThS. Trần Nguyễn Duy Khoa; ThS. Lê Văn Dề; ThS. Lê Bửu Minh Quân - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021 - 04/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ tôm ở vùng Tây Nam Bộ, mô tả sơ đồ và chức năng thị trường của các tác nhân tham gia trong chuỗi giá trị tôm tại vùng, phân tích những thuận lợi, khó khăn và phân phối lợi nhuận giữa các tác nhân tham gia trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị. Triển khai xây dựng hệ thống các giải pháp nâng cấp chuỗi giá trị tôm ở vùng Tây Nam Bộ, đặc biệt hướng đến việc liên kết chuỗi giá trị và cắt giảm chi phí sản xuất thông qua việc ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quá trình nuôi. Đồng thời, cho xây dựng hai mô hình nuôi tôm theo kiểu quảng canh cải tiến và thâm canh có ứng dụng công nghệ biofloc, liên kết sản xuất và tiêu thụ tại vùng nghiên cứu. Theo dõi và đánh giá hiệu quả nuôi của các mô hình thực nghiệm, từ đó xây dựng kế hoạch nhân rộng mô hình

Số hồ sơ lưu: 19375

81736. 04-2022 **Xây dựng Bộ chỉ số điều kiện tài chính quốc gia (Domestic Financial Conditions) trong điều kiện hội nhập tài chính ở Việt Nam/** PGS.TS. Nguyễn Thanh Phương, PGS.TS. Trần Thị Xuân Anh; PGS.TS. Tô Kim Ngọc; TS. Phạm Tiến Mạnh; TS. Trần Thị Thu Hương; ThS. Ngô Thị Hằng; CN. Hoàng Thị Phương - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2021 - 01/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu khung lý luận về chỉ số điều kiện tài chính quốc gia và cách xây dựng chỉ số điều kiện tài chính quốc gia trong bối cảnh hội nhập tài chính. Kinh nghiệm xây dựng chỉ số điều kiện tài chính quốc gia ở các nước trên thế giới và rút ra bài học cho Việt Nam. Thực trạng hội nhập tài chính Việt Nam và xây dựng chỉ số điều kiện tài chính quốc gia cho Việt Nam trong bối cảnh hội nhập tài chính. Đề xuất các điều kiện để triển khai xây dựng chỉ số điều kiện tài chính quốc gia tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập tài chính.

Số hồ sơ lưu: 19513

81793. 04-2022 **Ứng dụng mô hình kết hợp các chỉ tiêu với tần suất khác nhau (Nowcasting) trong phân tích và dự báo tăng trưởng GDP/** ThS. Hoàng Việt Phương, Hoàng Việt Phương; Trịnh Thị Thơm; Trần Thanh Hoa; Lê Hoàng Quân; Mai Thị Lan Hương - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng hợp kinh nghiệm quốc tế và trong nước về nowcasting, hệ

thống hóa các phương pháp nowcasting đang được sử dụng đồng thời áp dụng các kinh nghiệm này để xây dựng mô hình nowcasting dự báo GDP cho NHNN. Đồng thời dự án cũng nghiên cứu việc tích hợp phương pháp nowcasting vào hệ thống mô hình kinh tế lượng đang áp dụng tại NHNN một cách khoa học và nhất quán để phục vụ mục tiêu hiện đại hóa khuôn khổ điều hành chính sách tiền tệ trong giai đoạn mới tại NHNN Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-025

### **50202. Kinh doanh và quản lý**

78760. 04-2022 **Luận cứ khoa học về cơ cấu lại ngân sách nhà nước và quản lý nợ công ở Việt Nam trong tình hình mới/** TS. Nguyễn Việt Lợi, TS. Nguyễn Minh Tân TS. Nguyễn Thị Hải Hà; ThS. Lê Thị Mai Liên; TS. Lê Quang Thuận; ThS. Bùi Phương Thảo; ThS. Nguyễn Thanh Hải; TS. Bùi Nhật Tân; ThS. Võ Thành Hưng; ThS. Hoàng Hải - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2020 - 12/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công, mối quan hệ giữa cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công, cụ thể: Làm rõ luận cứ khoa học về cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công. Làm rõ mối quan hệ giữa cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công trong phát triển KT-XH; các nhân tố ảnh hưởng trong quan hệ giữa cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công; những rủi ro trong cơ cấu lại NSNN tới quản lý nợ công... Nghiên cứu kinh



nghiệm các nước trong việc điều chỉnh cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công ở các nước phát triển, các nước đang phát triển, các nước mới nổi. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng quy định pháp luật, các cơ chế, chính sách trong điều chỉnh cơ cấu lại NSNN và nợ công; Kết quả về cơ cấu NSNN và quản lý nợ công ở Việt Nam khi thực hiện các quy định pháp luật, các cơ chế, chính sách nhằm điều chỉnh lại cơ cấu NSNN và nợ công; Làm rõ những vấn đề đặt ra trong quy định pháp luật, cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công ở Việt Nam trong thời gian qua.

Số hồ sơ lưu: 18143

79161. 04-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**/ TS. Đoàn Quang Đông, ThS. Cao Xuân Quảng; ThS. Hồ Tùng Bách; ThS. Hoàng Bích Thủy; ThS. Đào Hồng Lam; CN. Lê Thị Vân Anh - Hà Nội - Cuộc Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, các tiêu chí đánh giá kết quả triển khai tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực này. Phân tích thực trạng tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của các tổ chức xã hội theo quy định của luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, phân tích theo các tiêu chí từ đó, cũng như những yếu tố tác động,

trên cơ sở đó rút ra kết quả, tồn tại và nguyên nhân. Đánh giá xu hướng, quan điểm, mục tiêu để nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Đánh giá xu hướng, quan điểm, mục tiêu quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Số hồ sơ lưu: 18346

79178. 04-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng, ban hành khung chương trình đảm bảo đo lường cho doanh nghiệp**/ ThS. Trần Thị Thúy Hà, CN. Cao Việt Bách; ThS. Phan Thị Bích Hạnh; ThS. Nguyễn Hùng Điệp; ThS. Lê Thị Thúy Sâm; ThS. Bùi Trung Dũng; ThS. Trần Quý Giàu; ThS. Nguyễn Tiến Dân; KS. Đào Thị Hồng; CN. Phạm Thị Đào Anh - Hà Nội - Vụ Đo lường, 2021 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên; xây dựng và triển khai hiệu quả Khung Chương trình bảo đảm đo lường tại doanh nghiệp; tăng cường hoạt động đo lường gắn chặt với hoạt động doanh nghiệp. Phát triển hạ tầng đo lường quốc gia theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng hội nhập quốc tế và nhu cầu đảm bảo đo lường chính xác cho hoạt động doanh nghiệp, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, phù

hợp với quy hoạch phát triển bộ ngành và địa phương. Xây dựng, ban hành Khung Chương trình đảm bảo đo lường cho doanh nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, nâng cao năng lực quản lý của cơ quan nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 18370

79179. 04-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng, ban hành Danh mục ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh trọng tâm cần tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn đến năm 2025/** ThS. Cao Việt Bách, ThS. Nguyễn Hùng Điệp; ThS. Trần Quý Giàu; CN. Trần Thị Thúy Hà; ThS. Phan Thị Bích Hạnh; ThS. Lê Thị Thúy Sâm; ThS. Bùi Trung Dũng; KS. Đào Thị Hồng; CN. Phạm Thị Đào Anh - Hà Nội - Vụ Đo lường, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng, ban hành danh mục ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh trọng tâm cần tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn đến năm 2025. Phát triển hạ tầng đo lường quốc gia theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng hội nhập quốc tế và nhu cầu đảm bảo đo lường chính xác cho hoạt động doanh nghiệp, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, phù hợp với quy hoạch phát triển bộ ngành và địa phương.

Số hồ sơ lưu: 18368

79180. 04-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây**

**dựng, ban hành tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ đóng góp của hoạt động đo lường đối với sự phát triển của doanh nghiệp/** ThS. Nguyễn Tiến Dân, ThS. Phan Thị Bích Hạnh; ThS. Trần Quý Giàu; ThS. Nguyễn Hùng Điệp; CN. Trần Thị Thúy Hà; CN. Cao Việt Bách; ThS. Lê Thị Thúy Sâm; KS. Đào Thị Hồng; CN. Hà Thành Thục - Hà Nội - Vụ Đo lường, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng, ban hành tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ đóng góp của hoạt động đo lường đối với sự phát triển của doanh nghiệp để nâng cao năng lực quản lý của cơ quan nhà nước, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Nghiên cứu xây dựng tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ đóng góp của hoạt động đo lường đối với sự phát triển của doanh nghiệp theo hướng định tính; Bám sát vào các tiêu chí áp dụng chương trình đảm bảo đo lường cho doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 18369

79181. 04-2022 **Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia lãnh đạo doanh nghiệp của phụ nữ Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ./** PGS. TS. Trần Quang Tiến, ThS. Đoàn Thị Yến; TS. Phùng Thị Quỳnh Trang; TS. Phạm Hồng Hải; GS. TS. Nguyễn Thành Độ; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Huyền - Hà Nội - Học viện Phụ nữ Việt Nam, 2021 - 01/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về năng lực lãnh đạo, sự tham gia lãnh đạo của phụ nữ trong doanh nghiệp để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của phụ nữ trong lãnh đạo các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam (nghiên cứu trường hợp tại khu vực thủ đô Hà Nội) cũng như mối quan hệ giữa lãnh đạo nữ và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về năng lực lãnh đạo, sự tham gia lãnh đạo và các yếu tố ảnh hưởng đến sự lãnh đạo của phụ nữ trong doanh nghiệp cũng như mối quan hệ giữa năng lực lãnh đạo và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; Phân tích thực trạng lãnh đạo của phụ nữ trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam; Phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự tham gia lãnh đạo của phụ nữ trong doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực Hà Nội; Phân tích mối quan hệ giữa sự tham gia lãnh đạo của phụ nữ và hiệu quả doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực Hà Nội. Đề xuất các giải pháp thúc đẩy sự lãnh đạo doanh nghiệp của phụ nữ trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Số hồ sơ lưu: 18379

79301. 04-2022 **Nhân rộng áp dụng hệ thống quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000 cho các doanh nghiệp Việt Nam/** ThS. Ngô Văn Mạc, ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng; ThS. Bùi Xuân Phong; KS. Nguyễn Phúc Thuận; KS. Lê Thức; CN. Cán Thị Quỳnh Nga; ThS. Nguyễn Đào Duy Tài; KS. Bùi Đức Duy; ThS. Lê Anh Hưng; KS. Vũ Xuân Mạnh; CN. Trần Thị Lan; CN. Trần Thúy Ngọc - Hà Nội - Trung

tâm Thông tin Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng (nay là Trung tâm Thông tin - Truyền thông Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2020 - 02/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổ chức hội thảo phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm áp dụng ISO 31000 cho 300 doanh nghiệp thuộc các ngành điện – điện tử, cơ khí chế tạo, chế biến thực phẩm, sản xuất nông nghiệp khu vực Bắc, Trung, Nam. Đào tạo triển khai áp dụng ISO 31000 cho khoảng 60 cán bộ doanh nghiệp thuộc các ngành điện – điện tử, cơ khí chế tạo, chế biến thực phẩm, sản xuất nông nghiệp khu vực Bắc, Trung, Nam. Tư vấn, hướng dẫn áp dụng thành công ISO 31000 cho 10 doanh nghiệp thuộc các ngành nêu trên. Thúc đẩy áp dụng hệ thống quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000 vào doanh nghiệp giúp doanh nghiệp chủ động hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định, tăng trưởng và phát triển. Giúp doanh nghiệp kiểm soát và hạn chế thấp nhất những thiệt hại khi các rủi ro xảy ra thông qua việc triển khai các giải pháp ứng phó đã được chuẩn bị trước.

Số hồ sơ lưu: 18497

80118. 04-2022 **Tương quan của thông tin phi cấu trúc của báo cáo tài chính với hoạt động tài chính của doanh nghiệp/** PGS. TS. Trần Thị Hải Lý, TS. Từ Thị Kim Thoa; ThS. Hoàng Thị Phương Thảo; TS. Phùng Đức Nam; TS. Lê Thị Phương Vy; PGS.TS. Nguyễn Thị Liên Hoa - Hồ Chí Minh - Trường đại học Kinh tế Thành phố

Hồ Chí Minh, 2021 - 07/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Kiểm định khả năng dự báo thành quả tương lai của sắc thái ngôn ngữ trong báo cáo thường niên, so với các biên số cấu trúc truyền thống. Phân tích vai trò của sắc thái ngôn ngữ đối với quyết định tài trợ của doanh nghiệp. Phân tích ảnh hưởng của sắc thái ngôn ngữ lên quyết định nắm giữ tiền mặt của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 18948

81734. 04-2022 **Nhân rộng áp dụng hệ thống quản lý tích hợp và công cụ cải tiến năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ khu vực miền Trung/ ThS.** Cao Hoàng Long, CN. Tôn Nữ Như Huyền; ThS. Nguyễn Thị Phương Nhung; KS. Lê Xuân Nhất; CN. Vũ Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thành Trung; CN. Trần Sỹ Quân; KS. Hồ Vĩnh Lộc; CN. Nguyễn Huy Đoàn; KS. Nguyễn Thúy Nga - Hà Nội - Viện Năng suất Việt Nam, 2021 - 01/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng tiêu chí để lựa chọn doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia mô hình tích hợp và lựa chọn doanh nghiệp, xác định mô hình tích hợp hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất chất lượng. Xác định phương án tích hợp hệ thống, công cụ phù hợp với loại hình, đặc điểm, quy mô của doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam. Xác định phương án tích hợp hệ thống quản lý theo ISO 9001 với 01 hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn khác và 01 công cụ cải tiến năng suất chất lượng. Tư vấn áp

dụng tích hợp ít nhất 02 hệ thống và 01 công cụ cải tiến năng suất chất lượng tại doanh nghiệp. Đánh giá tổng kết dự án và chia sẻ kinh nghiệm áp dụng hệ thống quản lý tích hợp và công cụ cải tiến năng suất chất lượng tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tổ chức hội thảo phổ biến và chia sẻ kết quả áp dụng mô hình tích hợp hệ thống công cụ tại miền Trung.

Số hồ sơ lưu: 19519

81795. 04-2022 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng nguồn nhân lực ngành dịch vụ logistics Việt Nam đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0/ TS.** Đinh Quang Toàn, ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; TS. Đỗ Anh Đức; TS. Nguyễn Chí Trường; ThS. Dương Thị Hòa; ThS. Lê Ngọc Thơm; ThS. Nguyễn Cao Hiến; TS. Nguyễn Xuân Nguyên; TS. Cảnh Chí Dũng; ThS. Phạm Văn Hào - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về nguồn nhân lực, chất lượng nguồn nhân lực và tiêu chí đánh giá chất lượng nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp. Thực trạng nguồn nhân lực và chất lượng nguồn nhân lực ngành dịch vụ logistics Việt Nam trong giai đoạn 2015-2020. Chiến lược và mục tiêu phát triển nguồn nhân lực ngành dịch vụ logistics Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, giai đoạn 2021-2030. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng nguồn nhân lực ngành dịch vụ



logistics Việt Nam đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, và lộ trình thực hiện trong giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: 19528

81866. 04-2022 **Tác động của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đối với xuất khẩu dệt may của Việt Nam đến năm 2020/** TS. Nguyễn Thanh Bình, TS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Nguyễn Thị Việt Hà; TS. Phạm Thùy Giang; TS. Lê Thị Thu Hằng - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm nghiên cứu, đánh giá những cơ hội, thách thức trong các cam kết TPP của Việt Nam đối với xuất khẩu dệt may và kiến nghị một số giải pháp tận dụng những cơ hội, hạn chế những thách thức nhằm thúc đẩy xuất khẩu dệt may của Việt Nam tới năm 2020. Tổng quan các cam kết trong TPP đối với xuất khẩu dệt may của Việt Nam; Những cơ hội và thách thức trong các cam kết TPP đối với xuất khẩu dệt may của Việt Nam; Giải pháp tận dụng những cơ hội và hạn chế thách thức đối với thúc đẩy xuất khẩu dệt may của Việt Nam thời kỳ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-067

**50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..**

79294. 04-2022 **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đẩy mạnh quốc tế hóa giáo dục Việt Nam/** GS.TS. Nguyễn Trọng Hoài, TS. Lý Thị Minh Châu; TS. Nguyễn Thị Thu

Thủy; TS. Trần Mai Đông; TS. Nguyễn Lưu Bảo Đoàn; PGS.TS. Trần Tiến Khai; PGS.TS. Hồ Việt Tiến; TS. Bùi Quang Hùng; TS. Phạm Khánh Nam; ThS. Nguyễn Văn Viên; ThS. Nguyễn Văn Dũng - TP. Hồ Chí Minh - Trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 11/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở khoa học và kinh nghiệm quốc tế về quốc tế hóa giáo dục, cơ sở lý luận cho quốc tế hóa hệ thống giáo dục Việt Nam. Đánh giá thực trạng quốc tế hóa giáo dục Việt Nam hiện nay, và hiện trạng quốc tế hóa hệ thống giáo dục Việt Nam theo khung phân tích. Đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả quốc tế hóa giáo dục, bao gồm các nội dung chính như: quan điểm đề xuất giải pháp thúc đẩy quốc tế hóa giáo dục; kiến nghị chính sách nâng cao hiệu quả quốc tế hóa giáo dục Việt Nam; và đề xuất giải pháp chương trình/ dự án nâng cấp các yếu tố đầu vào thúc đẩy hiệu quả quốc tế hóa giáo dục.

Số hồ sơ lưu: 18502

78774. 04-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn và giải pháp công nghệ xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ thi tuyển và thi nâng ngạch đối với công chức; thi tuyển và thi thăng hạng đối với viên chức tại Bộ Tài nguyên và Môi trường/** CN. Phạm Tân Tuyền, ThS. Đặng Thị Thu Trang; ThS. Bùi Đức Hiếu; KS. Nhâm Ngọc Tân; KS. Trần Huy Cường; KS. Nguyễn Trung Thông; KS. Nguyễn Thành Kiên; KS. Chu Ngọc Kiên - Hà Nội -

Trung tâm công nghệ phần mềm và GIS, 2020 - 12/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng phần mềm quản lý thi tuyển, thi nâng ngạch đối với công chức, thi tuyển, thi thăng hạng viên chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Xây dựng, tích hợp ngân hàng câu hỏi đối với các môn thi bằng phần mềm. Xây dựng được báo cáo hướng dẫn cơ chế vận hành, quản lý, khai thác hệ thống và phân công trách nhiệm cụ thể đến từng tổ chức, cá nhân tham gia có liên quan tại Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Số hồ sơ lưu: 18152

79282. 04-2022 **Đánh giá hiệu quả và tác động chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc từ Đổi mới đến nay/** GS. TS. Mai Ngọc Cường, TS. Nguyễn Đăng Núi (Thư ký); GS. TS. Trần Công Phong; PGS. TS. Nguyễn Thị Lan Hương; GS. TS. Lê Quốc Hội; TS. Nguyễn Hữu Dũng; TS. Đoàn Thị Kiều Vân; TS. Phạm Hương Thảo; ThS. Phan Văn Cương; ThS. Trần Lan Hương; PGS. TS. Đỗ Thị Hải Hà; PGS. TS. Mai Ngọc Anh; TS. Nguyễn Thị Lê Thúy; TS. Nguyễn Đình Hưng; ThS. Lê Thị Thu Hương; TS. Mai Anh Bảo; ThS. Nguyễn Nguyệt Minh; PGS. TS. Trần Việt Tiến - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020 - 06/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu đánh giá hiệu quả và tác động của chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc, bao gồm: (i) chính sách dạy

nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc; (ii) quan điểm, cách tiếp cận về hiệu quả và tác động của chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc; (iii) khung giám sát và đánh giá chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc; (iv) bộ công cụ và hệ thống tiêu chí/chỉ tiêu đánh giá hiệu quả và tác động của chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc. Nghiên cứu một số mô hình có hiệu quả về dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động dân tộc thiểu số của một số quốc gia trên thế giới; bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Hệ thống hoá các chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc từ Đổi mới đến nay; Phân tích thực trạng dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 18361

80753. 04-2022 **Cơ sở khoa học cho việc đề xuất hệ thống giải pháp thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 44-NQ/CP/** PGS.TS. Nguyễn Kim Sơn, GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc; GS.TS. Nguyễn Hữu Đức; GS.TS. Lê Ngọc Hùng; PGS.TS. Phạm Văn Thuận; PGS.TS. Dương Thị Hoàng Yên; TS. Nguyễn Đắc Hưng; TS. Đỗ Thị Thu Hằng; TS. Nghiêm Xuân Huy; TS. Tạ Thị Thu Hiền - Hà Nội - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021 - 10/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở khoa học về đánh giá chính sách, chiến lược quốc gia. Xây dựng khung phân tích đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 44-NQ/CP. Khảo và và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 44-NQ/CP. Đề xuất, kiến nghị hệ thống giải pháp từ Trung ương đến địa phương nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 44-NQ/CP.

Số hồ sơ lưu: 19125

80976. 04-2022 **Nghiên cứu đề xuất chương trình tập huấn nâng cao năng lực cán bộ quản lý nhằm tăng cường hiệu lực thi hành pháp luật trong lĩnh vực vận tải và an toàn giao thông/** TS. Trần Thị Bích Ngọc, ThS. Trần Thị Thủy; ThS. Ngô Anh Tuấn; ThS. Đinh Thị Hải Yên; ThS. Nguyễn Văn Nghĩa; ThS. Đinh Công Tuấn; ThS. Nguyễn Văn Trường; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; KS. Nguyễn Hồng Kiên - Hà Nội - Trường cán bộ quản lý giao thông vận tải, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn công tác tập huấn cho cán bộ quản lý nâng cao năng lực thi hành pháp luật trong lĩnh vực vận tải và an toàn giao thông. Khái quát về thực trạng công tác tập huấn nâng cao năng lực thi hành pháp luật trong lĩnh vực vận tải và an toàn giao thông đối với cán bộ quản lý, kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân những hạn chế đó. Đưa ra giải pháp thiết thực là hoàn thiện

công tác tập huấn về nội dung, chương trình, phương pháp tập huấn, hiện đại hóa cơ sở đào tạo, bồi dưỡng phục vụ cho công tác tập huấn, tăng nguồn kinh phí đầu tư cho công tác tập huấn. Nghiên cứu xây dựng mới chương trình tập huấn nâng cao năng lực thi hành pháp luật trong lĩnh vực vận tải và an toàn giao thông đối với cán bộ quản lý.

Số hồ sơ lưu: 19228

### **50401. Xã hội học nói chung**

80553. 04-2022 **Công nghiệp 4.0 ở Liên minh Châu Âu và một số quốc gia thành viên/** TS. Đỗ Tá Khánh, ThS. Nguyễn Thị Phương Dung; TS. Đinh Mạnh Tuấn; ThS. Nguyễn Bích Thuận; ThS. Trịnh Thành Vinh; ThS. Phan Thị Thanh Huyền; ThS. Đồng Thị Thùy Linh; CN. Nguyễn Hồng Lâm - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2021 - 01/2019 - 02/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ các khái niệm và định hướng chính sách về Công nghiệp 4.0 đang phổ biến tại EU và các nước thành viên. Làm rõ các thể chế của EU và một số nước thành viên về thúc đẩy công nghiệp 4.0, và thực trạng phát triển công nghiệp 4.0 trong khu vực. Rút ra những vấn đề nền tảng và kinh nghiệm tốt nhất từ EU và một số nước thành viên nhằm phục vụ cho việc xây dựng thể chế hướng đến Công nghiệp 4.0 ở Việt Nam. Từ việc nghiên cứu về nhận thức và thực trạng phát triển công nghiệp 4.0 ở EU và một số nước thành viên hiện nay, rút ra các khuyến nghị chính sách nhằm góp phần vào việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách liên quan đến

thúc đẩy Công nghiệp 4.0 ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19055

#### **50402. Nhân khẩu học**

79397. 04-2022 **Vai trò người cao tuổi trong xã hội Việt Nam đang già hóa/** PGS.TS.Trần Thị Minh Thi, ThS. Lỗ Việt Phương; ThS. Trịnh Thái Quang; ThS. Nguyễn Hà Đông; ThS. Đặng Thanh Nhân; ThS. Phan Huyền Dân; ThS. Nguyễn Đức Tuyên - Hà Nội - Viện Nghiên cứu gia đình và giới, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích những đặc điểm chính về già hóa dân số, đặc điểm của người cao tuổi Việt Nam hiện nay. Đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội ảnh hưởng đến vai trò của người cao tuổi. Vai trò của người cao tuổi trong xã hội Việt Nam hiện nay trên các khía cạnh: vai trò trong kinh tế, vai trò trong giáo dục và xã hội hóa; vai trò trong chính trị ở cấp cơ sở; và phân tích những yếu tố ảnh hưởng. Đề xuất các khuyến nghị chính sách phát huy vai trò của người cao tuổi.

Số hồ sơ lưu: 18503

#### **50404. Dân tộc học**

79183. 04-2022 **Truyền thông ở vùng dân tộc thiểu số, thực trạng và giải pháp/** PGS. TS. Lưu Văn An, PGS. TS. Nguyễn Thị Trường Giang; GS. TS. Dương Xuân Ngọc; PGS. TS. Nguyễn Văn Dũng; TS. Bé Trung Anh; PGS. TS. Nguyễn Xuân Phong; TS. Nhạc Phan Linh; PGS. TS. Đỗ Đức Minh; TS. Phạm Hải Chung; TS. Phí Hùng Cường - Hà Nội - Học viện Báo chí và Tuyên

truyền, 2021 - 04/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng khung lý thuyết, phân tích thực trạng hiệu quả, tác động của công tác truyền thông ở vùng DTTS nước ta từ năm 1986 đến nay, từ đó nhận diện những vấn đề cấp bách, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông ở vùng DTTS nước ta đến năm 2030, góp phần thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước và hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 18364

79283. 04-2022 **Đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân vùng dân tộc thiểu số trong thời kỳ Đổi mới/** PGS. TS. Đỗ Thị Hải Hà, PGS. TS. Mai Ngọc Anh (Thư ký); GS. TS. Nguyễn Đình Hương; PGS. TS. Phạm Bích San; GS. TS. Lê Quốc Hội; PGS. TS. Nguyễn Thị Song Hà; PGS. TS. Đào Quang Vinh; TS. Nguyễn Văn Hồi; TS. Nguyễn Đình Hưng; ThS. Cẩm Anh Tuấn; TS. Nguyễn Đăng Núi; TS. Vũ Duy Nguyên; TS. Nguyễn Thị Hồng Minh; ThS. Đinh Viết Hoàng; ThS. Mạc Thị Hải Yến; ThS. Dương Thùy Linh; PGS. TS. Nguyễn Thị Ngọc Huyền - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020 - 06/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan nghiên cứu và xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu, đánh giá về đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân tộc thiểu số vùng dân tộc thiểu số; Bài học kinh nghiệm về đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân tộc thiểu số



vùng dân tộc thiểu số của một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới; Đánh giá thực trạng đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân tộc thiểu số vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam (tập trung vào đối tượng là người dân tộc thiểu số thời kỳ Đổi mới đến nay). Đánh giá tác động của đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản đến chất lượng cuộc sống của người dân tộc thiểu số vùng dân tộc thiểu số; Hệ thống hoá và đánh giá thực trạng và quá trình thực hiện các chính sách về đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân tộc thiểu số vùng dân tộc thiểu số từ năm 1986 đến nay; Xác định nhu cầu đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản của người dân tộc thiểu số vùng dân tộc thiểu số đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: 18363

80518. 04-2022 **Đánh giá hiệu quả, tác động của chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế thực hiện ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi từ năm 1990 đến nay/** TS. Trần Minh Hằng, TS. Nguyễn Thị Tâm; PGS. TS. Vương Xuân Tình; TS. Hà Việt Quân; TS. Đặng Đức Anh; TS. Nguyễn Thắng; TS. Phạm Thái Hưng; TS. Phạm Vũ Thắng; ThS. Hoàng Trung Đông; ThS. Hoàng Văn Bình - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2020 - 04/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định khung lý thuyết nghiên cứu, đánh giá, tác động của các chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế thực hiện ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Tổng quan và rút ra các bài học kinh nghiệm của một số quốc gia về thực hiện các

chương trình, dự án hợp tác quốc tế ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Đánh giá các kết quả, hiệu quả, tác động của các chương trình, dự án phát triển của các tổ chức quốc tế đã thực hiện ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi từ năm 1990 đến nay; Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả, hiệu quả, tác động của các chương trình, dự án phát triển của các tổ chức quốc tế thực hiện ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Rút ra các bài học kinh nghiệm trong thực hiện các chương trình, dự án quốc tế ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam. Đề xuất quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả các chương trình, dự án quốc tế thực hiện ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 19054

**50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội**

78773. 04-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất phương pháp đánh giá tổn thất và thiệt hại (loss and damage) do biến đổi khí hậu gây ra ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Trung Thắng, ThS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; ThS. Lưu Lê Hương; TS. Lê Minh Nhật; TS. Nguyễn Sỹ Linh; TS. Nguyễn Tùng Lâm; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Đào Cảnh Tùng; ThS. Lê Nam Thành; ThS. Tăng Quỳnh Anh - Hà Nội - Viện Chiến lược, Chính sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2020 - 07/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp cơ sở lý luận, thực tiễn về tổn thất và thiệt hại (TT&TH) do

biến đổi khí hậu (BĐKH) gây ra ở Việt Nam. Nhận diện và dự báo xu hướng diễn biến các tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra ở Việt Nam. Xây dựng được quy trình và phương pháp xác định TT&TH do biến đổi khí hậu gây ra ở Việt Nam. Đề tài đã làm rõ cơ sở lý luận về tổn thất và thiệt hại (TT&TH) do biến đổi khí hậu gây ra. Kinh nghiệm của một số nước đã mang lại những bài học cho Việt Nam trong việc nhận diện và dự báo những tổn thất và thiệt hại liên quan đến biến đổi khí hậu, đưa ra các công cụ và phương pháp đánh giá. Trên cơ sở đó, đề tài đã đề xuất được quy trình, phương pháp đánh giá các tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18154

79172. 04-2022 **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp xây dựng gia đình bền vững, góp phần thực hiện tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới/** TS. Đặng Thị Việt Phương, PGS. TS. Nguyễn Đức Vinh; PGS. TSKH. Bùi Quang Dũng; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; TS. Đoàn Kim Thắng; TS. Hà Hữu Nga; TS. Nguyễn Thị Trà Vinh; ThS. Trần Quý Long; ThS. Phạm Thị Vân; ThS. Đặng Thị Linh - Hà Nội - Viện Xã hội học, 2021 - 11/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ các nền tảng chính sách, pháp luật và thực tiễn nghiên cứu về gia đình Việt Nam nói chung và gia đình nông thôn nói riêng trong xây dựng nông thôn mới; Nghiên cứu thực trạng gia đình nông thôn hiện

nay, có tính tới những yếu tố đặc trưng vùng; Nhận diện các vấn đề đặt ra đối với gia đình nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững giai đoạn 2016-2020, chú ý tới những vấn đề như bình đẳng giới, bạo lực gia đình và chăm sóc các thành viên gia đình; Đánh giá các mô hình gia đình hiện có tại nông thôn, có tính tới những khác biệt giữa các vùng, làm rõ quan điểm, định hướng đối với gia đình nông thôn hiện nay; Đề xuất các giải pháp xây dựng gia đình nông thôn bền vững, nhằm đáp ứng nhu cầu ổn định xã hội, tạo nguồn lực cho quá trình xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Số hồ sơ lưu: 18347

79175. 04-2022 **Giải pháp chính sách khuyến khích sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới vùng Tây Nguyên trong bối cảnh mới/** PGS. TS. Hà Đình Thành, PGS. TS. Bùi Quang Tuấn; TS. Nguyễn Đình Chúc; PGS. TS. Nguyễn Chiến Thắng; TS. Lương Minh Huân; TS. Lê Anh Vũ; PGS. TS. Mai Hà; TS. Tuyết Hoa NiekĐăm; TS. Phạm Sỹ An; TS. Nguyễn Đức Đồng; TS. Lê Văn Hùng; TS. Võ Thị Minh Lệ; TS. Nguyễn Duy Thụy; TS. Vũ Quốc Huy; TS. Phạm Thị Vân; TS. Hà Huy Ngọc; TS. Khổng Quốc Minh; TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; TS. Hoàng Văn Tuyên - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, 2020 - 06/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ những vấn đề lý luận về khuyến khích sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới trong bối cảnh hội

nhập và kỷ nguyên số. Làm rõ thực trạng hoạt động khuyến khích sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới ở Tây Nguyên trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế hiện nay. Đề xuất chính sách khuyến khích sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới ở Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập quốc tế và trong kỷ nguyên số.

Số hồ sơ lưu: 18356

79284. 04-2022 **Nghiên cứu hòa nhập xã hội của phụ nữ dân tộc thiểu số từ cách tiếp cận phát triển con người/** TS. Vũ Thị Thanh, ThS. Lê Thị Thu Hà; TS. Lê Thị Đan Dung; ThS. Nguyễn Thị Huệ; ThS. Lưu Thị Lịch; TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Anh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Con người, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận của việc nghiên cứu hòa nhập xã hội của phụ nữ dân tộc thiểu số (DTTS) từ tiếp cận phát triển con người. Phân tích tình trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hòa nhập xã hội của phụ nữ DTTS từ cách tiếp cận phát triển con người. Đề xuất giải pháp tăng cường hòa nhập xã hội của phụ nữ dân tộc thiểu số.

Số hồ sơ lưu: 18507

80915. 04-2022 **Chính sách và giải pháp thích ứng đối với người khuyết tật trong hoạt động thể dục thể thao ở các trung tâm văn hóa đô thị đến năm 2030/** PGS. TS. Đặng Văn Dũng, TS. Đinh Thị Mai Anh; GS.TS. Nguyễn Đại Dương; PGS. TS. Nguyễn Văn Phúc; PGS. TS. Nguyễn Hồng Dương; TS. Nguyễn Ngọc Toàn; TS. Đặng Hà

Việt; TS. Võ Văn Vũ; ThS. Đỗ Thị Thanh Huyền; BS. Trần Văn Lý - Bắc Ninh - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, 2020 - 06/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận về chính sách và thích ứng đối với người khuyết tật trong hoạt động thể dục thể thao ở các trung tâm văn hóa đô thị. Kinh nghiệm chính sách thể dục thể thao đối với người khuyết tật của một số quốc gia trên thế giới và bài học áp dụng cho Việt Nam Đánh giá khả năng, nhu cầu, thực trạng và những điều kiện bảo đảm tham gia hoạt động thể dục thể thao của người khuyết tật ở các trung tâm văn hóa đô thị. Thực trạng chính sách thích ứng đối với người khuyết tật trong hoạt động thể dục thể thao từ năm 2011 (từ khi Luật người khuyết tật có hiệu lực) đến nay. Các yếu tố ảnh hưởng đến thích ứng thể dục thể thao của người khuyết tật ở các trung tâm văn hóa đô thị. Dự báo triển vọng phát triển thể dục thể thao thích ứng cho người khuyết tật ở các trung tâm đô thị cho tới năm 2030. Đề xuất chính sách, giải pháp thích ứng đối với người khuyết tật trong hoạt động thể dục thể thao ở các trung tâm văn hóa đô thị đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 19224

### **50501. Luật học**

79184. 04-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện Kết luận thanh tra và xử lý sau thanh tra, Kết luận nội dung tố cáo và Quyết định giải quyết khiếu nại/** TS. Lê Việt Long, TS. Phạm Quang Hiệu; ThS. Bùi

Dũng Thế; ThS. Nguyễn Văn Quân; ThS. Vũ Xuân Quỳnh; CN. Nguyễn Khắc Quý; ThS. Nguyễn Thùy Linh; CN. Trần Trọng Hậu; CN. Nguyễn Minh; CN. Nguyễn Xuân Đôn - Hà Nội - Thanh tra Bộ Công thương, 2021 - 12/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đầy đủ công tác thực hiện Kết luận thanh tra và xử lý sau thanh tra, Kết luận nội dung tố cáo và Quyết định giải quyết khiếu nại. Coi đây là một nhiệm vụ quan trọng của công tác tiến hành các cuộc thanh tra, công tác xác minh tố cáo và giải quyết khiếu nại, theo quy định của pháp luật hiện hành; nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp hiệu quả đối với nhiệm vụ thực hiện Kết luận thanh tra và xử lý sau thanh tra. Kết luận nội dung tố cáo và Quyết định giải quyết khiếu nại phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường tính tập trung, thống nhất, chủ động và tự chịu trách nhiệm trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo; nâng cao năng lực giải quyết khiếu nại, tố cáo cho công chức làm công tác thanh tra tại Thanh tra Bộ Công Thương.

Số hồ sơ lưu: 18378

80074. 04-2022 **Thực hiện ủy thác thu bảo hiểm xã hội/** ThS. Dương Văn Hào, CN. Trần Thanh Hương; KS. Đinh Duy Hùng; ThS. Bùi Quang Huy; TS. Trần Minh Thắng; CN. Vũ Văn Phong; CN. Lương Đức Ôn; ThS. Bùi Việt Hùng; ThS. Lưu Thị Thu Thủy; CN. Nguyễn Văn Tiết - Hà Nội - Ban

Quản lý Thu - Sở, Thẻ, 2020 - 10/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận về chính sách BHXH, BHYT, quản lý thu, phát triển đối tượng tham gia và vấn đề ủy thác thu BHXH; Phân tích, đánh giá thực trạng về công tác thu, phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT. Xây dựng nội dung, nhiệm vụ thực hiện ủy thác nhằm đa dạng hóa phương thức rà soát, điều tra kê khai tham gia, thu, đóng BHXH, BHYT của các đơn vị, doanh nghiệp và người lao động. Xây dựng điều kiện, tiêu chuẩn đối với tổ chức nhận ủy thác thu BHXH; Xây dựng quy trình ủy thác thu BHXH, quyền lợi và trách nhiệm của các bên tham gia hoạt động ủy thác thu. Phân định rõ đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT và tổ chức thực hiện ủy thác thu BHXH để khai thác triệt nhằm tăng nhanh diện bao phủ, phát triển người tham gia BHXH, BHYT. Giảm tải đáng kể khối lượng công việc của BHXH Việt Nam trong việc rà soát, xác định đối tượng phải tham gia, đơn đốc nộp BHXH, BHYT nhằm tập trung nguồn lực để nâng cao chất lượng phục vụ.

Số hồ sơ lưu: 18945

80957. 04-2022 **Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng định hướng cải cách tư pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ giai đoạn 2021-2035/** TS. Nguyễn Văn Cương, ThS. Ngô Thanh Xuyên; PGS.TS. Trần Văn Độ; GS.TS. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Mai Lương Khôi; TS. Dương Thị Thanh Mai; TS. Nguyễn



Quang Thái; TS. Nguyễn Minh Khuê; TS. Nguyễn Hữu Huyền; TS. Nguyễn Thị Kim Thoa; ThS. Nguyễn Phước Thọ; TS. Đào Thị Hoài Thu; ThS. Đặng Kim Hoa; ThS. Trần Thu Hương; ThS. Lê Thị Anh Nga; ThS. Nguyễn Thị Thanh; ThS. Nguyễn Hữu Quảng; ThS. Đinh Công Tuấn; ThS. Kiều Thị Hảo; ThS. Nguyễn Thị Lan - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 04/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất những định hướng, nhiệm vụ trọng tâm CCTP thuộc chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2035, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của đất nước trong bối cảnh hội nhập và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, duy trì và thực thi công lý, góp phần hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19216

80958. 04-2022 **Công ước La Hay 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại: Kinh nghiệm quốc tế và đề xuất đối với Việt Nam/** ThS. Phạm Hồ Hương, CN. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Bạch Quốc An; CN. Trần Thị Minh Hà; TS. Lê Mạnh Hùng; TP. Hoàng Ngọc Thành; ThS. Hà Tú cầu; ThS. Nguyễn Mai Phương; CN. Vũ Thị Thu; ThS. Hoàng Ngọc Bích - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 04/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thực hiện Quyết định số 1440 QĐ-TTg ngày 16/8/2013 của

Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện quyền và nghĩa vụ thành viên Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế (Quyết định 1440 QĐ-TTg), trong đó có nhiệm vụ nghiên cứu việc gia nhập các Công ước của HCCH; Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện thể chế pháp luật Việt Nam TTCC trong các hoạt động tố tụng dân sự; tăng cường cơ sở pháp lý quốc tế cho hoạt động TTTP của Việt Nam với nước ngoài; Cung cấp các thông tin giúp Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc gia nhập và thực thi Công ước; Hỗ trợ Bộ Tư pháp thực hiện tốt, chủ động nhiệm vụ của Cơ quan đầu mối về TTTP về dân sự chuẩn bị gia nhập và thực thi Công ước trong lĩnh vực TTTP về dân sự;

Số hồ sơ lưu: 19218

81139. 04-2022 **Những vấn đề cơ bản và cấp bách trong xây dựng, thực thi pháp luật ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta/** PGS.TS. Nguyễn Quốc Sửu, TS. Ngô Văn Nhân; GS.TS. Lê Hồng Hạnh; ThS. Hoàng Đình Khuê; PGS.TS. Lâm Bá Nam; GS.TS. Phạm Hồng Thái; TS. Bùi Thị Thanh Thúy; PGS.TS. Đặng Minh Tuấn; PGS.TS. Võ Trí Hảo; TS. Nguyễn Hồng Chuyên - Hà Nội - Viện Nghiên cứu pháp luật và kinh tế ASEAN, 2021 - 04/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan cơ sở lý luận về xây dựng, thi hành pháp luật ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta. Tìm hiểu thực trạng xây dựng, thi hành pháp luật ở vùng dân tộc thiểu

số và miền núi. Nhận diện những vấn đề cơ bản, cấp bách trong xây dựng, thi hành pháp luật ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta để từ đó đưa ra giải pháp bảo đảm nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, hiệu quả thi hành pháp luật ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta tầm nhìn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 19369

81800. 04-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất một số giải pháp bảo hộ SEP (standard essential patent) ở Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Minh Hằng, ThS. Vũ Thị Hân; ThS. Đỗ Thị Xuân Hương; CN. Lê Quang Dũng; ThS. Lê Thị Hằng; ThS. Trần Thị Thu Hằng; ThS. Phạm Thị Huế; CN. Hoàng Duy Khánh; ThS. Phạm Hải Minh - Hà Nội - Viện Khoa học sở hữu trí tuệ, 2021 - 03/2020 - 02/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về bảo hộ sáng chế thiết yếu với tiêu chuẩn (SEP) và vấn đề cân bằng lợi ích giữa các chủ thể liên quan đến sáng chế thiết yếu với tiêu chuẩn được bảo hộ. Cơ sở thực tiễn về bảo hộ sáng chế thiết yếu với tiêu chuẩn và vấn đề cân bằng lợi ích giữa các chủ thể liên quan đến sáng chế thiết yếu với tiêu chuẩn được bảo hộ. Đề xuất các giải pháp đảm bảo cân bằng lợi ích giữa các chủ thể liên quan đến sáng chế thiết yếu với tiêu chuẩn được bảo hộ ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19530

### **50601. Khoa học chính trị**

79171. 04-2022 **Xây dựng Đảng về tư tưởng ở Việt Nam hiện nay:**

**Một số vấn đề lý luận và thực tiễn/** TS. Vũ Thị Kiều Phương, PGS. TS. Cao Thu Hằng; TS. Đào Thị Minh Thảo; PGS. TS. Nguyễn Chí Hiếu; TS. Nguyễn Đình Hòa; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hà; PGS. TS. Nguyễn Minh Hoàn; ThS. Lê Thanh Tùng; TS. Trần Thị Huyền; ThS. Nguyễn Như Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Hào - Hà Nội - Viện Triết học, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số vấn đề lý luận của xây dựng Đảng về tư tưởng ở Việt Nam hiện nay. Trình bày và phân tích một số khái niệm của xây dựng Đảng về tư tưởng; những nguyên tắc cơ bản trong xây dựng Đảng về tư tưởng; phân tích chủ thể xây dựng Đảng về tư tưởng ở Việt Nam hiện nay; các nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng Đảng về tư tưởng ở Việt Nam hiện nay; nội dung xây dựng Đảng về tư tưởng ở Việt Nam hiện nay; kinh nghiệm xây dựng Đảng về tư tưởng ở Trung Quốc, qua đó nêu một số gợi ý cho xây dựng Đảng về tư tưởng ở Việt Nam hiện nay. Trình bày và phân tích thực tiễn của xây dựng Đảng về tư tưởng ở Việt Nam hiện nay và một số vấn đề đặt ra. Đề xuất một số giải pháp để xây dựng Đảng về tư tưởng ở Việt Nam hiện nay đạt hiệu quả tốt hơn.

Số hồ sơ lưu: 18359

79185. 04-2022 **Nghiên cứu mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thời đại ngày nay - Trường hợp Trung Quốc sau Đại hội XIX của Đảng Cộng sản Trung Quốc/** PGS. TS. Phạm Thị Hoàng Hà, TS. Nguyễn Văn Quyết; PGS. TS.

Nguyễn An Ninh; TS. Nguyễn Thị Thu Huyền; PGS. TS. Phan Thanh Khôi; TS. Nguyễn Thị Hà; PGS. TS. Đỗ Thị Thạch; PGS. TS. Trần Thọ Quang; TS. Nguyễn Anh Tuấn; CN. Nguyễn Thị Tuyết - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội hiện thực; mô hình cụ thể của Trung Quốc sau Đại hội lần thứ XIX (2017); đề tài chỉ ra các bài học tham khảo với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Đề tài sử dụng những quan điểm mang tính nguyên tắc phương pháp luận mác xít: quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển, quan điểm lịch sử - cụ thể; gắn lý luận với thực tiễn để nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội hiện thực qua mô hình chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới.

Số hồ sơ lưu: 18372

79197. 04-2022 **Vị thế của Đông Nam Á trong chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ**/ PGS. TS. Nguyễn Huy Hoàng, ThS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Trương Quang Hoàn; ThS. Nguyễn Đức Hạnh; TS. Hà Lê Huyền; ThS. Nguyễn Thị Lý - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ sự ra đời, quá trình triển khai của Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ. Nhận diện vị trí và vai trò của Đông Nam Á trong Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ. Đánh giá

tác động của Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tới khu vực Đông Nam Á, Việt Nam và qua đó đưa ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18373

79229. 04-2022 **Chính sách hướng nam mới của Đài Loan và tác động của nó đối với quan hệ Đài Loan - Đông Nam Á**/ TS. Đàm Huy Hoàng, TS. Quách Quang Hồng; ThS. Lê Hoàng Anh; TS. Trần Lê Minh Trang; CN. Hà Hồng Phong - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở hoạch định, mục tiêu, nội dung của chính sách hướng Nam mới; Chỉ ra những tác động của chính sách hướng Nam mới đối với quan hệ Đài Loan - Đông Nam Á; Dự báo triển vọng phát triển của chính sách hướng Nam mới và quan hệ Đài Loan - Đông Nam Á trong những năm tới; Đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác Đông Nam Á - Đài Loan.

Số hồ sơ lưu: 18374

79308. 04-2022 **Quan hệ Việt Nam - Thái Lan từ năm 2014 đến 2020**/ TS. Nguyễn Hồng Quang, TS. Hà Lê Huyền; ThS. Nguyễn Quế Thương; ThS. Nguyễn Thị Lý; ThS. Trương Quang Hoàn - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2020 - - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện những nhân tố tác động đến mối quan hệ giữa Việt Nam và Thái Lan từ năm 2014 - 2020. Phân tích thực trạng mối quan hệ Việt Nam - Thái Lan từ sau cuộc

đảo chính quân sự tại Thái Lan đến năm 2020, đưa ra những đánh giá về thành tựu và hạn chế. Dự báo xu hướng quan hệ giữa Việt Nam - Thái Lan giai đoạn sau năm 2020. Nêu ra những đề xuất, kiến nghị nhằm phát thúc đẩy mối quan hệ giữa Việt Nam - Thái Lan trong giai đoạn mới.

Số hồ sơ lưu: 18489

80955. 04-2022 **Chính sách của Trung Quốc đối với Biển Đông sau Đại hội XIX và đối sách của Việt Nam/** TS. Bùi Thị Thu Hiền, ThS. Vũ Thị Phương Dung; ThS. Vũ Thị Vân Dung; ThS. Chữ Đình Phúc; ThS. Nguyễn Đặng Lan Anh; TS. Vũ Kiều Oanh; PGS.TS. Trần Thọ Quang; CN. Vũ Lệ Hằng; CN. Trần Thị Thúy Lan - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tập trung làm rõ chủ trương chính sách của Trung Quốc ở Biển Đông để từ đó đánh giá tác động của chính sách và kiến nghị đối sách cho Việt Nam. Tuy nhiên, do khu vực mà Trung Quốc gọi là Nam Hải là vùng biển phía Nam của nước này có 2 khu vực (1) Khu vực Trung Quốc có chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán đúng theo các quy định của Công ước luật biển và Luật pháp quốc tế; (2) Khu vực Trung Quốc tuyên bố yêu sách chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trái với Công ước, luật pháp quốc tế và bị các quốc gia trong và ngoài khu vực phản đối. Mục tiêu chính của đề tài sẽ chủ yếu tập trung làm rõ chủ trương chính sách của nước này ở khu vực thứ (2).

Số hồ sơ lưu: 19229

81745. 04-2022 **Vấn đề đảm bảo quốc phòng và an ninh cho phát triển bền vững Tây Nam bộ/** TS. Trần Tấn Hùng, PGS.TS. PGS. TS. Nguyễn Trọng Tuấn; PGS. TS. Văn Đức Thanh; GS. TS. Nguyễn Đình Chiến; GS. TS. Bùi Quảng Bạ; PGS. TS. Trần Minh Thư; TS. Đàm Trọng Tùng; ThS. Nguyễn Hoàng; TS. Nguyễn Minh Thắng; TS. Đặng Quốc Thành; ThS. Nguyễn Văn Thủy; ThS. Vũ Văn Tuấn; TS. Tô Hiến Thà; TS. Phạm Tuấn Anh; ThS. Vũ Xuân Cảnh; TS. Phùng Văn Như; ThS. Phạm Văn Minh; TS. Nguyễn Hữu Quyên; ThS. Trần Thị Lê; ThS. Đặng Trường Minh - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2021 - 04/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý luận về đảm bảo quốc phòng và an ninh cho phát triển bền vững vùng địa bàn chiến lược Tây Nam bộ. Phân tích thực trạng tình hình đảm bảo quốc phòng và an ninh cho phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ trên từng lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường sinh thái theo quan điểm phát triển bền vững. Dự báo tình hình quốc phòng và an ninh vùng Tây Nam bộ, đặc biệt dự báo các điểm nóng, xác định yêu cầu mới đảm bảo quốc phòng và an ninh cho phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ. Đề xuất hệ quan điểm, mô hình, giải pháp đảm bảo quốc phòng và an ninh cho phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ thời kỳ mới.

Số hồ sơ lưu: 19522



**50602. Hành chính công và quản lý hành chính**

78775. 04-2022 **Nhóm lợi ích kinh tế trong khu vực nhà nước - nhận diện và cơ chế gây ảnh hưởng đến chính sách công ở Việt Nam hiện nay/** TS. Trịnh Thị Xuyên, ThS. Trần Mai Hùng; TS. Ngô Huy Đức; TS. Lưu Văn Quảng; TS. Phạm Thế Lực; TS. Tống Đức Thảo; ThS. Nguyễn Thị Hồng Minh - Hà Nội - Viện Chính trị học, 2020 - 11/2013 - 11/2015. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ở Việt Nam, nhóm lợi ích kinh tế là khái niệm mới, hiện nay chưa được sử dụng phổ biến và gây nhiều tranh luận. Tuy nhiên, trên thực tế không thể phủ nhận sự tồn tại, cũng như việc tác động đến chính sách của các nhóm lợi ích kinh tế. Các nhóm lợi ích kinh tế đã xuất hiện và phát triển một cách tự nhiên song song với quá trình đổi mới kinh tế, chính trị trong những năm vừa qua. Thời gian qua các nhóm lợi ích kinh tế đã tích cực hoạt động nhằm bảo vệ lợi ích cho các thành viên, hội viên của mình. Trong nhận thức của nhiều người, việc tác động của nhóm lợi ích kinh tế đến chính sách vẫn thường bị coi đồng nghĩa với việc chạy chọt, hối lộ, đút lót, mua chuộc các quan chức có ảnh hưởng tới các quyết định chính sách.

Số hồ sơ lưu: 18150

80519. 04-2022 **Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ văn hóa cơ sở tại các tỉnh biên giới miền Trung, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ/** TS. Phạm Quế Anh, ThS. Phạm Thu Hà; ThS.

Nguyễn Thanh Thủy; TS. Hoàng Thị Bình; PGS. TS. Lê Ngọc Thắng; TS. Đậu Thị Ánh Tuyết; TS. Trần Thị Tuyết Mai; ThS. Lưu Thị Ngọc Mai; ThS. Trần Thị Thanh Tâm; TS. Phạm Thị Như Quỳnh - Hà Nội - Trường Cán bộ quản lý văn hóa, thể thao và du lịch, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ văn hoá cơ sở các tỉnh biên giới miền Trung, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Đánh giá thực trạng chất lượng hoạt động văn hoá, gia đình, thể thao và du lịch của đội ngũ cán bộ văn hoá cơ sở và tình hình đội ngũ cán bộ văn hoá cơ sở tại các tỉnh biên giới miền Trung, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ văn hoá cơ sở tại các tỉnh biên giới miền Trung, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Đề xuất chương trình bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ văn hoá cơ sở các tỉnh biên giới miền Trung, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

Số hồ sơ lưu: 19056

80527. 04-2022 **Mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân ở Việt Nam hiện nay/** TS. Phan Thanh Hà, ThS. Lê Thương Huyền; PGS. TS. Vũ Thư; ThS. Cao Việt Thắng; ThS. Mai Minh Ngọc; CN. Lê Quang Thương; GS. TS. Phan Trung Lý; PGS. TS. Nguyễn Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Thanh Tùng - Hà Nội - Viện Nhà nước và Pháp luật, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm sáng tỏ mối quan hệ chính trị - pháp lý, bình đẳng, tương tác về

quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm hai bên giữa Nhà nước và công dân ở Việt Nam trong bối cảnh mới, hướng tới tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý cho mối quan hệ này ngày càng phát triển tốt hơn. Luận giải và làm sáng tỏ các vấn đề lý luận cơ bản và các quan niệm mới về các mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân trong xã hội hiện đại và ở Việt Nam; Đánh giá thực tiễn pháp luật và thực tiễn vận hành của mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân ở Việt Nam hiện nay; Đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện cơ sở pháp lý nhằm bảo đảm, củng cố mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân ở Việt Nam trong giai đoạn mới.

Số hồ sơ lưu: 19057

80959. 04-2022 **Cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước - Kinh nghiệm quốc tế và giá trị tham khảo cho Việt Nam/** TS. Võ Đình Toàn, ThS. Đinh Công Tuấn; TS. Nguyễn Văn Hiến; TS. Phan Trung Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Minh Phương; TS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Vũ Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Thị Kim Chung; TS. Trần Thị Quang Hồng; ThS. Lê Thị Thiệu Hoa; ThS. Hà Tú Cầu; ThS. Kiều Thị Hào; ThS. Ngô Thanh Xuyên; CN. Nguyễn Huy Hoàng; CN. Nguyễn Thị Thu Thảo; CN. Ngô Thị Huyền - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 04/2019 - 04/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những vấn đề lý luận về cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước

(khái niệm, bản chất, vai trò, ý nghĩa, các bộ phận cấu thành của cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước như chủ thể đánh giá, đối tượng đánh giá, nội dung đánh giá, phương pháp, mục tiêu, công cụ đánh giá, các yếu tố tác động đến quá trình đánh giá.); Làm rõ cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước của một số nước trên thế giới có nền hành chính tương đối hiệu quả, năng động (Hoa Kỳ, một số nước châu Âu, Australia, Singapore, Hàn Quốc) hoặc có những điểm tương đồng với Việt Nam (Trung Quốc); Đánh giá khái quát thực trạng cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay (tập trung đánh giá về thực trạng quy định hiện hành và một số điểm hạn chế trong thực tiễn thực thi);

Số hồ sơ lưu: 19217

### **50699. Khoa học chính trị khác**

79449. 04-2022 **Phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong sự nghiệp đổi mới hiện nay/** TS. Đinh Ngọc Quý, TS. Đinh Ngọc Quý; TS. Lê Thị Hằng; PGS.TS. Trần Minh Trường; PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Dung; PGS.TS. Nguyễn Thế Thắng; PGS.TS. Đỗ Xuân Tuát; TS. Nguyễn Hữu Lập; ThS. Trần Thị Nhuận; ThS. Nguyễn Tuyết Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Lương Thị Lan - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở làm rõ nội dung, đặc trưng và giá trị phong cách lãnh đạo

Hồ Chí Minh. Thực trạng, những vấn đề đặt ra về phong cách lãnh đạo của đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Đề xuất quan điểm và giải pháp vận dụng phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh trong xây dựng phong cách người cán bộ lãnh đạo trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 18506

### **50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội**

79087. 04-2022 Nghiên cứu xác định các chỉ số an ninh môi trường, đề xuất khung chính sách và giải pháp quản lý, ứng phó/ TS. Tạ Đình Thi, TS. Dương Thanh An; ThS. Phan Thị Kim Oanh; TS. Nguyễn Văn Tài; ThS. Hoàng Văn Bảy; PGS.TS. Huỳnh Thị Lan Hương; PGS.TS. Chu Đức Dũng; TS. Bùi Hoài Nam; TS. Nguyễn Trung Thắng; TS. Nguyễn Tùng Lâm; TS. Chu Ngọc Kiên - Hà Nội - Viện Chiến lược, Chính sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2021 - 01/2020 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về vấn đề an ninh môi trường của các nước trên thế giới và Việt Nam; phương pháp xây dựng bộ tiêu chí và các chỉ số an ninh môi trường. Xây dựng được bộ tiêu chí và xác định được các chỉ số an ninh môi trường phù hợp với điều kiện Việt Nam. Đề xuất khung chính sách, giải pháp và cơ chế ứng phó phù hợp, đảm bảo an ninh môi trường ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18282

### **50702. Địa lý kinh tế và văn hoá**

78698. 04-2022 Nghiên cứu, phát triển một số dịch vụ hỗ trợ và quản lý du khách nhằm phát triển du lịch bền vững theo định hướng thành phố thông minh và Chính phủ điện tử/ TS. Trần Hoàng Vũ, PGS. TS. Phan Cao Thọ; PGS. TS. Nguyễn Tấn Khôi; PGS. TS. Nguyễn Tấn Hưng; TS. Trần Thanh; TS. Chủ Đức Hoàng; TS. Nguyễn Đức Hiền; TS. Nguyễn Linh Nam; TS. Nguyễn Thị Khánh Hồng; ThS. Nguyễn Văn Phát; ThS. Phạm Thị Thảo Khương - Đà Nẵng - Trung tâm Đào tạo, Bồi dưỡng và Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ, 2020 - 10/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hiện nay các thành phố lớn ở Việt Nam đã và đang triển khai dự án thành phố thông minh, vấn đề sử dụng công nghệ IoT (Internet of things) để đẩy mạnh phát triển ngành du lịch được sử dụng rộng rãi, đặc biệt giúp phát triển du lịch có tính liên vùng. Việc triển khai thành phố thông minh bao gồm nhiều lĩnh vực như giao thông đô thị, sử dụng năng lượng hiệu quả, quản lý hạ tầng đô thị, lĩnh vực y tế, lĩnh vực giáo dục và văn hóa, lĩnh vực an toàn, sự tham gia của người dân, cung cấp dịch vụ công trực tuyến... Trong đó việc nghiên cứu phát triển công nghệ thông tin điện tử cung cấp dịch vụ công đáp ứng nhu cầu của người dân, phần mềm quảng bá du lịch và phát triển thể đa năng phục vụ cho các dịch vụ công, tiện ích, du lịch, giao thông và hiện nay đang được các cấp chính quyền thành phố quan tâm để phát triển du lịch bền vững

theo định hướng thành phố thông minh và Chính phủ điện tử

Số hồ sơ lưu: 18121

78741. 04-2022 **Các thành phần kinh tế Việt Nam hiện nay: Thực trạng, xu hướng phát triển và định hướng chính sách/ PGS. TS. Trần Đình Thiên, PGS. TS. Phí Mạnh Hồng; PGS. TS. Đặng Phương Hoa; TS. Phạm Sỹ An; TS. Lê Văn Hùng; TS. Nguyễn Đình Hòa; TS. Phạm Bích Ngọc; TS. Đào Thị Hoàng Mai; TS. Lý Hoàng Mai; TS. Phí Vĩnh Tường - Hà Nội - Viện kinh tế Việt Nam, 2020 - 01/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Hệ thống hóa các quan điểm và lý luận về các Thành phần kinh tế, nhận diện lý luận về các thành phần kinh tế từ góc nhìn hiện đại. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế phát triển các thành phần kinh tế và giải quyết các vấn đề của nền kinh tế nhiều thành phần; rút ra các bài học cho Việt Nam. Làm rõ quá trình tiến triển tư duy lý luận (nhận thức, quan điểm), chủ trương, chính sách và giải pháp phát triển các thành phần kinh tế của Đảng, Nhà nước và Chính phủ, tập trung trong giai đoạn 30 năm đổi mới. Mở xẻ làm rõ thực trạng phát triển các thành phần kinh tế trong nền kinh tế Việt Nam (trước và sau đổi mới), tập trung vào giai đoạn đổi mới và mở cửa – hội nhập. Chỉ ra các vấn đề và nguyên nhân, trong đó nhấn mạnh đến nguyên nhân gắn với quan điểm, chính sách và giải pháp được thực hiện trong thực tiễn.

Số hồ sơ lưu: 18129

### **50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị**

79304. 04-2022 **Phát triển không gian văn hóa đô thị ở Nhật Bản cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX/ TS. Nguyễn Dương Đỗ Quyên, ThS. Nguyễn Thị Lê; GS.TS. Hồ Sĩ Quý; ThS. Dương Thu Hà; ThS. Lưu Thị Thu Thủy; ThS. Ngô Thị Mai Diên; ThS. Trần Thị Thanh; ThS. Lương Thị Thu Trang; ThS. Phạm Phương Hà - Hà Nội - Viện Thông tin Khoa học Xã hội, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Khái quát lý luận về văn hóa đô thị và không gian văn hóa, mặt khác trình bày khái lược về lịch sử phát triển của xã hội và đô thị Nhật Bản từ cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX. Tổng quan các kết quả nghiên cứu về sự phát triển của các không gian văn hóa đô thị tiêu biểu, quá trình chuyển biến trong văn hóa đô thị nhìn từ không gian văn hóa và một số trường hợp đô thị điển hình ở Nhật Bản từ cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX. Nghiên cứu về phát triển không gian văn hóa đô thị ở Việt Nam trong sự liên hệ với những kinh nghiệm của Nhật Bản.

Số hồ sơ lưu: 18499

### **50802. Thông tin học**

79182. 04-2022 **Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư lưu trữ tại Bộ Thông tin và Truyền thông/ CN. Trần Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Tuyết Mai; Trần Quỳnh Lan; Lưu Đức Nghĩa; Hoàng Thị Phúc; Trần Thị Nguyệt; Phạm Trung Kiên;**



Nguyễn Tiến Thành; Hoàng Thúy Hằng; Đặng Thế Chuyên; Lê Thu Hằng; Đỗ Phương Thúy; Phạm Quang Hưởng - Hà Nội - Văn phòng Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020 - 06/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp công nghệ thông tin phù hợp với công tác văn thư, lưu trữ trong việc quản lý tài liệu điện tử tại Bộ Thông tin và Truyền thông. Trên cơ sở đó, đề tài phân tích các vấn đề còn tồn tại của các giải pháp và nêu ra các vấn đề cần đưa ra biện pháp nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ Thông tin và Truyền thông. Nghiên cứu, rà soát giải pháp công nghệ thông tin trong công tác văn thư, lưu trữ. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư, lưu trữ tại Bộ Thông tin và Truyền thông.

Số hồ sơ lưu: 18380

81823. 04-2022 **Nghiên cứu đề xuất mô hình hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chung đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Bộ Công Thương/** ThS. Trần Thị Bạch Tuyết, ThS. Trần Thị Lê Doan; TS. Nguyễn Thúy Hiền; ThS. Đỗ Vũ Anh Thư; ThS. Lê Hoàng Ngân; ThS. Vũ Thanh Huyền; CN. Bùi Khánh Vân; ThS. Hoàng Ninh; KS. Nguyễn Văn Đại; CN. Hoàng Văn Hải; TS. Trần Thị Bảo Khanh - Hà Nội - Vụ Kế hoạch, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tích hợp, chuẩn hóa liên kết các kênh thông tin, các cơ sở dữ liệu hiện có của các đơn vị thuộc Bộ thành hệ thống thông tin, cơ sở dữ

liệu chung để kết nối đồng bộ với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và hệ thống thông tin thống kê nhà nước. Quản lý, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chung phục vụ có hiệu quả sự chỉ đạo, điều hành của Bộ Công Thương. Nghiên cứu là cơ sở để xây dựng Đề án Hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Bộ Công Thương, các cơ quan quản lý Nhà nước cũng như đáp ứng nhu cầu thông tin của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 19538

## 6. Khoa học nhân văn

77428. 04-2022 **Lịch sử Đảng bộ Cơ quan Ngân hàng Trung ương (1951-2020)/** Trần Việt Bắc, KS; CN. Trần Việt Bắc CN. Nguyễn Lan Anh ThS. Lê Thị Mai Hương PGS.TS. Đào Minh Phúc TS. Cấn Quốc Hưng CN. Lê Văn Khanh CN. Đào Văn Sơn ThS. Lê Xuân Trường CN. Tô Thị Linh - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, phản ánh chân thực sự hình thành, quá trình xây dựng và phát triển của Đảng bộ cơ quan NHTW qua các thời kỳ, tập trung vào các nhiệm kỳ đại hội trong bối cảnh chung của lịch sử của đất nước và ngành Ngân hàng. Nghiên cứu, làm rõ sự ra đời và hoạt động của Đảng bộ Cơ quan Ngân hàng Trung ương gắn liền với lịch sử xây dựng và phát triển của NHNN qua từng thời kỳ. Làm rõ những chặng đường lịch sử của Đảng bộ Cơ quan Ngân hàng Trung ương qua các giai đoạn phát triển của NHNN và các diễn biến của nền kinh tế. Tổng kết các

thành tựu mà Đảng bộ Cơ quan Ngân hàng Trung ương đạt được qua 70 năm qua, qua đó khẳng định vai trò của Đảng bộ Cơ quan Ngân hàng Trung ương và Ban chấp hành Đảng bộ qua các nhiệm kỳ.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-020

### **60101. Lịch sử Việt Nam**

80611. 04-2022 **Nội các Trần Trọng Kim và vị trí lịch sử của nó**/ GS.TS. Phạm Hồng Tung, GS .TS. Phạm Hồng Tung - Hà Nội - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008 - 10/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc và cụ thể hoàn cảnh, nguyên nhân ra đời, các chủ trương, chính sách và hoạt động của Nội các Trần Trọng Kim, để đi tới những cách đánh giá mới về bản chất, vai trò và vị trí lịch sử của nó. Trình bày chi tiết các chủ trương, chính sách và hoạt động của Nội các Trần Trọng Kim từ khi nó chính thức được Hoàng đế Bảo Đại phê chuẩn (ngày 17-4-1945) cho tới phiên họp cuối cùng của nó (vào ngày 23-8- 1945). Tập trung trình bày kỹ những cách đánh giá khác nhau về Nội các Trần Trọng Kim.

Số hồ sơ lưu: 19067

### **60206. Nghiên cứu văn học từng dân tộc, từng nước, khu vực khác**

79336. 04-2022 **Tiểu thuyết Trung Quốc hai thập niên đầu thế kỷ XXI**/ TS. Nguyễn Thị Hiền, ThS. Nguyễn Thị Tâm; TS. Nguyễn Mạnh Hoàng; ThS. Phạm Quỳnh An; ThS. Vũ Thị Mỹ Hạnh - Hà Nội - Viện

Thông tin Khoa học Xã hội, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa và tổng hợp thông tin tư liệu nhằm làm rõ thành tựu nghiên cứu và sáng tác tiểu thuyết Trung Quốc trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI: Thông tin nghiên cứu về những vấn đề chung của tiểu thuyết Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI gồm các khái niệm liên quan đến tiểu thuyết, lực lượng sáng tác, số lượng tiểu thuyết xuất bản tại Trung Quốc và tình hình dịch tiểu thuyết Trung Quốc 14 tại Việt Nam. Tình hình nghiên cứu tiểu thuyết Trung Quốc hai thập niên đầu thế kỷ XXI theo trong mối quan hệ với văn hoá, điện ảnh, chính trị, tôn giáo, phê bình sinh thái. Tổng quan tình hình nghiên cứu về đề tài, trào lưu, khuynh hướng sáng tác tiểu thuyết Trung Quốc hai thập niên đầu thế kỷ XXI. Tổng luận nghiên cứu, thông tin về đặc điểm nghệ thuật tiểu thuyết và một số tiểu thuyết gia Trung Quốc tiêu biểu hai thập niên đầu thế kỷ XXI.

Số hồ sơ lưu: 18504

### **60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung**

79201. 04-2022 **Ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ tới các quốc gia Đông Nam Á hải đảo (Trường hợp Indonesia và Malaysia)**/ TS. Phạm Thanh Tịnh, TS. Hà Thị Đan; TS. Lê Phương Hòa; TS. Hoàng Thị Mỹ Nhị; ThS. Trịnh Hải Tuyền - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á, 2021 - 02/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát bức tranh văn hóa bản địa Đông Nam Á trước khi tiếp xúc với văn hóa Ấn Độ. Khái quát nền văn hóa cổ đại Ấn Độ và làm rõ quá trình du nhập văn hóa Ấn Độ vào các quốc gia Đông Nam Á hải đảo, đặc biệt là Indonesia và Malaysia. Nêu bật những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với Đông Nam Á hải đảo trong đó có Indonesia và Malaysia trên một số lĩnh vực cụ thể như: Xây dựng nhà nước và hệ tư tưởng quốc gia; ngôn ngữ và chữ viết; văn học; tôn giáo; kiến trúc, hội họa; lễ hội, ẩm thực. Nhận xét, đánh giá về ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ tới các quốc gia Đông Nam Á hải đảo trên cả hai bình diện trao chuyển và tiếp nhận.

Số hồ sơ lưu: 18375

### **60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam**

81729. 04-2022 **Làng Khoa bảng Nho học ở đồng bằng Sông Hồng/** TS. Ngô Vũ Hải Hằng, TS. Lê Quang Chấn ThS. Bùi Văn Huỳnh; PGS.TS. Hà Mạnh Khoa; ThS. Đỗ Danh Huân; TS. Nguyễn Thị Hải - Hà Nội - Viện Sử học, 2021 - 01/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đưa ra khái niệm và tiêu chí xác định làng khoa bảng. Trên cơ sở thống kê các làng khoa bảng ở đồng bằng sông Hồng, nghiên cứu, tìm hiểu nguyên nhân hình thành và nêu lên đặc điểm của các làng khoa bảng. Đánh giá ảnh hưởng của Nho giáo, giáo dục - khoa cử Nho học trong làng xã và khảo cứu một số làng khoa bảng tiêu biểu.

Số hồ sơ lưu: 19510

### **60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ**

80913. 04-2022 **Nghiên cứu, đề xuất luận cứ khoa học, thực tiễn cho đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo/** TS. Đặng Kim Sơn, TS. Đặng Đức Anh; ThS. Phó Thị Kim Chi; TS. Trần Công Thắng; TS. Trần Ngọc Ca; TS. Đặng Đức Đạm; ThS. Đỗ Văn Lâm; TS. Trần Toàn Thắng; ThS. Hoàng Thị Minh Hà; CN. Trần Thị Kim Dung - Hà Nội - Hội đồng lý luận Trung ương, 2021 - 10/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về cơ sở lý thuyết và thực tiễn của một số mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế hiện tại trên thế giới để đưa ra những bài học kinh nghiệm về lựa chọn mô hình phát triển, đổi mới mô hình tăng trưởng Việt Nam; Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế Việt Nam từ thời kỳ đổi mới đến nay, phân tích, đánh giá các thành công và yếu kém để chỉ ra nguyên nhân từ mô hình tăng trưởng, phát triển thời gian qua. Chỉ ra được thực chất của mô hình cũ, điểm yếu chính của nó, khả năng điều chỉnh và dự báo kết quả nếu tiếp tục áp dụng nó trong tương lai; Từ kinh nghiệm thực tiễn thế giới và một số điển hình trong nước, trên cơ sở phân tích các vấn đề liên quan đến mô hình tăng trưởng đề xuất mô hình tăng trưởng kinh tế mới phù hợp điều kiện, phát huy lợi thế của các vùng miền, phối hợp ngành nghề, dựa trên thế mạnh các thành phần kinh tế,

phát triển KHCN và ĐMST; Từ đó đề ra các quan điểm, định hướng và nội dung cho mô hình tăng trưởng mới trong giai đoạn 2021-2030 để đưa Việt Nam tăng trưởng nhanh, phát triển ổn định và bền vững.

Số hồ sơ lưu: 19223

81767. 04-2022 **Nghiên cứu khung chính sách phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo vùng/** ThS. Cao Thị Thu Anh, ThS. Đặng Thu Giang; ThS. Nguyễn Hồng Anh; ThS. Tạ Doãn Hải; ThS. Phạm Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Đặng Thu Minh; ThS. Nguyễn Thị Thu Thùy; ThS. Đặng Thị Thu Trang; TS. Nguyễn Trung Kiên - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2021 - 07/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Một số khái niệm về đổi mới sáng tạo và hệ thống đổi mới sáng tạo vùng. Chính sách phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo vùng và kinh nghiệm một số nước về chính sách phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo vùng. Phân tích chính sách phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo vùng ở đồng bằng sông Cửu Long. Vai trò của các tác nhân trong hệ thống đổi mới sáng tạo vùng đang hình thành và đề xuất khung chính sách phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo vùng ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19524

81801. 04-2022 **Nghiên cứu vai trò và sự đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (STI) trong việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững đến năm**

**2030 của Việt Nam/** ThS. Đặng Thu Giang, CN. Phạm Thu Hằng; TS. Trần Ngọc Ca; ThS. Nguyễn Võ Hưng; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Tạ Doãn Hải; ThS. Nguyễn Hồng Anh; ThS. Chu Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga; ThS. Trần Sơn Tùng - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2021 - 07/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Tổng quan về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc. Kinh nghiệm quốc tế về thúc đẩy vai trò và sự đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Vai trò, khả năng đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam. Đề xuất một số vấn đề khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ưu tiên nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam giai đoạn đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: 19529

81802. 04-2022 **Nghiên cứu mô hình quản trị tài sản trí tuệ dựa trên thông tin sở hữu trí tuệ/** ThS. Bùi Tiến Quyết, CN. Nguyễn Thị Hương Xiêm; TS. Đào Minh Đức; ThS. Đỗ Thị Xuân Hương; CN. Nguyễn Thị Thanh Vân; ThS. Nguyễn Thị Lệ Kim; ThS. Trần Thị Thu Hằng; CN. Lê Quang Dũng; CN. Lê Việt Tiến; CN. Nguyễn Thị



Như Hoa - Hà Nội - Viện Khoa học sở hữu trí tuệ, 2021 - 03/2020 - 02/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ đặc điểm, các yếu tố, thành phần cấu thành của mô hình quản trị tài sản trí tuệ dựa trên thông tin sở hữu trí tuệ. Cung cấp căn cứ lý luận và thực tiễn về việc xây dựng mô hình quản trị tài sản trí tuệ dựa trên thông tin sở hữu trí tuệ. Đề xuất mô hình chung quản trị tài sản trí tuệ dựa trên thông tin sở hữu trí tuệ trong 3 lĩnh vực: Sở hữu công nghiệp, Bản quyền tác giả và Giống cây trồng. Xây dựng, áp dụng thí điểm mô hình quản trị tài sản trí tuệ dựa trên thông tin sở hữu trí tuệ cho 3 tổ chức/doanh nghiệp thuộc 3 lĩnh vực: Sở hữu công nghiệp, Bản quyền tác giả và Giống cây trồng.

Số hồ sơ lưu: 19531

### **60303. Đạo đức học**

79313. 04-2022 **Đạo đức trong nghiên cứu khoa học: kinh nghiệm thế giới và gợi ý chính sách cho Việt Nam/** PGS.TS. Cao Thu Hằng, TS. Lương Mỹ Vân; GS.TS. Phạm Văn Đức; TS. Trần Tuấn Phong; TS. Lương Thu Hiền; TS. Nguyễn Đình Hoà; ThS. Hoàng Minh Quân; ThS. Nguyễn Ánh Hồng Minh; Nguyễn Văn Phúc; Vũ Thị Kiều Phương; Nguyễn Thị Hảo; Đỗ Thị Kim Hoa; Lê Thuý Hạnh; Phan Thị Thu Hằng; Nguyễn Thu Nghĩa; Hồ Mạnh Tùng; Nguyễn Minh Nguyên; Lê Thị Thu Trang - Hà Nội - Viện Triết học, 2020 - 10/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số vấn đề lý luận về đạo đức trong nghiên cứu khoa học, kinh

nghiệm thực hiện đạo đức trong nghiên cứu khoa học của một số quốc gia trên thế giới. Thực trạng thực hiện đạo đức trong nghiên cứu khoa học của một số quốc gia trên thế giới; qua đó, làm rõ một số những khó khăn, thách thức và nguyên nhân của vấn đề từ thực tiễn thực hiện đạo đức trong nghiên cứu khoa học ở các quốc gia này. Trên cơ sở đó rút ra một số bài học kinh nghiệm và gợi ý chính sách nhằm nâng cao nhận thức đạo đức trong nghiên cứu khoa học ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 18498

### **60405. Nghệ thuật dân gian**

81746. 04-2022 **Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ/** PGS.TS. Phạm Tiết Khánh, ThS. Phạm Thị Tố Thy; ThS. Nguyễn Đăng Hai; TS. Mai Mỹ Duyên; CN. Thạch Sết; ThS. Thạch Thị Út Linh; TS. Sơn Ngọc Hoàng; TS. Nguyễn Thế Truyền; TS. Nguyễn Thị Kiều Tiên; ThS. Sơn Cao Thắng - Trà Vinh - Trường Đại học Trà Vinh, 2021 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu, sưu tầm và xuất bản liên quan âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ. Hệ thống và phân loại âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ. Xác định không gian và giá trị văn hóa của âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ. Thực trạng thực hành âm nhạc dân gian trong sinh hoạt văn hóa của người Khmer Nam Bộ. Hệ thống hóa tư liệu và đánh giá tình hình sưu tầm,

bảo tồn và truyền dạy dân ca , nhạc khí dân gian Khmer Nam Bộ . Xây dựng dữ liệu về nghệ sĩ , nghệ nhân tiêu biểu của nền âm nhạc dân gian Khmer Nam . Thực trạng giá trị văn hóa âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ trong bối cảnh hiện nay và xây dựng các nhóm giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ . Xây dựng , xuất bản và phát hành bộ tư liệu bài bản dân nhạc Khmer Nam Bộ . Xây dựng bộ sách ảnh các nhạc cụ , cách chế tác và hướng dẫn sử dụng nhạc cụ một số thể loại nhạc đàn và nhạc hát của âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ.

Số hồ sơ lưu: 19518

#### **699. Khoa học nhân văn khác**

79267. 04-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển bền vững Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Đền Hùng/ KS.** Nguyễn Trần Hậu, ThS. Lê Quốc Tuấn; ThS. Đỗ Trọng Tấn; ThS. Lưu Quang Huy; ThS. Lê Trường Giang; ThS. Nguyễn Huy Công; ThS. Đoàn Hồng Quang; TS. Phạm Hồng Tuấn; ThS. Nguyễn Ngọc Tú; ThS. Trần Hà; ThS. Cồ Như Văn; KS. Đoàn Văn Thông; PGS.TS. Phạm Hồng

Dương; ThS. Dương Đức Duy; ThS. Nguyễn Văn Đưa; ThS. Nguyễn Hoàng Long - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ Vi điện tử và Tin học, 2020 - 11/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Áp dụng một số công nghệ cao trong việc xây dựng hệ thống thông tin tập trung, bao gồm: Thiết kế tổng thể hệ thống quản lý giám sát tập trung và điều hành khu di tích; xây dựng hệ thống quản lý cổ vật và bảo tàng ảo 3D; hệ thống giám sát cháy rừng trong khu vực di tích nhằm cảnh báo sớm các vụ cháy rừng; hệ thống giao thông thông minh ITS giám sát, điều khiển, quản lý giao thông và kiểm soát phương tiện; quản lý điện, chiếu sáng nội thất và ngoại thất các đền chùa thuộc khu di tích, sử dụng công nghệ LED có kiểu dáng và tính năng đặc biệt; hệ thống âm thanh phân tán dọc khu hành lễ tại Đền Hùng nhằm khắc phục nhược điểm của hệ thống âm thanh hiện tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển bền vững Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Đền Hùng.

Số hồ sơ lưu: 18491

**Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN**

**1. Tên thủ tục hành chính:** Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

**2. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn

bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### **3. Cách thức thực hiện:**

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

### **4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ**

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);



- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.
- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

**5. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**9. Lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- Phiếu mô tả công nghệ.
- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.
- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.
- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:**

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: quanly@vista.gov.vn

*\* Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*